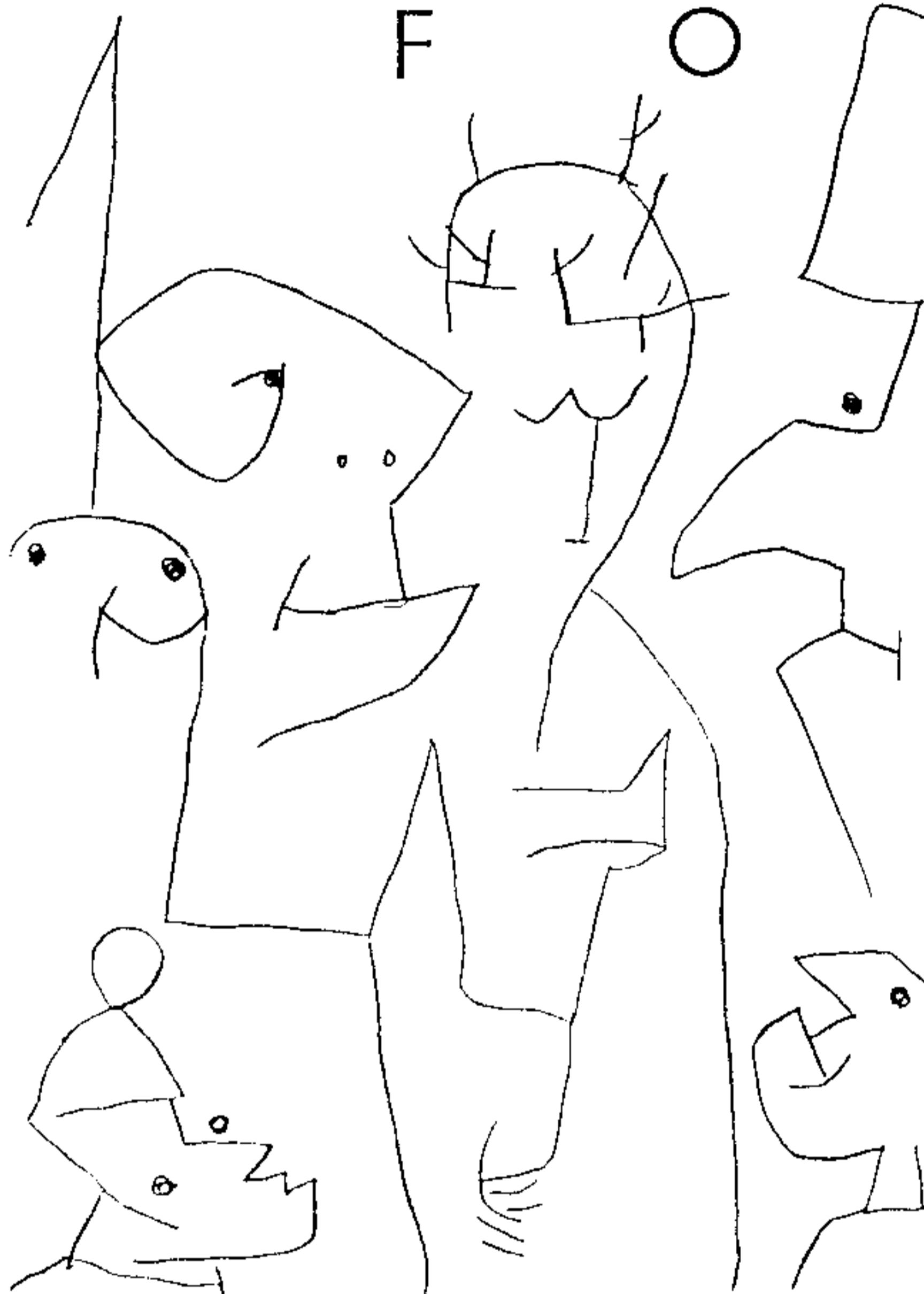


F O R U M



PAUL KLEE, Tentative d'une dérision (1940)

## Mục lục

- 1 Lá thư đầu năm
- 2 Bạn đọc và Diễn đàn

### Diễn đàn

## Đời sự, những vấn đề

- 4 Tin tức
- 8 Sổ tay Phong Quang
- 9 Media và Xã hội công dân Nguyễn Ngọc Giao
- 14 Mác và kinh tế thị trường (II) Trần Hải Hạc
- 17 Dòng họ Lý ở Hàn Quốc

## Văn hóa, nghệ thuật, khoa học

- 18 Đông Nam Á 1833 dưới mắt Phan Huy Chú Nguyễn Thắng
- 19 Một vài vấn đề về văn hóa và tri thức Nguyễn Xuân Lộc
- 21 Khoa học Kỹ thuật và Văn hóa Hàn Thuỷ
- 25 Trở lại Fermat Nguyễn Quang Đỗ Thông
- 26 Người vợ Nguyễn Khải
- 28 Thơ Văn Cao, Quang Huy, Hoàng Phủ Ngọc Tường
- 29 Giấc mơ Thổ, trích tiểu thuyết Trần Vũ

## Lá thư đầu năm

20.50.-5.

Tùy theo thời điểm qui chiếu, 1995 theo phong tục hiện đại là một năm “ chẵn ” của những sự kiện đáng hoặc cần nhắc tới. 20 năm kể từ ngày đất nước thống nhất ; 50 năm từ cuộc Cách mạng tháng Tám ngắt lòng người dân Việt ; và còn 5 năm nữa là tới năm 2000, một cột mốc với tính tượng trưng được cả thế giới nhìn nhận. Vậy, trước thềm năm mới, người Việt Nam có thể chờ đợi, ước mong những gì ?

Những lễ hội vui tươi chẳng ? Chắc ít ai phủ nhận, với những “ đổi mới ” từ mấy năm nay, kinh tế đã khá hơn, cả về các chỉ số vĩ mô và trong cuộc sống hàng ngày bớt chật vật. Sự chuẩn bị gia nhập ASEAN cũng đang diễn ra tích cực, tạo những điều kiện khách quan mới ngăn chặn các bước lùi về những chính sách giáo điều tai hại của một thời đã qua. Song, nếu các thế lực ngoại bang có trách nhiệm chính đã gieo tang tóc chiến tranh suốt 30 năm trời, nhức nhối hơn vẫn là những vết thương chia rẽ do những bộ phận của dân tộc gây ra đối với chính bản thân đồng bào, anh em mình. Nhất là khi chúng không những không được tha thứ mà còn tiếp tục được đào xới, mỗi bên dùng những đối thủ cực đoan nhất của mình làm bình phong để tránh trách nhiệm của chính mình. Và khi những người ở địa vị thắng trận, cầm quyền binh trong tay, tưởng có thể ngự trị độc tôn như những hoàng đế nông dân của nhiều thế kỷ trước, ép mọi người phải qui phục, miệt thị những đòi hỏi dân chủ thông thường nhất của xã hội ở cuối thế kỷ 20 này. Những ngày lễ đang được chuẩn bị với sự tăng cường các biện pháp “ an ninh ” mang đầy tính chất đối phó với những tiếng nói phản kháng. Các nhà tù tiếp tục giam giữ nhiều công dân có tội danh duy nhất là đòi thực thi các quyền tự do ghi trong chính bản Hiến pháp của chế độ. Giữa khi cần động viên ở mức cao nhất tài sức và thiện chí của mọi người vào việc giải quyết hàng loạt những vấn đề lớn của đất nước đang đứng trước “ nguy cơ tụt hậu ” đối với thế giới chung quanh và ngay cả đối với bản thân cuộc sống của dân tộc !

(xem tiếp trang 3)

## DIỄN ĐÀN FORUM

*Chủ nhiệm:* Hà Dương Tường

*Tổng biên tập:* Trần Hải Hạc

*Ban chủ biên:* Trần Hải Hạc, Lê Văn Cường,  
Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường

*Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:*

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,  
Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc,  
Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,  
Thanh Thanh, Vũ Thành, Nguyễn Thắng, Hàn Thuỷ,  
Đặng Tiến, Nam Trần, Hoài Văn, Kiến Văn,  
Hải Văn, Hòa Văn

*Bản đọc*



### Ông Linh ông Lin

Nhân đọc ngay được số tháng 11 và tiện chuyển thư, tôi  
xin góp chút mắm muối của người trong nước về câu thơ Tố  
Hữu mà Hoà Vân nêu lên trong bài giới thiệu cuốn sách “*Tổ  
trình bí mật của K...*”.

Hoà Vân trích :

*Yêu biết mấy, nghe con tập nói*

*Tiếng con thơ gọi Xталин!*

là theo những bản in chính thức có lề từ những năm 60.

Còn câu :

*Yêu Ông biết mấy, nghe con tập nói !*

*Tiếng đầu lòng con gọi Stalin !*

theo tôi hiểu, là theo bản lưu truyền ở miền Nam, có lề từ  
cuốn *Trăm hoa đua nở...* của Hoàng Văn Chí.

Năm 53-54 tôi học trung học ở vùng tự do (Khu 4), nay  
còn thuộc lòng mấy câu đó như sau :

*Yêu biết mấy, nghe con tập nói*

*Tiếng đầu lòng nó gọi : ông Lin*

*Cái mồm thơm nức xinh xinh*

*Như con chim của hòa bình trắng trong.*

Tôi không có thời giờ đi tìm bản in những năm 1950, nhưng  
kiểm lại với bạn bè cùng tuổi đã sống ở Việt Bắc, có thể  
đoán chắc đó là nguyên bản, ít nhất dưới dạng đã được phổ  
biến trong vùng kháng chiến khi bài thơ ra đời.

V. Q. (Hà Nội, Việt Nam)



Chúng tôi vừa nhận được, xin giới thiệu với bạn đọc :

■ Nhật Tiến và Nhật Tuấn, *Quê Nhà Quê Người*, Nhà  
xuất bản Văn Học, 1994, 202 trang. Một tập truyện không  
như các tập truyện khác. Hai nhà văn là anh em ruột, anh  
sống ở Mỹ, em sống ở Việt Nam. Nhật Tiến sau 54 vào  
Nam, sau 75 sang Mỹ. Nhật Tuấn sống ở Hà Nội, sau 75 ở  
Sài Gòn.

■ Alain Dugrand, *Les Craven de l'Onclie Ho*, nhà xuất  
bản Grasset, Paris 1994, 288 trang (110FF). Tiểu thuyết của  
một nhà văn Pháp thuộc “thế hệ Việt Nam”. Một cuộc hành  
trình từ bắc vào nam, sáu nhân vật di tìm quá khứ. Có những  
nhân vật người đọc nhận ra mô hình đời thực (G.  
Boudarel, Nguyễn Mạnh Tường...). Tất nhiên, đây không  
phải là một tiểu thuyết về Việt Nam, mà về một người Pháp  
nhìn Việt Nam. Tất nhiên cũng chẳng dính túi tựa đề. Vả  
lại, cụ Hồ không nghiện thuốc Craven'A, mà Philip Morris.

■ ASSIMIL : *Le Vietnamien sans peine*, vừa ra lò : 400  
FF một hộp gồm : 1 cuốn sách (63 bài, 592 trang, giá bán  
riêng : 100 FF) + 4 băng catxet (tổng cộng 3 giờ). Công phu  
của Đỗ Thế Dũng và Lê Thanh Thuỷ, hai giảng viên nhiều  
năm kinh nghiệm trong việc giảng dạy tiếng Việt cho người  
nuôi ngoài, đặc biệt cho người Pháp và người Việt sinh  
trưởng tại Pháp.

## SKI ALPE D'HUEZ

Du 25 FÉVRIER AU 04 MARS

**2400 Fr**

**COMPRENANT :** Transport en car  
• hébergement en gîtes de groupe  
• pension complète • forfait  
remontées mécaniques 6 jours •  
assurance.

**En option :** location Skis + Chaussures = 220 Fr

Pour participer aux activités de  
l'UJVF, il faut en être membre.

**Adhésion 1995 :**

- 85 Fr/étudiant, chômeurs
- 150 Fr/salariés.

#### ATTENTION

Le nombre de places est limité, par  
conséquent envoyez vos inscriptions au  
plus vite avec :

- le bulletin d'inscription rempli.
- un chèque de 1000 Fr d'acompte.
- un chèque d'adhésion UJVF pour  
les non-adhérents à l'ordre de l'UJVF.
- une photo d'identité.

A envoyer chez :

M. NGUYEN Thai-Binh  
7 square Dunois app' 1021  
75013 PARIS.

**Nota :** l'acompte n'est remboursé qu'en cas  
d'annulation du séjour par l'UJVF.

#### RENSEIGNEMENTS

- **Tébé** 40 80 04 74 (la journée)  
45 83 12 69 (le soir)
- **Jérôme** 42 72 83 24 (la journée)

#### BULLETIN INSCRIPTION

NOM

PRÉNOM

DATE NAISSANCE

TÉLÉPHONE

ADRESSE

Séjour sans option location matériel

Montant à régler : 2 400 Fr

Séjour avec option location matériel

Montant à régler : 2 620 Fr

## Centre Culturel Franco-Vietnamien

24, rue des Ecoles, 75005 PARIS, ☎ [1] 43 29 60 89

(ouvert tous les jours, sauf le lundi)

programme de janvier 1995

#### EXPOSITION DE PEINTURE :

“*Les sibyllines*” d’Elisabeth Valencic

(vernissage : samedi 7 janvier, à 18h)

#### EXPOSITION DE PHOTOS :

“*Vietnamaises, 1994*” de Christine Pictet

(vernissage : samedi 7 janvier, à 18h)

#### RÉCITAL :

Đoàn ca múa nhạc trung ương SÔNG HỒNG

samedi 14 janvier à 19 h : Amphithéâtre Tour 24,  
Université Paris 7, 2 place Jussieu, Paris 5

#### CINÉMA-VIDÉO :

*Dấu ấn của quý* (La Marque du Démon)

film de Việt Linh (dimanche 15 janvier à 16h)

#### CONFÉRENCE :

*Histoire et écritures au Vietnam*, par M. Nguyễn Phú  
Phong (samedi 21 janvier, 18 h 30)

## Thư đầu năm (tiếp theo trang 1)

Không phải chỉ là những vấn đề trực tiếp liên quan tới phát triển kinh tế, như tiền vốn, xây dựng cơ sở hạ tầng, việc giải quyết thất nghiệp, nạn tham nhũng, buôn lậu v.v... Một ví dụ nổi cộm : sự xói mòn nghiêm trọng của môi trường sống, mà những chính sách kinh tế ăn xổi ở thì không thể góp phần ngăn chặn. Các trận bão lớn vẫn cứ thường xuyên gây lụt lội lớn hơn các thời kỳ trước, khi rừng tiếp tục bị tàn phá. Báo chí trong nước thường xuyên nêu các ví dụ phá huỷ môi trường, và những cái lắc đầu chán ngán, bất lực của những người hữu trách thường chẳng có bao nhiêu quyền hạn trong bộ máy !

Có thể kể nhiều vấn đề khác, song có lẽ, nhức nhối hơn cả vẫn là sự tiếp tục xuống cấp của nền giáo dục, kéo theo những giáo lý cơ bản về phép ứng xử, đạo đức trong cuộc sống hàng ngày. Sự "đào tạo" vội vã, ăn xổi, của các trường lớp dạy tiếng Anh, tin học, quản lý chưa đủ sức cung cấp các cán bộ thừa hành cho những công ty ngoại quốc, không nói tới những việc lấp các lỗ hổng kiến thức của những viên chức có nhiệm vụ điều hành công việc của nhà nước, mà chỉ một phần công việc là giao dịch với các công ty nước ngoài ấy. – Chưa kể sự ưu tiên chọn lựa người vào các chức vụ quan trọng của nhà nước, không phải dành cho những người có tài năng và lòng trung thành với đất nước, mà trước hết cho những kẻ biết cùi cung, tận tuỵ với sự nghiệp của đảng cầm quyền... và với cấp trên. Những ưu tiên không thể được thay đổi một cách cơ bản khi sự độc quyền của đảng vẫn là chủ thuyết chính thống, sẽ tiếp tục làm thui chột những hoài bão của các thế hệ trẻ, mà không một lời kêu gọi nào cứu vãn được. Báo Tuổi Trẻ chủ nhật số ra ngày 4.12.1994 viết bài về "tuyển dụng công khai trí thức trẻ" báo động sự bất cập của ngành giáo dục đại học, khiến cho "12 000 sinh viên tốt nghiệp trong cả nước vẫn chưa được thị trường chấp nhận". Qua bài viết, người ta hiểu là thị trường lao động ở đây chỉ nói tới các công ty kinh tế. Chẳng ai đặt vấn đề vào những cơ quan điều hành nhà nước, là những nơi đảng tịch mới là mảnh bằng tiến thân !

Một nửa thế kỷ đã trôi qua từ ngày Việt Nam long trọng tuyên bố với thế giới quyền độc lập, tự do và mưu cầu hạnh phúc của mình. Và 20 năm sau khi chiến tranh đã chấm dứt, ai còn có thể được thuyết phục rằng tình trạng lạc hậu, thiếu thốn tự do ngày nay là do những thế lực ngoại bang chi phối ?

Sự độc chiếm quyền lực của một đảng chính trị, sự từ chối những quyền tự do, dân chủ của xã hội, rõ ràng là lý do chính của tình hình kinh tế-xã hội khốn đốn làm sụp đổ các nước "xã hội chủ nghĩa hiện thực" ở châu Âu. Những giải pháp đổi mới kinh tế cộng với một thế chính trị mạnh mà đảng Cộng sản Việt Nam có được sau chiến tranh đã cho phép đảng tránh được sự sụp đổ tương tự. Yêu cầu của người dân cũng không nhất thiết là xảy ra sự sụp đổ đó. Song, nghĩ về những mốc thời gian của năm 1995 và hiện tình đất nước, có thể nào không mong mỏi và tự nhủ cần cố gắng cho những đổi thay đích thực hơn, góp phần tạo điều kiện để giải quyết bao nhiêu khó khăn còn đợi chờ trước mắt.

Diễn Đàn

## Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 6 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo :

1/8 trang :	180 F
1/4 trang :	300 F
1/2 trang :	550 F
1 trang :	1 000 F

(giá này chưa tính thuế TVA)

### Đăng liên tiếp nhiều số báo

lần thứ hai : bớt 10 %

từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, tờ soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện)

tìm đọc bản tin Pháp ngữ  
**DIỄN ĐÀN FORUM**  
số 15  
đã phát hành đầu tháng 12.94

### Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên .....

Địa chỉ .....

.....Điện thoại : .....

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếu .....FF

đề tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp nội địa : 250 FF, châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc money order) về địa chỉ : DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Riêng bạn đọc ở Đức có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung)

TRAN (Bank : STADT & KREISSPARKASSE, SULZBACH-ROSENBERG, Konto : N° 21 09 700 BLZ 752 517 80)

**Bạn đọc Bắc Mỹ chú ý :** Để tránh phải trả hoa hồng khá nặng khi bạn đọc ký séc ngân hàng bằng đồng Franc Pháp, từ nay, bạn có thể ký trả 60 USD (một năm báo) và đề tên HOANG NGUYEN, rồi gửi séc và phiếu mua báo về địa chỉ báo Diễn Đàn.

Tôi có những người bạn chưa biết báo Diễn Đàn. Đề nghị báo gửi tặng một số giới thiệu :

Tên họ .....

Địa chỉ .....

# Tin tức Tin tức

## Nghỉ hưu đúng hạn ?

Gần 20 % cán bộ cao cấp (từ thứ trưởng trở lên) đến tuổi về hưu nhưng vẫn công tác. Các bộ, cơ quan ngang bộ, tỉnh, thành cũng còn nhiều cán bộ đến tuổi hưu (nam : 60 tuổi, nữ : 55) nhưng chưa nghỉ, mặc dù nhiều người sức khoẻ đã giảm sút, năng lực hạn chế, làm ảnh hưởng tới việc sắp xếp và trẻ hoá đội ngũ cán bộ. Trên đây là những lý do được nêu ra trong một chỉ thị đề ngày 11.11.1994 của thủ tướng Võ Văn Kiệt gửi tới các bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ, chủ tịch uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố, yêu cầu “*thực hiện chế độ nghỉ hưu đối với cán bộ viên chức ngay trong quý 4-94*”. Theo bài viết của báo Lao Động (ngày 17.11) về chỉ thị này, những trường hợp ngoại lệ phải được thủ tướng chính phủ đồng ý, thời gian công tác không kéo dài thêm hơn năm năm, và chỉ liên quan tới những cán bộ có sức khoẻ, trình độ cao, làm thêm công tác chuyên môn, nghiệp vụ và không giữ chức vụ lãnh đạo. Tuy nhiên, người ta không được biết quyền hạn thực sự của ông Kiệt trong vấn đề này là tới đâu, ngoài các quan chức trong một số lĩnh vực kinh tế, xã hội. Liệu ông Kiệt có thể buộc về hưu một thủ trưởng quốc phòng hay nội vụ, một chủ tịch tỉnh – trừ một số trường hợp như ở Vũng Tàu - Bà Rịa vừa qua –, thậm chí một cán bộ cấp thấp hơn nhưng ô dù che cao hơn ? Báo Nhân Dân số ra ngày 25.11.1994 đăng một bài viết trong mục “*xây dựng đảng*”, phải chăng là một cách trả lời gián tiếp. Bài viết mang tựa “*Dánh giá đúng để dùng đúng*”, nêu lên “*6 điểm cần chú ý*” khi đánh giá cán bộ. Điểm năm, “*về đánh giá già, trẻ*”, không đề cập gì tới chỉ thị nói trên. Sau những câu rào đón thông thường về “*quy luật*” *tre già măng mọc*, tác giả nhấn mạnh “*một vấn đề khác cũng cần lưu ý là cách mạng như một dòng chảy liên tục (...). Những kinh nghiệm hay tích lũy bằng xương máu của những năm dài đấu tranh cách mạng cần phải được kế thừa phát huy*”, và do đó “*cần phát huy lực lượng lão thành cách mạng*”. Tác giả cũng không quên nhắc lại “*nghỉ hưu là chính sách của Đảng và Nhà nước...*”. Không phải một chỉ thị của thủ tướng là đủ ?

## Thái tử Bỉ thăm Việt Nam

Thái tử Vương quốc Bỉ Philippe đã tới Hà Nội ngày 29.11.1994, thăm Việt Nam một tuần theo lời mời của thủ tướng Võ Văn Kiệt. Cùng đi với thái tử có bộ trưởng Ngoại thương kiêm Châu Âu vụ Robert Urbain, chủ tịch Liên đoàn các chủ nhân Bỉ, ông Georges Jacobs và một phái đoàn hơn 100 nhà doanh nghiệp đại diện cho 68 tập đoàn lớn của Bỉ. Thái tử Philippe đã đến chào chủ tịch Lê Đức Anh, tổng bí thư Đỗ Mười và thủ tướng Võ Văn Kiệt, trong khi đoàn thương mại làm việc với các bộ Nông nghiệp, Công nghiệp thực phẩm, Công nghiệp nhẹ, Công nghiệp nặng, Thương

mại, Năng lượng, Xây dựng, Giao thông, Bưu điện, Y tế, Giáo dục. Hơn một chục văn bản hợp tác trong nhiều lĩnh vực đã được ký kết, trong đó những hợp đồng kinh tế có giá trị tổng cộng từ 10 đến 20 triệu đôla, chưa kể một dự án đầu tư lớn, khoảng 100 triệu đôla, của một tổ hợp Bỉ vào việc thiết kế và xây dựng cảng Phước Hoa. Các khu vực ưu tiên trong những dự án đầu tư của Bỉ vào Việt Nam, theo ông Jacobs và bộ trưởng Urbaine, sẽ là năng lượng, xây dựng cơ sở hạ tầng (cảng, đường, viễn thông). Về phần nhà nước, Ngân hàng Bỉ đã ký với Ngân hàng ngoại thương Việt Nam một hiệp định cho Việt Nam vay tín dụng 250 Francs Bỉ (gần 8 triệu đôla) với lãi suất ưu đãi. Trước đó, tháng 6.1993 Bỉ đã xoá nợ cho Việt Nam 32 triệu đôla và tháng 10 năm nay lại đã thoả thuận cho Việt Nam trả nốt số nợ thương mại 39 triệu đôla với nhiều dễ dãi. (AFP, Reuter 29.11 và 5.12 ; Lao Động 4.12.1994)

## Viện trợ của Châu Âu

Liên hiệp châu Âu (EU) đã ký một hiệp định viện trợ kỹ thuật cho Việt Nam 20 triệu đôla ngày 30.11.1994. Theo một thông báo của EU, viện trợ có mục tiêu giúp Việt Nam cải tổ kinh tế theo hướng thị trường hoá, với những đề mục như : cải thiện hệ thống kế toán, phát triển một thị trường bảo hiểm tư nhân, phát triển luật bảo vệ sáng kiến, xây dựng một cơ cấu điều chỉnh phục vụ ngoại thương và đầu tư... Mặt khác, EU sẽ trợ giúp kỹ thuật cho Việt Nam để đánh giá các dự án đầu tư bao gồm chuyển giao kỹ thuật

Theo ông Võ Hồng Phúc, phó chủ nhiệm Uỷ ban kế hoạch nhà nước, người ký hiệp định với đại sứ Gwyn Morgan của EU, đây là bước đầu tiên tới một sự hợp tác toàn diện hơn giữa EU và Việt Nam. Hiệp định ký ngày 30.11 đã được hai bên thoả thuận từ lâu, nhưng việc ký kết bị dời lại nhiều lần vì điều khoản về bảo vệ quyền con người mãi tới tháng 7 vừa qua mới giải quyết xong (xem Diễn đàn số 33). Tuy nhiên quan hệ Việt Nam - EU vẫn còn vuông mắc vì vấn đề hồi hương của khoảng 40 000 người Việt Nam hiện sống bất hợp pháp ở Đức. (AFP 30.11.1994)

## Thoả thuận về hạ lưu sông Mêkông

Ngày 28.11.1994 tại Hà Nội, bốn nước Việt Nam, Lào, Campuchia và Thái Lan đã ký tắt *Hiệp định Hợp tác phát triển bền vững sông Mêkông*. Hiệp định gồm 6 chương, 42 điều khoản, tập trung chủ yếu vào các nguyên tắc sử dụng các nguồn nước của sông Mêkông phục vụ cho thủy lợi, thủy điện, giao thông đường thuỷ, kiểm soát lũ lụt, phát triển nông nghiệp, vận chuyển gỗ, giải trí và du lịch.

Trong cuộc họp báo chung, đại diện 4 nước đều coi đây là bước ngoặt lịch sử trong việc cam kết cùng nhau khai thác khu vực hạ lưu sông Mêkông, đồng thời cũng hứa thúc đẩy để các chính phủ sớm ký chính thức hiệp định vào đầu năm tới. Riêng đại diện Thái Lan, sau khi đánh giá cao hiệp định, tỏ ý tiếc là sự hợp tác ở thượng lưu sông Mêkông chưa được thực hiện (đặc biệt một dự án xây dựng một đập thuỷ điện lớn phục vụ miền bắc Thái Lan chưa được Lào đồng ý; ngoài ra, Trung Quốc và Mianma chưa tham gia hợp tác. – DD).

Mặt khác, đại diện Việt Nam cho biết “*Việt Nam sẽ rất*

hân hạnh nếu trụ sở Ủy ban thư ký Hội đồng sông Mê Kông được đặt ở Việt Nam". (Tuổi Trẻ 29.11 và Lao Động 1.12.1994)

## Cán cân thương mại

Theo tờ báo tiếng Anh The Saigon Newsreader ngày 6.12, thống kê của bộ Thương Mại cho biết hàng may mặc đã vượt qua gạo để đứng thứ nhì trong bảng xếp hạng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam năm 1994, với trị giá 550 triệu đôla (sau dầu khí, 900 triệu). Dù bão lụt làm thiệt hại cả triệu tấn, sản lượng thóc gạo năm nay, theo bộ nông nghiệp, vẫn sẽ đủ để bảo đảm mức 2,1 triệu tấn gạo xuất khẩu, mang lại khoảng 450 triệu đôla. Sau đó là thuỷ sản, với khoảng 400 triệu đôla.

Mức xuất khẩu tăng vọt của hàng may mặc Việt Nam là nhờ ở các thị trường mới, Nhật, Hàn Quốc và Đài Loan, không bị hạn chế quota như ở thị trường châu Âu và cũng không bị hàng rào quan thuế như ở Mỹ, nơi Việt Nam chưa được hưởng tiêu chuẩn mậu dịch bình thường qua quy chế tối huệ quốc.

Theo cùng nguồn tin, Việt Nam ước tính đạt 3,6 triệu đôla xuất khẩu trong năm nay, nhưng sẽ nhập tới 4,5 triệu đôla, làm cán cân ngoại thương bị hụt tới 900 triệu đôla. (AFP 6, 11.12.1994)

## Giá đất và đầu tư

Một phó chủ nhiệm Ủy ban nhà nước về Hợp tác và Đầu tư (SCCI), bà Đỗ Ngọc Trinh, vừa lên tiếng báo động rằng giá đất quá cao là một trong những lý do chính làm chậm lại các dự án đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam. Những trở ngại khác có thể kể thủ tục hành chính rườm rà, cơ sở hạ tầng thiếu thốn, khách sạn thiếu và đắt v.v... Theo bà Trinh, năm 1993 vốn đầu tư nước ngoài tăng 36% so với năm 1992, trong khi đó, mức tăng sau 11 tháng đầu năm của 1994 chỉ là 10%, rất xa mục tiêu 24% mà chính phủ trông đợi cho cả năm, dù đầu năm nay Mỹ đã bỏ cấm vận, tạo điều kiện khách quan tốt hơn cho các chủ đầu tư.

Hà Nội hiện nay được xếp vào hàng thứ 5 trong những thành phố châu Á mà giá thuê văn phòng (và nhà ở) cho doanh nghiệp nước ngoài được coi là đắt nhất. Chỉ sau Tokyo, Hồng Kông, Bắc Kinh và Thượng Hải. Công ty tư vấn quốc tế Richard Ellis, cơ sở chính tại Luân Đôn, cho biết giá thuê văn phòng ở Hà Nội hiện nay là 65,7 đôla (350 FF) một mét vuông, ở thành phố Hồ Chí Minh là 57 đôla, cao hơn ở Đài Bắc (45,6), Singapore (44,9) và Băng Cốc (21,2). Báo Tuổi Trẻ ngày 29.11 cũng cho biết giá đất ở ven Hồ Tây năm nay cao hơn năm 1990-91 từ 8 tới 10 lần. Theo SCCI, chính phủ Việt Nam đang nghiên cứu các biện pháp cải thiện môi trường đầu tư, trong đó có việc giảm giá đất khoảng 20%.

Mặt khác, SCCI cũng vừa công bố một danh mục 150 dự án kêu gọi nước ngoài đầu tư trực tiếp, từ đây đến năm 2000, trong các lĩnh vực giao thông vận tải, xây dựng (trong đó có 13 nhà máy xi măng), bưu chính viễn thông, vệ sinh môi trường v.v... (AFP 26.10 và 12.12.1994 ; Tuổi Trẻ 1.12.1994)

## Tiền Việt kiều

Một hội nghị về đầu tư Việt kiều đã được tổ chức tại Hà Nội trong hai ngày 3 và 4.12.1994, quy tụ 65 Việt kiều ở 16

nước trên thế giới. Phó thủ tướng Phan Văn Khải, chủ nhiệm Ủy ban nhà nước về hợp tác và đầu tư đã tới dự. Sau nhiều năm do dự, Hà Nội đã quyết định lồng trong khuôn khổ của Luật khuyến khích đầu tư trong nước những điều khoản liên quan tới đầu tư về nước của người Việt Nam ở nước ngoài, mặc dù tuyệt đại đa số Việt kiều đã có quốc tịch của nước mình cư ngụ.

Từ năm 1991 tới nay, nhà nước Việt Nam ước lượng Việt kiều đầu tư hoặc gửi tiền về giúp thân nhân mỗi năm vào khoảng 700 triệu đôla.

Hà Nội dự tính mở vào năm tới một ngân hàng thương mại liên doanh giữa Vietcombank, Ngân hàng nông nghiệp, với khoảng 40 cổ đông là Việt kiều kinh doanh tại Nga và các nước Đông Âu. Được đặt tên tiếng Anh là International Joint Stock Bank, sau một thời gian đầu chuyên giao dịch với Nga và các nước Đông Âu, ngân hàng có tham vọng mở rộng lĩnh vực hoạt động của mình sang phương Tây để thu hút vốn của Việt kiều tại Mỹ và các nước Tây Âu. (AFP 3 và 14.12.1994)

## Thú rừng...

Theo báo Lao Động ngày 10.12, cơ quan kiểm lâm tỉnh Đắc Lắc đã chặn bắt được từ một nhóm buôn lậu 17 con khỉ mặt đỏ, một loài khỉ bị đe dọa vì bị lùng bắt lấy da bán ra nước ngoài.

Một bài phỏng sự của tờ New York Times cùng ngày cũng nói lên nguy cơ diệt chủng của nhiều loại thú hiếm ở Việt Nam, vì nhiều "du khách" Trung Hoa, Đài Loan, Hồng Kông, Singapore sẵn sàng bỏ nhiều tiền mua mật gấu, xương cọp v.v.., để làm thuốc. Bài báo cho biết ở Đài Loan, do ham đeoاث thương mại của Mỹ, việc săn cọp và tê giác đã trở nên khó khăn, thúc đẩy những nhà giàu có Đài Loan bỏ tiền ra mua những thú hiếm này ở nơi khác... Bài báo cũng dẫn lời một nhà bảo vệ thiên nhiên ở Sài Gòn, ông Lê Đức Thuận, cho biết "Trong những năm 1970, Việt Nam có khoảng 3 000 con cọp, 300 con tê giác, nay chỉ còn 200 con cọp, từ 10 đến 25 con tê giác."

Cũng theo báo Lao Động ngày 10.12, hai con cọp lớn đã tiến công nhiều trâu, bò trong các làng mạc người H're, thuộc huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Đây là lần đầu tiên dân trong vùng thấy lại cọp từ 20 năm nay. Theo tờ báo, việc đốn cây, phá rừng trên quy mô lớn trong tỉnh đã làm kiệt nguồn sống tự nhiên của cọp, đẩy chúng về các làng mạc.

## ... và tôm, cá

Trong một hồ sơ đặc biệt mang tựa "Tài nguyên biển Việt Nam : SOS", tạp chí Thời báo kinh tế Sài Gòn số 46 (24.11.1994) lên tiếng báo động về một tình hình kiệt quệ tài nguyên khác, không kém phần quan trọng. Tờ báo trích dẫn một công trình nghiên cứu của ông Lê Ngọc Thạch, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản trung ương III, cho biết : " Trước năm 1990, cá mú khai thác ở vùng đảo Bạch Long Vĩ bình quân trọng lượng đạt 1,5-2kg/con, nhưng từ 1990 trở lại đây người ta chỉ bắt được những con các dưới 0,6kg. Còn ở Vũng Tàu, tôm loại 1 và 2 từng chiếm tỷ trọng đến 20-25 % tổng sản lượng tôm khai thác được..., ngày nay đến 96-97 % lượng tôm bắt được thuộc loại không đủ thời gian

để lớn. (...) Hàng chục ngàn ghe thuyền với ngư cụ không đạt tiêu chuẩn kích thước đã liên tục khai thác, cày xới, đánh bắt hàng loạt cá bối mẹ trong thời kỳ sinh sản và cá con, chính là tác nhân ngăn chặn tái tạo tài nguyên biển (...) Bên cạnh đó, không thể không kể đến hành vi khai thác huỷ diệt bằng chất nổ, điện, hoá chất... đang diễn ra tràn lan. ”.

Bộ trưởng thuỷ sản Nguyễn Tấn Trịnh, trong một bài trả lời phỏng vấn đăng cùng số báo, “ dự kiến năm 1994, sản lượng hải sản đặt 800 000 tấn, chủ yếu khai thác ở vùng biển gần bờ. Đến năm 2 000 ngành thuỷ sản phấn đấu đạt tổng sản lượng 1,6 triệu tấn, trong đó sản lượng khai thác hải sản 1 triệu tấn với tỷ trọng trên 30 % khai thác ở vùng khơi... ”.

## Làm xe hơi

Các hãng sản xuất xe hơi quốc tế có thể dễ dàng mở xí nghiệp lắp ráp xe ở Việt Nam ngay từ năm tới, với điều kiện chấp thuận một tỉ lệ tối thiểu các bộ phận được sản xuất tại chỗ (tỉ lệ này được ấn định là 5 % ban đầu, tăng dần tới 30 % sau 10 năm) và có một kế hoạch chuyển giao kỹ thuật cho Việt Nam. Cho tới nay, mới có hai công ty lắp ráp xe hơi được mở ra : Vietnam Motors Corp. (VMC) do công ty philippin Columbian Motors làm cổ đông chính, lắp các xe hiệu Mazda và Kia, và Mekong Corporation, một liên doanh của Sae Young International (Hàn Quốc) và Saeilo Machinery (Nhật). Cả hai bị phía Việt Nam trách là không dùng những bộ phận cấu thành sản xuất trong nước. Hai nhà máy lắp ráp của Daewoo Motor Co (Hàn Quốc) và của Mitsubishi Motors (Nhật, liên doanh với Proton, Malaixia) cũng đã được phép năm nay. Tuy nhiên, nhiều hãng xe lớn khác như Toyota, Chrisler, Ford, Daimler-Benz (Mercedes), Peugeot, Renault cũng muốn nhảy vào. Daimler-Benz đã trình một dự án liên doanh với Saigon Motor Co. của Thành phố Hồ Chí Minh, trị giá khoảng 70 triệu đôla. Phần đầu của dự án (40 triệu đôla) là một nhà máy lắp ráp xe con, xe buýt nhỏ và xe tải nhẹ tại thành phố Hồ Chí Minh. Nửa kia của dự án là một nhà máy sản xuất xe buýt và xe tải lớn, tại một địa điểm gần Hà Nội. Toyota cũng đã kết hợp với một công ty Singapore nộp một dự án đầu tư 140 triệu đôla vào một nhà máy làm xe con và xe buýt nhỏ, ở ngoại ô Hà Nội. Theo ông Nguyễn Xuân Chuẩn, thứ trưởng bộ công nghiệp nặng, trong năm 1993 mười ngàn xe con và xe tải mới đã được bán ở Việt Nam, và nhu cầu của năm 2000 là khoảng 60 000 chiếc. (AFP 27.11 và 12.12.1994)

## Hải Phòng

Một tổ hợp các công ty Mỹ American International Group (AIG) và Thái Banchang Regional Development Co. đã bắt đầu nghiên cứu khả thi một dự án xây dựng khu công nghiệp Vật Cách, gần Hải Phòng, bao gồm một cảng nước sâu đủ sức nhận tàu trọng tải 30 000 tấn, những kho chứa dầu, khí và hệ thống đường sá phục vụ. Toàn bộ dự án trị giá 675 triệu đôla sẽ được trình chính phủ trước cuối năm 1995, và nếu được thông qua, sẽ là dự án đầu tư thứ ba của các công ty nước ngoài để xây dựng một khu công nghiệp cho Hải Phòng. Hai dự án trước, đã được thông qua, một của công ty Đài Loan Dahin Co. và một của công ty Nhật Nomura Group (liên

doanh với một công ty địa phương). Một trong ba tam giác ưu tiên phát triển kinh tế của chính phủ Võ Văn Kiệt là Hà Nội–Quảng Ninh–Hải Phòng. Các tổ chức quốc tế tài trợ cho Việt Nam coi việc xây dựng đường sá nối Hải Phòng với Hà Nội và các cơ sở hạ tầng liên hệ là một trong những ưu tiên được nhận viện trợ phát triển. (AFP 11.12.1994)

## Nhà máy lọc dầu

Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã quyết định ngày 9.11.94 chọn cảng Dung Quất (tỉnh Quảng Ngãi) làm địa điểm xây dựng nhà máy lọc dầu số 1 của Việt Nam, sau nghiên cứu khả thi. Dung Quất là một đầu của khu kinh tế trọng điểm miền Trung. Quyết định nêu rõ không xây dựng nhà máy lọc dầu (kể cả nhà máy có công suất nhỏ) ở khu vực từ Thành phố HCM đến Bà Rịa - Vũng Tàu, và giao cho Tổng công ty dầu khí Việt Nam cùng đối tác nước ngoài lập báo cáo khả thi chi tiết về dự án nhà máy (với vốn đầu tư 1,1 tỉ đôla). Đối tác nước ngoài đây là một tổ hợp do công ty Pháp Total đứng đầu, gồm PetroVietnam và hai công ty Đài Loan. Ban đầu, Total đã chọn một địa điểm ở vịnh Vũng Phong, tỉnh Khánh Hòa, nhưng bị bác. Sau đó, chính tổng giám đốc Total, ông Serge Tchuruk, trong một chuyến thăm Việt Nam hồi tháng 9 năm ngoái, đã tỏ ý muốn xây dựng nhà máy tại vùng Vũng Tàu. Tại Thành phố HCM, đại diện của Total đã từ chối bình luận về quyết định này. (AFP 14.11 và Lao Động 15.11.1994)

## Tin ngắn

✓ Trong chuyến đi thăm Philippin đầu tháng 12, bộ trưởng quốc phòng Đoàn Khuê đã nhắc lại Việt Nam muốn giải quyết cuộc tranh chấp chủ quyền ở quần đảo Trường Sa bằng thương lượng. Một tuần sau đó, một quan chức cao cấp Trung Quốc, phát biểu trong phiên họp về an ninh trên biển tại hội nghị quốc tế của SEAPOL (Chương trình Đông Nam Á vì Luật Biển), đã cảnh báo các nước ASEAN rằng họ “nên thận trọng” trong việc hỗ trợ lập trường của Việt Nam trong các cuộc tranh chấp nói trên. (AFP 5, 13.12.94)

✓ Một đường dây buôn lậu hộ chiếu và chiếu khán vào Nga, Đức, đã được khám phá, người thủ lãnh – một phụ nữ Hà Nội – bị tòa án nhân dân Hà Nội xử án 11 năm tù. Đường dây tổ chức mua lại hộ chiếu của những người từ nước ngoài trả về với giá từ 150 tới 200 đôla, bán lại cho khách khoảng 2 000 đô sau khi đổi ảnh và đóng chiếu khán giả.

✓ Lần đầu tiên một cựu cầu thủ bóng đá Brazil, ông Edson Araujo Tavares, đã được thuê làm huấn luyện viên cho đội tuyển bóng đá quốc gia Việt Nam. Liên đoàn bóng đá Việt Nam cũng cho biết, Liên đoàn đã được công ty sản xuất thuốc lá Dunhill của Anh tài trợ 475 000 đôla cho một chương trình hoạt động 5 năm nhằm nâng cao trình độ bóng đá VN.

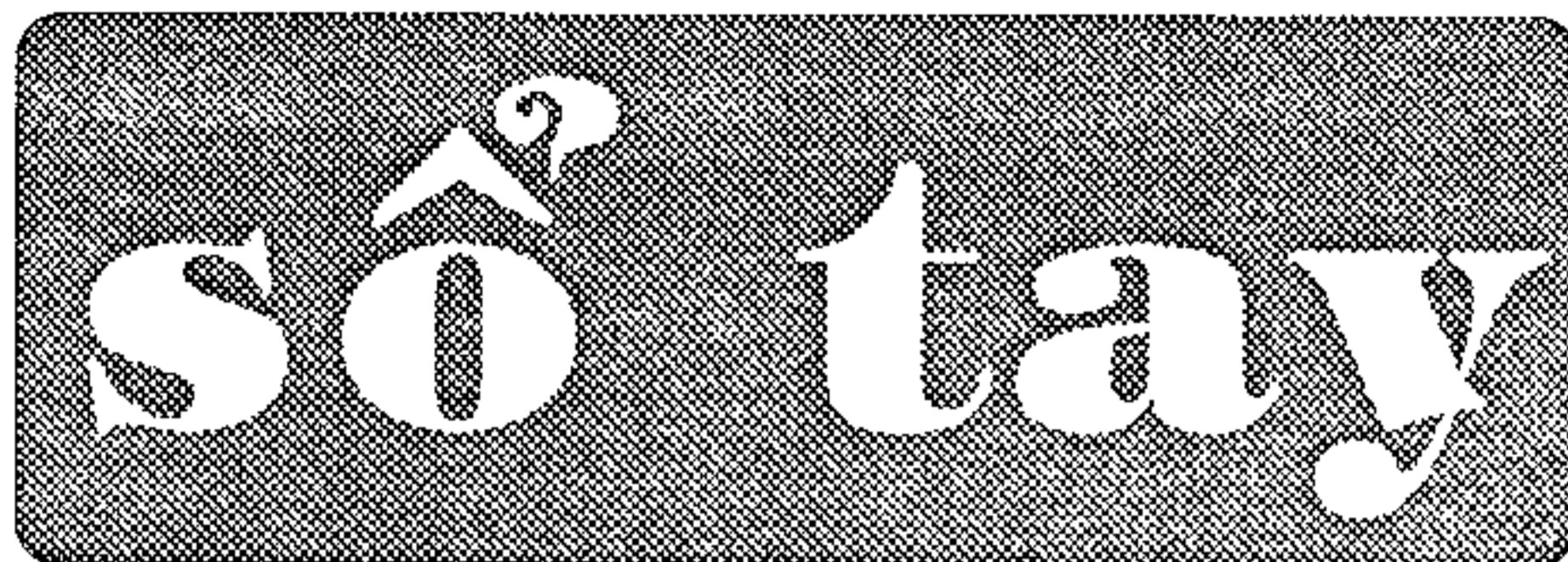
✓ Theo ông Đỗ Quang Trung, tổng cục trưởng tổng cục du lịch, số du khách vào Việt Nam trong năm 1994 sẽ đạt mức **một triệu lượt người**, tăng khoảng 30 000 so với năm ngoái. Doanh thu của kinh doanh du lịch ước đạt 4000 tỉ đồng (gần 400 triệu đôla), trong đó ngoại tệ chiếm 210 triệu đôla. Tám hiệp định hợp tác du lịch với các nước trong khu vực đã được ký kết, 119 dự án liên doanh trong ngành được cấp giấy phép, thu hút 1,9 tỉ đôla đầu tư.

- ✓ Một cuộc **đụng độ** giữa hàng nghìn dân Hà Nội và cảnh sát, bên ném đá, bên tung lựu đạn cay, đã diễn ra ngày thứ tư 14.12 trước toà án Hà Nội, trong vụ xử phúc thẩm cảnh sát viên Nguyễn Tùng Dương, phạm tội giết người lầy của trong khi hành nghề. Tại toà sơ thẩm (xem Diễn Đàn số 35), Dương đã bị kết án tử hình. Dưới áp lực của dân Hà Nội, bản án cuối cùng đã được toà phúc thẩm giữ y.
- ✓ Chính quyền Hà Nội đã quyết định bỏ ra 10 triệu đôla (kể cả 1 triệu do công ty Hàn Quốc Daewoo tặng) để xây lại chợ Đồng Xuân, dự tính hoàn thành trước cuối năm 1995. Đám cháy chợ hồi tháng 7.1994 (Diễn Đàn số 33) đã gây thiệt hại được ước tính vào khoảng 50 triệu đôla cho nhà nước và 30 triệu đôla hàng hoá của 3000 hộ thương gia.
- ✓ Ngân hàng Hà Lan ING Bank, chuyên về xử lý nợ quốc tế, đã được phép mở chi nhánh ở Hà Nội. Trước đó, ING đã có văn phòng đại diện tại đây và đã tham gia các cuộc thương thảo về nợ của Việt Nam trên thị trường tài chính quốc tế. Mặt khác, Ngân hàng Tokyo đã được Việt Nam nhờ chủ trì một tiểu ban tư vấn về nợ thương mại.
- ✓ Nhân ngày Thế giới chống bệnh Sida, tổ chức UNDP (Chương trình vì Phát triển của Liên hiệp quốc, viết tắt tiếng Pháp là PNUD) đã tặng 1 triệu đôla cho công cuộc phòng chống bệnh tại Việt Nam. Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), từ nay tới năm 1998, ở Việt Nam “ *hơn 570 000 người sẽ bị nhiễm vi khuẩn HIV, 15 000 người sẽ chết vì sida và 7 000 người khác sống với căn bệnh này trên người* ”.
- ✓ Một xí nghiệp Hồng Kông, Vanny Chian Technology, đã ký hợp đồng liên doanh với tỉnh Đồng Nai để mở một trại nuôi hơn 3 000 con khỉ cung cấp cho các phòng thí nghiệm y học trên thế giới. Liên doanh hy vọng mở rộng doanh nghiệp buôn bán khỉ này lên tới 15 000 con vào năm 1996.
- ✓ Tổng kết : hơn 400 người đã thiệt mạng vì những trận bão, lụt trong năm 1994, thiệt hại tổng cộng ước tới gần 300 triệu đôla. Liên hiệp quốc đã giúp Việt Nam thành lập một đơn vị quản lý chuyên về các tai biến thiên nhiên. Các tổ chức quốc tế đã quyên giáp Việt Nam 2,5 triệu Francs Thụy Sĩ (1,9 triệu đôla) cho các nạn nhân bão lụt.
- ✓ Một “ liên minh chiến lược ” mới có thể sẽ hình thành giữa Mỹ và Việt Nam chống... các nhà sản xuất đĩa hát Trung Quốc ! Mỹ thì vì lý do thuần túy thương mại : 26 đơn vị sản xuất đĩa nhựa, đĩa laser và đĩa máy tính đa thông tin (CD-ROM) của Trung Quốc, với công suất 75 triệu đĩa mỗi năm, chuyên in lại hàng Âu-Mỹ mà không trả bản quyền. Còn Việt Nam ? Báo chí vừa lên tiếng về “ nguy cơ ” bị tràn ngập bởi những “ sản phẩm văn hoá đồi truy ” của phương Tây, với giá rẻ mạt : 2 đôla mỗi đĩa hát laser.
- ✓ Lần đầu tiên, một **Liên hoan phim quốc tế** đã được tổ chức tại Hà Nội từ 2 tới 16 tháng 12 vừa qua, với sự tham dự của 16 nước : Anh, Ý, Thụy Sĩ, Israel, Ấn Độ, Trung Quốc, Nga, Iran v.v... Pháp và Mỹ vắng mặt trong liên hoan đầu tiên này. Tuy nhiên, cùng thời gian với liên hoan, đại diện công ty Mỹ UIP (United International Pictures) đã tới thăm Việt Nam tìm đường cho phim Mỹ trở lại, sau 20 năm vắng mặt. UIP đã ký được một thỏa thuận với công ty phát hành phim Fafim-2.
- ✓ Một chương trình cho sinh viên vay **ngân hàng tiền** học đã được Ngân hàng quốc gia thông qua đầu tháng 11.1994. Suất vay hiện nay là 120 000 đồng / tháng. Ngày 21.11, Ngân hàng Công thương cho biết trong đợt xét đầu tiên, ngân hàng đã nhận cho 205 sinh viên thuộc 4 trường đại học Hà Nội vay.
- ✓ Một cuộc **đụng độ** đã nổ ra ngày 27.11 tại chùa Bảo Quốc (Huế) giữa một số nhà sư và Phật tử thuộc Giáo hội **Phật giáo Việt Nam** thống nhất (“ chống chính quyền ”) với các nhà sư trụ trì tại chùa, thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam (“ thân chính quyền ”), nhân dịp khai giảng lớp học về Phật giáo tại chùa.
- ✓ Việt Nam, Trung Quốc và Lào đã thoả thuận thành lập những khu bảo vệ thiên nhiên chung ở vùng biên giới. Thoả thuận đạt được trong Hội nghị quốc tế lần thứ nhất về bảo vệ **thế giới tự nhiên** của vùng **phía đông Himalaya**, họp tại Côn Minh cuối tháng 11 vừa qua. Dự hội nghị còn có các nước Ấn Độ, Nepal, Mianma, Thái Lan, Bhutan.
- ✓ Trường đại học Sư phạm kỹ thuật (thành phố HCM) đã khánh thành **Trung tâm đào tạo công nhân lành nghề và giáo viên dạy nghề Việt - Đức**, do bộ Kinh tế - Công nghệ bang Baden Württemberg (Cộng hoà liên bang Đức) tài trợ với tổng kinh phí 10 triệu mác Đức. Riêng phần thiết bị thí nghiệm và thực tập của Trung tâm có giá trị khoảng 5 triệu mác. Trung tâm đã khai giảng với 64 học sinh đầu tiên.
- ✓ Sau kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân vừa qua, Hà Nội đã **thay đổi thị trưởng** (chủ tịch Uỷ ban nhân dân). Ông Nguyễn Văn Nghiêm, 53 tuổi, ủy viên trung ương đảng cộng sản, giám đốc công ty điện tử Hanel, thay thế ông Lê Ất Hợi, bị chỉ trích nhiều sau vụ cháy chợ Đồng Xuân. Ở thành phố HCM, người ta chờ đợi ông Trương Tấn Sang sẽ được cử lại.
- ✓ Theo tuần báo Vietnam Investment Review ngày 10.12, chính phủ Việt Nam đã quyết định bỏ ra **50 tỉ đồng** (4,5 triệu đôla) vào một chương trình **chống ma tuý**. Một phần tiền sẽ được dành giúp các nhóm dân miền núi phía bắc thay thế cây thuốc phiện trong nghề trồng trọt. Diện tích thuốc phiện đã giảm 65 % so với năm 1985 song còn phải giảm nữa. Số người nghiện ma tuý hiện nay được ước lượng là 170 ngàn người, trong đó 75 % dùng kim chích, một nguồn truyền bá bệnh Sida.

### Hội chứng xêmina ?

Một bài báo Quân đội Nhân dân ngày 25.11 đã lên tiếng than van là quá nhiều xêmina, hội thảo, nhất là những xêmina được ngoại quốc tài trợ, đã tạo điều kiện cho người nước ngoài moi móc những bí mật kinh tế và khoa học kỹ thuật của Việt Nam... Tờ báo cho biết chỉ riêng 10 tháng đầu năm đã có tới 170 hội thảo được tổ chức, và nêu con số thiệt hại 6 triệu đôla trong các dự án liên doanh vì bị đối tác nước ngoài nắm được thông tin.

Tất nhiên, do yêu cầu bảo mật, tờ báo không nói đó là những bí mật kinh tế, khoa học kỹ thuật nào. Và cũng không nhớ ra thiệt hại do thiếu hiểu biết của “ phe ta ” gây ra là gấp bao nhiêu lần con số 6 triệu đôla ấy...(Tin AFP)



Taslima Nasreen không phải, hay chưa phải, là nhà văn lớn, mặc dầu chị viết, mê viết từ nhỏ. Taslima vĩ đại trước hết ở cái nhân cách và sự dũng cảm của chị.

Một người con gái lớn lên trong một gia đình Hồi giáo ở Dacca, may mắn là ông bố phóng khoáng, nên cho con gái học tới đại học, tuy cũng “định hướng”, cho học y khoa thôi. Tốt nghiệp bác sĩ nhi khoa, T.N. làm việc ở bệnh viện, lanh đạo cả đồng nghiệp nam giới. Trong một nước Hồi giáo mà thủ tướng hiện nay là một bà, chẳng mấy phụ nữ có được địa vị như chị. Nhưng cô bé Taslima ngay từ nhỏ đã không chịu được những sự cấm đoán chỉ đổ lên đầu con gái. Và lớn lên, cô sinh viên Nasreen không thể chấp nhận số phận mà xã hội Bangladesh và Hồi giáo dành cho người phụ nữ. Trưởng thành, bác sĩ – nhà văn Taslima Nasreen phẫn nộ trước sự cuồng tín đã dẫn tới sự tàn sát thiểu số người Hindi ở Bangladesh. Qua tiểu thuyết *Lajja* (Ô nhục, nxb. Stock, Paris 1994) hay qua những bài tiểu luận (*Femmes, manifestez !*, nxb Des Femmes, Paris 1994), Taslima Nasreen đòi hỏi bình quyền cho phụ nữ, cho thiểu số Hindi, chống lại một nhà nước tôn giáo, chống lại chủ nghĩa toàn thủ (*intégrisme*) Hồi giáo cũng như chủ nghĩa toàn thủ Ấn Độ giáo. Điều gì đã xảy ra, mọi người đều biết : Taslima Nasreen bị những giáo phái toàn thủ kết án tử hình, bị nhà nước Bangladesh truy tố vì tội phỉ báng tôn giáo, phải tị nạn ở Thuỵ Điển, gia đình ở Dacca sống trong sự đe doạ thường trực.

Sự ngoan cường của người phụ nữ trí thức ấy thật tương phản với những cảnh lố lăng đã xảy ra từ đầu tháng 10 ở Pháp chung quanh “vụ Nasreen”. Đầu tiên là vụ trống đánh xuôi kèn thổi ngược giữa bộ nội vụ và bộ ngoại giao Pháp về việc cấp chiếu khán 1 ngày, rồi 3 ngày (tất nhiên, Nasreen đã lè độ từ khước sự hào phóng đó của chính quyền đất nước đã sản sinh ra Tuyên ngôn nhân quyền). Tiếp theo là chuyến đi cuối tháng 11, đầu tháng 12, với lực lượng hơn 1 000 cảnh sát chìm cảnh sát nổi, không biết bao nhiêu để thực sự bảo vệ nhà văn, bao nhiêu để gây ra những cảnh kẹt xe trên đường phố Paris, để gây ra phản ứng trong dư luận. Lố lăng hơn cả là những sự lợi dụng quảng cáo của giới xuất bản, media cũng như của những chuyên gia lương tri nhân loại kiểu

### Tin buồn

Chúng tôi được tin anh Nguyễn Đình Khánh, nguyên tổng thư ký Hội Khoa học xã hội Việt Nam tại Pháp, đã từ trần ngày 18.12.1994 tại Paris, sau một thời gian dài bệnh nặng, thọ 64 tuổi. Lễ tang đã cử hành ngày 26.12.1994 tại nghĩa trang Batignolles, Paris.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng chị Marie-Thérèse, Quốc Việt, Thu Hoa và toàn thể gia đình.

Bernard-Henri Lévy (phe ủng hộ Nasreen), Jean-Edern Hallier, Guy Sorman (phe chống).

Trước mặt và ở giữa những nhà trí thức loại đó, có lẽ Taslima cảm thấy đơn độc không kém những ngày một thân một mình phải đương đầu với đám đông cuồng tín ở Dacca.

Càng khâm phục hơn khi Taslima an nhiên khẳng định mình là người vô thần. Không biết chị có ý thức rằng chị đang phạm huý trong một xã hội Tây phương đang có mối khẳng định tín ngưỡng, chỉ dung thứ những ai tuyên bố mình theo trường phái *bất khả tri* (*agnostique*), chứ còn muôn vô thần cũng được đi, nhưng đừng có nói ra miệng, mỗi bây giờ không ai làm vậy<sup>1</sup>.

Có lẽ phải là những người phải bươn chải ngược dòng mới thông cảm hoàn toàn với Taslima Nasreen. Chẳng hạn như các phụ nữ Algérie đang phải đương đầu với mặt trận FIS (Mặt trận Hồi giáo cứu rỗi). Hay Dương Thu Hương.

❖

Nào ngờ cái huân chương *Văn học Nghệ thuật* (Chevalier de l'Ordre des Arts et des Lettres) mà ông bộ trưởng văn hoá Pháp Jacques Toubon trao cho nhà văn Dương Thu Hương trưa ngày 13.12 vừa qua đã gây ra nhiều sóng gió thế ! Ít nhất trong những chén trà ở bộ ngoại giao, bộ văn hoá... Hà Nội. Một thứ trưởng ngoại giao phản đối miệng, rồi ông Trần Hoàn, bộ trưởng văn hoá viết thư phản đối cho ông Toubon. Nực cười hơn nữa là người ta đã ra lệnh cho cả tổng thư ký Hội nhà văn Vũ Tú Nam làm cái việc viết lách đó nữa !

Xin để cho các nhà Hà Nội học lý giải câu chuyện khôi hài này. Ở đây chỉ xét tới một giả thuyết : rất có thể qua tiếp xúc, phía chính quyền Việt Nam biết rằng có những nhân viên ngoại giao Pháp không mấy tán thành quyết định trao huân chương cho Dương Thu Hương vì họ ngại sẽ gây căng thẳng trong quan hệ nhà nước. Cho là như thế đi, nhưng bất cứ ai theo dõi tình hình nước Pháp, nhất là sau vụ Taslima Nasreen, cũng có thể khẳng định : một khi quyết định đã công bố, chính quyền Pháp không thể nào lùi lại được nữa. Dư luận xã hội là một dữ kiện cơ bản, không thể nào né tránh : điều này có lẽ cần được ghi vào chương trình giảng dạy của Học viện chính trị quốc gia Việt Nam.

Buổi lễ gắn huân chương ở Bộ văn hoá Pháp thiếu vắng đại diện sứ quán và thông tấn xã Việt Nam. Nếu họ có mặt, chắc họ sẽ suy nghĩ khi nghe ông Toubon nói về Dương Thu Hương : « Ra đời trong chiến tranh, lớn lên trong chiến tranh, bà đã trưởng thành trong chiến tranh và tự khẳng định như một người kháng chiến và một nhà văn hàng đầu. Trong những năm tháng ấy, kẻ thù đã thay đổi khuôn mặt. Tuổi thơ, bà đã nghe kể về xâm lược Nhật, đã biết chủ nghĩa thực dân Pháp. Nhưng chính chủ nghĩa đế quốc Mỹ đã thúc đẩy bà, vào tuổi 20, dấn thân vào cuộc đấu tranh vì sự nghiệp độc lập và thống nhất của Tổ quốc... ».

Phong Quang

<sup>1</sup> Ở đây tôi nói tới cái mối tín ngưỡng trên media phương Tây, chứ không bàn tới nhu cầu tín ngưỡng thực sự. Nhu cầu này, trong một xã hội như Việt Nam hiện nay, là hết sức lớn. Không những thế, tín ngưỡng hiện nay còn mang lại cho nhiều người Việt Nam những giá trị tinh thần đã bị phá huỷ.

# Media và Xã hội công dân trong quá trình đổi mới ở Việt Nam

## 1. Từ ngữ xã hội công dân hầu như vắng mặt trong ngôn ngữ media Việt Nam

*Xã hội công dân* hay *xã hội dân sự* (*société civile*) hầu như không được các media ở Việt Nam biết đến. Các từ điển song ngữ thông dụng (Pháp-Việt, Anh-Việt) không có mục từ này, các từ điển triết học, pháp luật, khoa học xã hội cũng thế<sup>1</sup>. Tại sao như vậy ? Trước hết có lẽ vì *xã hội công dân* là một khái niệm xa lạ đối với chủ nghĩa Mác chính thống (mặc dù Marx cũng bàn nhiều về chủ đề này<sup>2</sup>). Sau Marx, Gramsci cũng đã dày công suy nghĩ về *xã hội công dân*, song nếu tôi không lầm, trước tác của nhà lý luận Italia chưa hề được dịch ra tiếng Việt. Vả lại, cho đến gần đây, ông bị coi là cha đẻ tinh thần của chủ nghĩa xét lại, của chủ nghĩa cộng sản Âu châu.

Còn một lý do nữa : trong quan niệm chính thống của các nước xã hội chủ nghĩa hiện thực, *media* là công cụ tuyên truyền của đảng cộng sản, của các tổ chức do đảng lãnh đạo, còn các đoàn thể quần chúng là những cơ cấu mang chức năng động viên và giáo dục quần chúng, chức năng đại diện chỉ là thứ yếu và, trên thực tế, nặng phần hình thức, trình diễn. Vì vậy, mọi sáng kiến xuất phát từ xã hội công dân, độc lập với chính quyền, lập tức bị coi là khả nghi, do đó phải nắn lại, quản lý nó, hoặc vô hiệu hóa nó, hoặc đơn giản hơn, cấm đoán nó. Bất luận thế nào, *media* không thể là phương tiện truyền thông của một xã hội công dân đã bị đảng và nhà nước tước đoạt mọi khả năng tự tổ chức<sup>3</sup>.

Tình hình ấy tất nhiên phải thay đổi khi nhà nước không còn đủ khả năng thực hiện sự toàn trị của nó. Tại Việt Nam trong lĩnh vực kinh tế, tình huống này đã xảy ra vào cuối thập niên 1970 : do khủng hoảng kinh tế, đặc biệt là lương thực, bắt đầu từ mùa hè 1979, nhà nước buộc phải chấp nhận thi hành chính sách khoán nông nghiệp (mà ngay từ năm

1977, tỉnh Hải Phòng đã làm chui) ; còn trong công nghiệp, sang đầu thập niên 1980, đồng lương không còn đủ để tái sản sinh sức lao động của công nhân, viên chức, nhà nước bắt buộc phải để cho nhân viên đi kiếm việc làm thứ nhì, và cho các xí nghiệp, đơn vị sản xuất lập ra những kế hoạch 2, kế hoạch 3. Song song với cuộc khủng hoảng kinh tế là một cuộc khủng hoảng tư tưởng : chống chủ nghĩa bá quyền của Bắc Kinh tất nhiên dẫn tới phê phán chủ nghĩa Mao còn ngự trị trong Đảng cộng sản Việt Nam. Điều này thể hiện khá rõ rệt trong lãnh vực văn học nghệ thuật : bản đề dẫn của Nguyễn Ngọc (bí thư Đảng đoàn Hội nhà văn, 1979<sup>4</sup>), bài viết của Hoàng Ngọc Hiến về “một nền văn học phải đạo” (1979), phát biểu của Dương Thu Hương tại hội nghị kỷ niệm 35 năm văn học cách mạng (1980), phim *Hy vọng cuối cùng* của Trần Phương (1981), vở kịch *Hồn Trương Ba da hàng thịt* của Lưu Quang Vũ (1981), phim *Thị xã trong tầm tay* của Đặng Nhật Minh (1982)...

Những gì xảy ra sau đó, mọi người đều biết : chính sách đổi mới (1986), rồi tiếp theo là sự eo hẹp (1989-90). Với Đại hội lần thứ VII (1991), Đảng cộng sản Việt Nam chủ trương tiếp tục cải tổ về kinh tế, tài chính, hành chính, quá độ sang kinh tế thị trường với “định hướng xã hội chủ nghĩa”. Thế nào là “định hướng xã hội chủ nghĩa” về mặt kinh tế, thì chưa ai giải thích nổi, song về mặt chính trị thì rất rõ ràng : ĐCSVN kiên quyết duy trì chế độ độc đảng, nắm chặt độc quyền trên các media, và phủ nhận mọi biểu hiện đa nguyên của xã hội công dân.

Làm thế nào để thực hiện điều đó ? Trong chừng mực nào ĐCSVN đã thành công ? Trong hoàn cảnh đó, làm sao xã hội công dân có thể xuất hiện ? làm sao nó có thể từng bước lấn vào media còn bị nhà nước chiếm độc quyền ? Bài này có mục đích trả lời một phần những câu hỏi đó.

<sup>1</sup> Xem các từ điển Anh-Việt, Pháp-Việt của Uỷ ban Khoa học Xã hội, cũng như *Từ điển triết học giản yếu* (nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1987), *Từ điển thuật ngữ Khoa học xã hội Nga-Pháp-Việt* (nxb. Khoa học xã hội, 1979), *Từ điển Pháp-Việt Pháp-Luat – Hành chính* (nxb. Thế Giới, 1992).

<sup>2</sup> Xem bài Lữ Phượng (số trước), hoặc : *La société civile* của nhiều tác giả, P.U.F., 1986, Paris ; *Gramsci dans le texte*, Ed. Sociales, Paris 1976, L. Althusser, *Positions*, Ed. Sociales, Paris, 1977.

<sup>3</sup> Điều trên là trước 1945, đặc biệt từ 1936 (thời kì Mặt trận nhân dân Pháp), Đảng cộng sản Đông Dương đã vận động tài tình xã hội

công dân trong các hoạt động đa dạng của mình (báo chí, Hội truyền bá quốc ngữ, văn hoá văn nghệ...)

<sup>4</sup> Phần đầu công bố trên Tạp chí *Lang Bian* số 3 (tháng 8.1988, tr. 56-69). Ngay sau đó, tạp chí bị đóng cửa.

<sup>5</sup> Hai năm sau (tháng 9.89) tại hội trường Ba Đình, ông Linh nói về bác sĩ Viện : “ Tay này bây giờ lại ca ngợi dân chủ tư sản ” và chụp mũ báo *Đoàn Kết* (tên thân của *Diễn đàn*) là “ CIA giật dây ”. Cũng trong thời gian này, ông ta gọi Dương Thu Hương là “ con đĩ chống đảng ” (sic).

## 2. Thời kỳ đổi mới 1987-89 : cởi trói văn nghệ, xuất hiện dư luận xã hội

Chính sách đổi mới trong văn nghệ chính thức bắt đầu với cuộc gặp gỡ tháng 10.87 giữa tổng bí thư Nguyễn Văn Linh và khoảng một trăm văn nghệ sĩ và trí thức. Chính trong cuộc họp này, ông Linh đã thăm thiết ôm hôn nhà văn Dương Thu Hương và niềm nở bắt tay bác sĩ Nguyễn Khắc Viện, hai người trong thời gian trước đó bị coi là “ có vấn đề ”<sup>6</sup>. Trong cuộc họp này, tổng bí thư ĐCSVN kêu gọi các nhà văn hãy “ tự cởi trói ”, “ bất luận thế nào, đừng uốn cong ngòi bút ”. 1987 cũng là thời điểm nở rộ một loạt tác phẩm văn học nghệ thuật thay đổi hẳn không khí sinh hoạt văn hoá Việt Nam, đổi mới về nội dung và đổi mới cả về hình thức. Có thể đơn cử vài thí dụ :

- những phóng sự của các báo *Lao Động*, *Nông Nghiệp*, *Đại Đoàn Kết*, *Tiền Phong*, *Tuổi trẻ*, *Văn Nghệ*... phản ánh các hiện tượng tiêu cực (oan khiên của nông dân và các thành phần xã hội thành thị, di tích văn hoá lịch sử bị phá huỷ...) ;
- tiểu thuyết *Bên kia bờ ảo vọng* của Dương Thu Hương, truyện ngắn *Tướng về hưu* của Nguyễn Huy Thiệp, tiếp theo là truyện ngắn *Năm ngày* và tiểu thuyết *Thiên sứ* của Phạm Thị Hoài, báo hiệu một loạt cây viết trẻ mới ;
- hai cuốn phim tài liệu của Trần Văn Thuỷ : *Hà Nội trong mắt ai*, *Chuyện tủ tế* ;
- kịch của Lưu Quang Vũ : *Chết cho điều chưa có*, *Quyền được hạnh phúc* ;
- những phóng sự truyền hình, đặc biệt của dài Cầm Thơ.

Đứng từ giác độ *media* và *xã hội công dân*, có thể nêu ra mấy nhận xét :

- đây là lần đầu tiên ở Việt Nam, văn hoá trở thành một hiện tượng đại chúng : tiểu thuyết của Dương Thu Hương đạt số in 100 000 (có cuốn 200 000 bản) — trước đó, cũng như từ vài năm nay, số in trung bình là vài nghìn bản ; hàng triệu khán giả đã bỏ tiền mua vé xem phim tài liệu Trần Văn Thuỷ ; kịch của Lưu Quang Vũ có mặt trên sân khấu từ bắc chí nam (có tháng, mười tác phẩm của Vũ được diễn cùng một lúc) ; các báo đổi mới tăng vọt số in
- quan trọng hơn nữa là sự xuất hiện của công luận. Cố nhiên chưa bao giờ nhà nước toàn trị đã triệt tiêu được dư luận xã hội. Khi nó toàn thịnh thì dư luận chỉ còn cách *chui vào* những truyện tiểu lâm tân thời và những câu ca dao vỉa hè<sup>7</sup>. Nay giờ dư luận xuất hiện trên báo chí, trong mục thư bạn đọc, dư luận tìm ra những người phát ngôn của mình, chủ yếu là cán bộ, sĩ quan về hưu. Chính thành phần này, lần đầu tiên từ năm 1945, đã tạo thành một đổi trọng có thể đương đầu với “ bộ tú ” (đảng uỷ – công an – ban chủ nhiệm hợp tác xã – uỷ ban hành chính xã) ở nông thôn. Ở thành phố, cán bộ về hưu tập trung ở các chi bộ khu phố, phần nào phản ánh được dư luận xã hội. Ở Nam Bộ, Câu lạc bộ Kháng

chiến cũ đã đóng một vai trò quan trọng trong công luận cũng như trong những cuộc biểu tình 1988-89 của nông dân.

Thực ra, lời kêu gọi của ông Nguyễn Văn Linh, và tiếp theo đó, nghị quyết 05 của Bộ chính trị ĐCSVN về văn hoá văn nghệ không phải tự trên trời rơi xuống. Trong một chừng mực nào đó, chúng chỉ ghi nhận một vận động văn hoá tuy còn tản漫, nhưng khá mạnh mẽ và đa dạng.

Thật vậy, ngay từ trước năm 1987, đông đảo công chúng đã tìm đọc Dương Thu Hương với *Hành trình ngày thơ ấu* và *Chuyện tình kể trước lúc rạng đông* ; Trần Văn Thuỷ đã hoàn thành *Hà Nội trong mắt ai* từ 1985 và phải giữ cuốn phim trong ngăn kéo suốt hai năm trời<sup>8</sup>. Còn Lưu Quang Vũ (mất năm 1988), các vở kịch của anh đã lôi cuốn đông đảo khán giả ngay từ năm 1981. Cố nhiên, tác phẩm lớn nhất của Vũ, *Hồn Trương Ba da hàng thịt*, viết xong từ 1981, phải đợi đến năm 1987, Nguyễn Đình Nghi mới được phép dựng trên sân khấu. Lưu Quang Vũ là hiện tượng có một không hai, song không phải vì vậy mà nó không có ý nghĩa tiêu biểu : hầu như toàn bộ gần 50 vở kịch của anh được viết trong thời gian 1980-1988. Câu nói của nhà sử học Liên Xô Iouri Afanassiev vẫn rất đúng vào tình hình Việt Nam thập niên 80 : « Mọi cuộc thảo luận về lịch sử hiện đại phải đi từ văn học hiện đại. Vì một lần nữa, văn học tỏ ra là cái “ chấn động kế ” nhạy bén nhất của thời đại chúng ta »<sup>9</sup>.

Cuối cùng, nói về thời kỳ 1987-89 này, thiết tưởng cũng cần nêu rõ điều này : sở dĩ đời sống văn học nghệ thuật đã khởi sắc như vậy và dư luận xã hội đã triển khai ở mức độ mà không gặp sự đần áp bức khắc và mạnh mẽ của chính quyền (tình hình này không ai có thể tưởng tượng là có thể xảy ra mười năm trước đó), là vì trong cuộc khủng hoảng toàn diện, mọi người đều ý thức được là cần phải thay đổi — thay đổi như thế nào lại là chuyện khác — và động lực của sự thay đổi đó không nằm bên ngoài đảng, mà là một bộ phận quan trọng trong hàng ngũ đảng viên. Cấp lãnh đạo đảng nói chung không quan tâm tới văn hoá, nhưng có người như tướng Trần Độ rõ ràng đã đồng cảm với giới văn nghệ sĩ : ông đã giữ vai trò quyết định trong việc soạn thảo và thông qua nghị quyết 05 về văn hoá văn nghệ. Trong một chừng mực nhất định, thời kỳ đổi mới 1987-89 ở Việt Nam cũng tương tự như công cuộc *perestroika* ở Liên Xô về mặt này : sự liên kết ít nhiều tự giác giữa một bộ phận lãnh đạo và một phần quan trọng đảng viên cơ sở, vượt qua đầu bộ máy trung gian. Khác tình hình phong trào Nhân văn – Giai phẩm (1956-58) ở Việt Nam (không có sự đồng tình trong cấp lãnh đạo), và khác hẳn thời kỳ *Trăm hoa đua nở trăm nhà đua tiếng* (1957) ở Trung Quốc, một cuộc đấu tranh chính trị giành giật quyền lực. Chính vậy mà bộ máy cầm quyền không phản ứng quyết liệt, ít nhất trong cả một thời gian. Song chõ yếu của phong trào đổi mới về văn học và văn hoá cũng ở chõ đó : thiếu vắng một kích thước chính trị. Và

<sup>6</sup> Theo một số nguồn tin, một bộ sưu tập khoảng 600 truyện và ca dao đã được nộp cho Bộ chính trị khoảng đầu những năm 1980.

<sup>7</sup> Trong các nhà văn thuộc thế hệ trước (sinh trong thập niên 1930), phải kể tới Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Khải là hai người đã

trần trở trong tác phẩm của mình từ đầu những năm 1980.

<sup>8</sup> Trích dẫn của Jean-Jacques Marie, *Ces historiens soviétiques qui ébranlent l'URSS*, *L'Histoire*, décembre 1988 (theo G. Boudarel, *Cent fleurs écloses dans la nuit du Vietnam*, Jacques Bertoin, Paris 1991).

nhiệt điểm này sẽ bộc lộ trong giai đoạn tiếp theo.

### 3. Uốn nắn văn nghệ hay là “định hướng xã hội chủ nghĩa” trong kinh tế thị trường

Quá trình uốn nắn đã bắt đầu ngay từ cuối năm 1988 với việc cách chức tổng biên tập tuần báo *Văn Nghệ* của nhà văn Nguyễn Ngọc. Không khí trở thành nặng nề từ sau mùa hè 1989 với nghị quyết mà Ban chấp hành trung ương DCSVN thông qua sau vụ tàn sát Thiên An Môn và kết quả cuộc bầu cử dân chủ ở Ba Lan. Tiếp đó, sự sụp đổ của phe xã hội chủ nghĩa Đông Âu và quá trình tan rã của Liên bang Xô viết đã dẫn tới đường lối co cụm mà Đại hội VII chính thức biểu quyết : chống lại cái gọi là “âm mưu diễn biến hoà bình”, theo đó các “lực lượng phản động quốc tế” sử dụng những “phản tử phản động” trong nước và những “phản tử thoái hoá” trong đảng để tạo ra “biến chuyển từ bên trong”.

Trong lãnh vực báo chí, chính sách xiết chặt này thể hiện trong việc đóng cửa hai tờ báo *Tổ Quốc* và *Dân Chủ* (của Đảng xã hội và Đảng dân chủ<sup>9</sup>), việc cách chức một loạt tổng biên tập : Bùi Minh Quốc (tạp chí *Lang Bian*), Tô Hoà Nhật báo *Sài Gòn Giải Phóng*, Tô Nhuận Vỹ (tạp chí *Sông Hương*), Kim Hạnh (báo *Tuổi Trẻ*), Hoàng Phủ Ngọc Tường (tạp chí *Cửa Việt*)... Gần đây nhất là việc cho nghỉ hưu nhà báo Trường Giang (tổng biên tập tạp chí *Giáo dục và Thời đại*) sau khi báo này công khai xin lỗi giáo sư Phan Đình Diệu và độc giả là đã không đăng bài trả lời Lê Quang Vinh, và nói rõ đây là theo “gợi ý của một đồng chí lãnh đạo”<sup>10</sup>. Sau khi khoá chặt những tờ báo kể trên, người ta dẹp luôn cả những diễn đàn, bàn tròn trong đó còn có vài tiếng nói không chính thống (thí dụ như bàn tròn tháng 3.1991 của Tạp chí *Công sản*). Ngoại lệ duy nhất có lẽ là tạp chí *Văn Học* còn giữ được tinh thần cởi mở trong một lãnh vực không trực tiếp liên quan tới chính trị – chắc không phải ngẫu nhiên mà từ đầu tháng 9.94, tạp chí này trở thành đối tượng của một loạt bài tấn công của những Diệp Minh Tuyền trên báo *Sài Gòn Giải Phóng*.

Nghiêm trọng hơn nữa là quyết định ký ngày 4.10.1994 của bộ trưởng văn hoá, ngừng phát hành tập 40 truyện rất ngắn của Nhà xuất bản Hội nhà văn “vì trong đó có truyện *Đường Tăng* mà nội dung vi phạm chính sách tôn giáo và đoàn kết của Đảng và Nhà nước”<sup>11</sup>. Truyện ngắn này được giải nhất (đồng hạng) cuộc thi truyện rất ngắn của tạp chí *Thế giới mới mượn mĩnh nhân vật Tây Du Ký để nêu chủ đề cứu cánh và phương tiện*. Trong chừng mực nào đó, có thể nghĩ rằng tác giả dùng ẩn dụ để nói tới ảo tưởng thiên đường

cộng sản — đề tài mà Dương Thu Hương đã viết những trang rất hiện thực và trù tình trong *Những thiên đường mù*. Song khó mà nói rằng truyện ngắn triết lý này phỉ báng tôn giáo, nhất là một tôn giáo hổ xả là đạo Phật ; lại càng không thể chấp nhận một biện pháp cấm đoán về *bản chất*<sup>12</sup> không khác gì fatwa đối với Salman Rushdie và Talisma Nasreen.

Còn quá sớm để đánh giá hết ý nghĩa chính trị của vụ Đường Tăng. Có điều chắc chắn là đợt tấn công trên báo chí, qua truyện ngắn được giải, nhắm vào hội đồng chung khảo (mà chủ tịch lại là Nguyễn Ngọc, trưởng ban sáng tác Hội nhà văn), cũng như những bài báo phê phán việc Hội nhà văn trao giải (cách đây 3 năm) cho *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh<sup>13</sup> có liên quan tới việc chuẩn bị họp đại hội của 9 hội văn học nghệ thuật toàn quốc và hội nhà báo. Ngay từ tháng 7.94, Ban bí thư Trung ương đã ra chỉ thị về việc chuẩn bị đại hội của 9 hội văn học nghệ thuật toàn quốc và của Hội nhà báo Việt Nam, và đặt sự chuẩn bị đại hội của riêng hai hội nhà văn và hội nhà báo dưới sự “chỉ đạo trực tiếp của Trung ương”.

Về thực chất, lãnh đạo của DCS vẫn giữ nguyên quan niệm cũ về “lãnh đạo” các “tổ chức quần chúng”. Đại hội mùa hè 1994 của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam minh họa điều đó. Diễn văn thì giọng khá cởi mở (kêu gọi đoàn kết không phân biệt quá khứ và chính kiến), thành phần ủy ban trung ương cũng cùng một cung bậc (có thêm ông Nguyễn Văn Huyền và bà Nguyễn Phước Đại, nguyên chủ tịch và phó chủ tịch Thượng viện chế độ cũ, có mươi Việt kiều phần đông là doanh nhân, và giờ chót, “lưu dung” nhà toán học Phan Đình Diệu). Song đó là những bài diễn văn có tác dụng *đối ngoại*, đối chơi với nội dung và giọng điệu những phát biểu nội bộ ; và “cơ cấu” của ủy ban trung ương mang nặng tính trình diễn, trái nghịch với sự co ro, nếu không nói là hưu danh vô thực, của phần đông các tổ chức thành viên.

Hai thí dụ cho ta hiểu rõ quan niệm cổ hữu nói trên :

– Nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự (nguyên thư ký tạp chí *Lang Bian*), trong cuốn tiểu thuyết có tính tự truyện, kể lại lời một cán bộ tình báo lão thành về ý định thành lập một *Hội những người yêu thành phố Sương Mù* (xin hiểu : Đà Lạt) : « Cái chính là thông qua hội, ngoài việc thu hút ngoại vien, ta kiểm soát việc quan hệ và hoạt động của các cá nhân và tổ chức nước ngoài sẽ đến thành phố (...) Một mục tiêu quan trọng khác là hội sẽ có trực tiếp hợp tác với một tổ chức giáo hội lớn ở đây (xin hiểu : Giáo hội Công giáo) và thông qua mối quan hệ này ta sẽ không chế và chỉ phối giáo hội đó, không phải

<sup>9</sup> Hai đảng này bị giải thể vì “đã làm xong nhiệm vụ lịch sử”

<sup>10</sup> *Giáo dục và thời đại* số 50 (13.12.1993), xem *Diễn Đàn* số 35 (tháng 11.1994).

<sup>11</sup> *Sài Gòn Giải Phóng*, 8.10.1994, xem *Diễn Đàn* số 35.

<sup>12</sup> Tôi so sánh *bản chất* của hai sự việc. Tất nhiên chúng khác nhau về *cấp độ* và *bối cảnh*. Fatwa đốt *Những đoạn kinh của quỷ* và tuyên án tử hình S. Rushdie do giáo chủ Khomeiny ban hành và được Nhà nước Iran thi hành. Fatwa cấm đoán truyện *Lajja* và tuyên án tử hình T. Nasreen là của những tu sĩ Hồi giáo *toàn thủ* (intégristes), không phải của nhà nước Bangladesh. Lệnh cấm *Đường Tăng* là của nhà nước Việt Nam. Khác nhau về mức độ (mạng sống và cuộc sống nhà văn), song cả ba lệnh cấm đều cùng một bản chất : *chặt đập quyền tự do tư tưởng và sáng tạo*. Có cần

nhắc lại : trước khi thiêu hàng triệu người Do Thái, Cộng sản, Digan, đồng tính luyến ái..., chế độ nazi đã bắt đầu bằng việc đốt sách ? Cuối cùng, cũng cần bóc một cái lá nhỏ : ông Trần Hoàn ký quyết định ngày 4.10, hai ngày sau, thượng toạ Trí Quảng mới ký văn thư phản đối truyện Đường Tăng (xem *Sài Gòn Giải Phóng*, số đã dẫn).

<sup>13</sup> Theo những nguồn tin đáng tin cậy, đại hội của Hội nhà văn Việt Nam, dự trù họp trước cuối năm 94, đã phải hoãn sang (ít nhất) tháng 2.95. Một trong những lý do : cuối tháng 11, ban chấp hành HNV soạn bản dự thảo cáo đến lần thứ 4 mà vẫn chưa được cấp trên thông qua, vì dự thảo chưa chịu nhận việc tặng giải cho *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh là một... “sai lầm”.

chỉ giáo hội địa phương ở đây, trước mắt, mà còn có thể giáo hội trên cả nước về lâu về dài »<sup>14</sup>.

– Một trí thức Hà Nội cho biết : « Hội Hữu nghị Việt-Pháp trung ương, cũng như các hội hữu nghị khác, hoàn toàn chỉ có trên giấy (có trên giấy nhưng cũng chẳng có giấy tiêu đề / papier à en-tête, không con dấu, không tài khoản ngân hàng ...) Ban chấp hành thì do cấp trên chỉ định ». Do đó, một số trí thức Hà Nội đã ký đơn xin thành lập một hội hữu nghị Việt-Pháp Hà Nội : « Sau ba năm chờ đợi, anh chị em nhận được giấy phép, nhưng lại kèm theo một quyết định chỉ định một Ban trù bị gồm những anh chị em có đơn xin lập hội, song Trưởng ban và một ủy viên thường vụ khác của Ban Trù bị lại là những người không hề làm đơn xin lập hội. Hơn thế nữa, cấp trên còn yêu cầu các ủy viên thường vụ của Ban trù bị phải loại ra ngoài Ban chấp hành một số người (mà có lẽ cấp trên không ưa lầm), rồi báo cáo cho cấp trên danh sách ban chấp hành để được duyệt thì mới họp Đại hội đồng, giới thiệu Ban chấp hành đã được dự kiến và được cấp trên chuẩn y, để Đại hội đồng biểu quyết bằng... giơ tay »<sup>15</sup>.

#### 4. Media và thị trường. Một xã hội công dân phôi thai

Bức tranh toàn cảnh vừa phác họa ở trên nhằm mô tả chính sách của ĐCS đối với báo chí, media và các tổ chức xã hội. Song ta sẽ mắc một sai lầm lớn nếu chỉ nhìn thấy ý định, mà bỏ qua hai nhân tố khách quan cơ bản : một là sự quá độ sang kinh tế thị trường, hai là bộ máy quan liêu không còn khả năng “ quản lý ” xã hội như nó đã làm trong quá khứ. Hai nhân tố ấy từng bước đang và sẽ vô hiệu hóa tham vọng toàn trị của ĐCS và mở ra cho xã hội công dân những triển vọng phát triển.

Trong lĩnh vực media, cần phân biệt khu vực báo chí (in, truyền thanh, truyền hình) và khu vực xuất bản. Báo chí được đặt dưới sự kiểm soát chặt chẽ về chính trị, đặc biệt trên những vấn đề nóng bỏng (đường lối chính trị chung, quan hệ đối ngoại, các vấn đề tư tưởng...) song rõ ràng thông tin chung đã đa dạng hơn, nhà báo chừng nào được tự lập hơn. Nhà nước không còn bao cấp, bộ máy độc đảng không còn nguyên khối (*monolithique*), báo chí ngày càng có thêm nguồn quảng cáo, đó là những nhân tố mở ra cho báo chí những không gian tự do tuy nhỏ nhưng có thực, tuy rằng báo chí thường có xu hướng chỉ sử dụng chúng để câu khán giả lợi. Trong lĩnh vực xuất bản, nhà nước vẫn giữ độc quyền, song sự kết thúc chế độ bao cấp đã dẫn tới một bước tư nhân hóa một cách mặc nhiên : tư nhân có thể xuất bản (và phát hành) hầu như bất cứ loại sách gì không phạm huý chính trị, bằng cách “ liên kết ” với nhà xuất bản chính thức (thực chất là “ thuê tên ” nhà xuất bản). Do đó mà trên thị trường sách đã nở rộ các loại văn chương thương mại, *xéch xác*, thỉnh thoảng khiêu dâm, khi nhà nước cấm đoán thì vô hiệu quả,

và chỉ có tác động quảng cáo cho lượng sách bán chui. Dẫu sao, phải ghi nhận rằng xu hướng nói lồng này đã có những tác động tích cực : trong vòng vài năm, số lượng các từ điển (song ngữ, thuật ngữ đối chiếu, văn hoá, lịch sử...) được xuất bản đã vượt hẳn số xuất bản trong suốt mấy chục năm Việt Nam dân chủ cộng hoà và mười năm đầu Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ; các tác phẩm văn học “ tiền chiến ” (Tự Lực văn đoàn, Vũ Trọng Phụng... ), một số công trình biên khảo và một số tác giả miền Nam trước 1975 đã được tái bản.

Cố nhiên sự từ nhiệm của nhà nước (đặc biệt trong lĩnh vực nghệ thuật, nhất là trong điện ảnh và sân khấu), một phần vì thiếu hụt ngân sách, phần khác vì tham nhũng, biến thủ, về trung hạn sẽ đe dọa sự sống còn của nền văn hoá quốc gia trong khi nó đã không đủ sinh lực để đối phó với “ văn hoá đại chúng ” lai Mỹ lai Hồng Kông. Song, trước mắt, và đứng ở góc độ xã hội công dân, sự từ nhiệm bất đắc dĩ này của nhà nước cũng hé ra một khoảng trống cho xã hội công dân.

Tương tự, cuộc khủng hoảng tư tưởng của phong trào cộng sản quốc tế và việc nhà nước không còn khả năng quản lý toàn bộ lãnh vực văn hoá – xã hội cũng tạo ra những không gian tự do mới mà do thiếu chuẩn bị và không có tổ chức, xã hội công dân không kịp tiếp quản.

Vì không có thông tin đầy đủ và phân tích chính xác, chúng tôi chỉ xin nêu dưới đây một vài nhận xét sơ bộ.

Ở nông thôn cũng như ở thành thị, người ta chứng kiến sự nở rộ của các sinh hoạt tôn giáo, thờ cúng tổ tiên, lễ hội và phong tục truyền thống :

– các dòng họ công khai xuất hiện trở lại (xây dựng từ đường, tu bổ bàn thờ tổ, dịch lại hoặc viết gia phả, soạn thảo tộc ước quy định thứ bậc trong dòng họ, nhiệm vụ và quyền hạn của người đồng tộc...), hâm lại những tập tục có phần hủ lậu, song cũng khẳng định lại một ý thức đoàn kết trong nhiều thập niên bị phủ nhận, và cung cấp cho cá nhân trong một xã hội khủng hoảng những giá trị tinh thần có chức năng qui chiểu.

– tại các thành phố, những hội phụ huynh học sinh đã thành hình trên thực tế, với mục đích hạn chế sự xuống cấp của giáo dục và nạn du dãng của thanh thiếu niên.

– việc tái lập các phong tục tập quán cổ truyền ở nông thôn (thờ lại thành hoàng, có nơi bình bầu thành hoàng mới như tướng Nguyễn Sơn, soạn thảo hương ước, lập lại các phe, giáp) cũng có tác dụng tương tự. Tại một số làng đồng bằng Sông Hồng và khu 4 cũ, người ta lập lại chức *tiên chỉ* không có thực quyền, song cũng làm đối trọng với chính quyền xã. Có làng bầu những đại tá về lưu làm tiên chỉ. Mặt khác, chính quyền xã, hoặc tự nguyện, hoặc do đấu tranh của dân chúng, đã trả lại đình, chùa, miếu mạo trong nhiều thập niên

<sup>14</sup> Tiêu Dao Bảo Cự, *Nửa đời nhìn lại*, nxb Thế Kỷ, 1994, California, tr. 322.

<sup>15</sup> Diễn đàn số 32, tháng 7.94, tr.2.

<sup>16</sup> Ở đây, chúng tôi không bàn tới vai trò tiềm thẩy của các tôn giáo cũng như của lãnh vực kinh tế trong sự phát triển của xã hội công

dân, với hy vọng tại hội nghị sẽ có chuyên gia phát biểu về đề tài này.

<sup>17</sup> Thống kê của Terry Hartney, báo *The Nation* (Bangkok) ngày 26 tháng 8.1994 (theo Carlyle A. Thayer)

bị dùng làm trụ sở, nhà kho.

– các hoạt động từ thiện của những hội đoàn phi chính quyền và của các giáo hội<sup>16</sup>, bên lề các cơ cấu do DCS kiểm soát.

– việc thành lập Trung tâm đại học dân lập Thăng Long, một số trường trung học dân lập (và gần đây, việc ký giấy cho phép thành lập vài trường đại học tư), tuy không thể là một giải pháp thay thế cho nền giáo dục đang khủng hoảng, song cũng phản ánh khả năng và sự tự nhận thức của xã hội công dân.

– cuối cùng, nhưng rất quan trọng, là những cuộc đình công tự phát của công nhân (năm 1992, có 6 cuộc đình công, năm 1993 có 17 cuộc, và trong ba tháng đầu năm 1994, 69 cuộc)<sup>17</sup>.

## 5. Thay lời kết luận : khi từ ngữ “xã hội công dân” xuất hiện

Mở đầu bài này, chúng tôi đã nói danh ngữ *xã hội công dân* hầu như vắng bóng trên media ở Việt Nam. *Hầu như* không phải là *hoàn toàn*. Theo những thông tin đáng tin cậy, thì đề tài này đã trở thành đối tượng sưu tầm tư liệu, nếu không nói là đối tượng nghiên cứu, ở Viện quốc gia nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, song cho đến nay chưa thấy công bố.

Từ ngữ *xã hội công dân*, theo chúng tôi biết, xuất hiện lần đầu tiên trong cuốn *Từ điển xã hội học* do Nguyễn Khắc Viễn chủ biên, đang được Nhà xuất bản Thế Giới chuẩn bị phát hành. Mục từ *xã hội công dân* chiếm hai trang, trong đó khái niệm này được định nghĩa, không phải như đối lập với khái niệm nhà nước (theo nghĩa thông dụng hiện nay), mà đối lập với khái niệm xã hội toàn trị và chủ nghĩa toàn trị.

Đối với tác giả (không ký tên) của mục từ này, « *Xã hội công dân là một cơ thể phát triển không ngừng và hoàn thiện không ngừng. Những yếu tố cấu thành của nó là : sở hữu của các công dân với tư cách cá nhân, các quyền tự nhiên của con người và các quyền tự do cá nhân của công dân, chế độ dân chủ về mặt chính trị và nhà nước pháp quyền. Bản thân các yếu tố ấy cũng không ngừng phát triển và hoàn thiện, cùng với sự phát triển và hoàn thiện của toàn bộ hệ thống xã hội công dân. Khái niệm xã hội công dân gắn liền xuất hiện với những nội dung cụ thể trong quá trình dân chủ hoá ở một loạt nước trên thế giới. Bởi vì, trong nhận thức của ngày càng nhiều người chỉ có thể xây dựng chế độ dân chủ trên cơ sở xã hội công dân. Chừng nào xã hội công dân chưa vững vàng, chừng đó dân chủ vẫn chưa được bảo đảm. Ngược lại, dân chủ hoá là một trong những động lực chính để xây dựng xã hội công dân (...) Theor quan niệm mác xít, xã hội công dân cũng như dân chủ, sở hữu, v.v... mang tính chất giai cấp. Trong những điều kiện một số người hay một giai cấp nắm trong tay quyền sở hữu về tư liệu sản xuất trong khi một bộ phận khác của xã hội (có khi là đa số) bị tước mất quyền sở* »<sup>18</sup>.

<sup>18</sup> *Từ điển xã hội học*, nhà xuất bản Thế Giới, Hà Nội, 1994, tr. 326 và 327.

<sup>19</sup> Xem *Diễn Đàn số 24* (tháng 11.93).

<sup>20</sup> Viễn Giang, *Ý thức xã hội hiện nay*, trong *Đoàn Kết số tháng 7.1993*.

hữu đó, thì xã hội công dân chỉ tồn tại một cách hình thức đối với bộ phận “lép vế” này. Điều này đúng với xã hội tư bản chủ nghĩa phương Tây, cũng đúng cả với xã hội toàn trị mang nhãn hiệu “xã hội chủ nghĩa” ở các nước phương Đông»<sup>19</sup>.

Một số nhà nghiên cứu ở Việt Nam đã suy nghĩ về vấn đề xã hội công dân. Trong khuôn khổ các cuộc thảo luận chưa tự do, các công trình tất còn bị hạn chế. Và ra ngoài phòng hội thảo, chúng chỉ có thể được phổ biến dưới dạng photocopies hoặc trên báo chí Việt ngữ hải ngoại.

Lữ Phương, trong *Đàm thoại về chủ nghĩa xã hội mác xít*, đề nghị một số cải cách, trong đó có : « *thực hiện quyền tồn tại độc lập pháp định của tất cả các lực lượng quần chúng hiện có đối với nhà nước, sau đó có thể cho ra đời dần dần những tổ chức chính trị có xu hướng cấp tiến ôn hoà, tiến dần đến chỗ hình thành một chế độ dân chủ đa nguyên, điều hợp bởi nhà nước pháp quyền, giải quyết những bất đồng giữa các thành viên của xã hội bằng con đường thương lượng hòa bình* », coi các biện pháp để ra « *đều nhắm vào mục đích chuẩn bị cho ra đời những phần tử ưu tú của một xã hội công dân mới* »<sup>20</sup>.

Dưới bút hiệu Viễn Giang, một nhà nghiên cứu ở Hà Nội viết :

« *Thực tế khắc nghiệt của đất nước buộc phải đưa ra những câu hỏi và những câu trả lời đang chớm nở trong thực tế. Kinh tế thị trường đang hình thành. Xã hội công dân cũng đang hình thành. Một nhà nước pháp quyền đang là một đòi hỏi cấp bách. Và cả chế độ dân chủ nữa, cũng trở thành một triển vọng không thể tránh. Con người Việt Nam lúc này đang đặt ra cho mình những yêu cầu thật rõ ràng : có mảnh đất kiếm sống của mình, có nguồn sống ổn định, có mức sống ngày càng tăng, có các quyền tự do dân chủ thật sự. Tóm lại, có độc lập rồi, bây giờ cần có tự do và hạnh phúc (...) những giá trị đã được thực tiễn lịch sử kiểm nghiệm cũng là những giá trị đã được Việt Nam tiếp nhận và ứng dụng vào những hoàn cảnh cụ thể của đất nước. Đó là, một lần nữa xin nhắc lại : xã hội công dân, kinh tế thị trường, Nhà nước pháp quyền và chế độ dân chủ. Có thể ví xã hội Việt Nam như một cỗ xe, phải lắp đủ bốn bánh xe ấy mới có thể chạy bình thường trên con đường đi tới phía trước. Con đường đó không trơn tru, nó phải lượn qua những khúc hiểm nghèo, vì thế cỗ xe phải có đủ bốn bánh thật tú tể vượt qua được* »<sup>21</sup>.

Mong sao cỗ xe Việt Nam với đầy đủ bốn bánh — và xin thêm : với bánh xe xocua là đa nguyên — sẽ khởi hành, lấp tròn trước khi những nhà máy lắp ráp ôtô Nhật Bản và Mỹ lan tràn vào Việt Nam.

Nguyễn Ngọc Giao

Bài này là tham luận đọc tại hội nghị VIETNAM UPDATE 94 : *Đổi Mới, State and Civil Society* (Cộng hòa Việt Nam 94 : *Đổi mới, Nhà nước và Xã hội công dân*) do Trường đại học quốc gia Úc (ANU) tổ chức (10 và 11.12.1994). Kỳ trước, chúng tôi đã đăng tham luận của LŨ PHƯƠNG. Có dịp, chúng tôi sẽ trả lại hội nghị này.

# Sức lao động phải chăng là hàng hóa ?

Trần Hải Hạc

*Giữa học thuyết Mác về chủ nghĩa tư bản và học thuyết tự do chủ nghĩa về kinh tế thị trường, mối tương quan thường được quan niệm như là đối kháng. Đó là xét tương quan về mặt chính trị và hệ tư tưởng.*

*Về mặt lý luận kinh tế, giữa học thuyết tự do kinh tế và học thuyết Mác – chí ít theo cách đọc chính thống của nó –, không phải không có những điểm tương đồng. Trước tiên là quan điểm duy kinh tế của những phân tích trong đó vai trò đấu tranh xã hội không có tính quyết định và nhà nước có chỗ đứng ở bên lề. Đồng quan điểm này đặc biệt thể hiện trong lý luận xem tiền tệ và sức lao động (hoặc lao động) như là những hàng hóa.*

*Tiền tệ phải chăng là hàng hóa ? Bài đầu tiên (Diễn đàn số 36 tháng 12 1994) đã thử phân tích tính nước đôi của lý luận mác xít, và những hệ luận mang tính thời sự ở những nước – như Việt Nam – đang chuyển sang nền kinh tế thị trường. Bài thứ hai dưới đây sẽ xét câu hỏi và những vấn đề đặt ra đối với phạm trù sức lao động.*

**Sức lao động phải chăng là hàng hóa ?**

Câu trả lời dường như quá hiển nhiên : Đặc tính của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa chính ở chỗ đã biến sức lao động thành hàng hóa, cho nên chế độ tư bản, theo Mác, đồng nghĩa với chế độ lao động làm thuê. Song, khi xây dựng lý luận về tiền công, bộ Tư bản đã không tránh khỏi một sự nhầm lẫn, thiếu nhất quán, dẫn đến hai cách đọc Mác đối lập nhau.

## Sức lao động là hàng hóa

1. Đây là cách hiểu thông thường nhất và, qua các sách giáo khoa Mác - Lenin, đã thành quan điểm chính thống. Phân tích sức lao động là hàng hóa có nghĩa là, như mọi hàng hóa, sức lao động có giá trị sử dụng và giá trị. Đặc tính của sức lao động-hàng hóa nằm ở giá trị sử dụng của nó : là

khả năng tạo ra giá trị, và tạo ra nhiều giá trị hơn giá trị của bản thân sức lao động ; hay nói cách khác : là tạo ra giá trị thặng dư.

Còn giá trị của sức lao động, giống như giá trị của các hàng hóa khác, là do lượng lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra nó quyết định. Chính xác hơn, giá trị sức lao động là giá trị của rõ hàng hóa mà người lao động làm thuê mua để tái sản xuất sức lao động. Trong chừng mức đó, tiền công tuy thuộc vào năng suất lao động sản xuất ra những hàng hóa mà người lao động làm thuê tiêu dùng : khi năng suất tăng thì tiền công giảm. Đó là cách phân tích tiền công trong kinh tế học cổ điển, không phải là quan điểm của Mác.

Phân tích của Mác cho thấy qui trình tái sản xuất sức lao động tiêu dùng hàng hóa, nhưng không sản xuất ra hàng hóa :

1. Khác với các hàng hóa, sức lao động không phải là sản phẩm của một qui trình sản xuất tư bản chủ nghĩa. Không thể xem qui trình tái sản xuất sức lao động là một qui trình sản xuất hàng hóa trong đó người lao động, với tư cách là người sở hữu sức lao động, chiếm hữu giá trị thặng dư do mình tạo ra. Mác tuyệt đối bác bỏ mọi lý luận về “tư bản con người” xem sức lao động là tư bản, và người lao động như một nhà tư bản (Tư bản, Quyển II, tập 2, nxb Sự Thật, trang 124).

2. Qui trình tái sản xuất sức lao động không sản xuất ra giá trị. Hoạt động của người lao động trong qui trình tái sản xuất là hoạt động có ích trực tiếp dưới dạng lao động cụ thể của nó, không thuộc phạm trù lao động trừu tượng, tức lao động tạo ra giá trị (Các học thuyết về giá trị thặng dư, tập 3, nxb Editions Sociales, trang 176-177). Trong nghĩa đó, không có một phạm trù “giá trị sức lao động”. Sức lao động, vì thế, không thể là một hàng hóa thực sự.

## Sức lao động, một hàng hóa giả định

2. Khác với mọi hàng hóa, sức lao động không có giá trị, mặc dù có giá trị trao đổi thông qua sự trao đổi với tiền công. Có thể cho rằng sức lao động thuộc về một phạm trù mà Mác đã vạch ra, song không áp dụng cho sức lao động : đó là phạm trù của những vật mà bản thân không phải hàng hóa, nhưng do được trao đổi với tiền, cho nên có giá cả, và có hình thức của hàng hóa (Tư bản, I, 1, trang 146). Trong nghĩa đó, có thể nói rằng sức lao động chỉ có hình thức hàng hóa : không phải hàng hóa, cũng không phải phi hàng hóa, sức lao động là một hàng hóa trừu tượng, giả định.

Nói đến giá trị trao đổi hay hình thức giá trị của sức lao động trong khi nó không có giá trị, có nghĩa là hình thức, ở đây, che lấp một quan hệ xã hội khác hơn là quan hệ trao đổi hàng hóa. Như Mác có lưu ý, cả tiền lương danh nghĩa (lượng tiền tệ mà người lao động làm thuê nhận được) lẫn tiền lương thực tế (lượng hàng hóa mà người lao động có thể mua với tiền lương danh nghĩa) không cho chúng ta một khái niệm đầy đủ về giá trị trao đổi của sức lao động. Bởi vì quyết định giá trị trao đổi của sức lao động, trước hết, là tiền lương tương đối, tức tiền lương trong tương quan của nó với giá trị thặng dư (Lao động làm thuê và tư bản, nxb Editions Sociales, trang 33-34). Nói cách khác, điều quyết định là sự phân chia giá trị do sức lao động tạo ra – tức giá trị tăng thêm – giữa những

người lao động làm thuê và những nhà tư bản qua đấu tranh giai cấp.

Mác vạch rõ điều ấy khi phân tích giá trị thặng dư tương đối. Giá trị thặng dư tương đối sinh ra khi giá trị trao đổi của sức lao động giảm, tức là khi năng suất lao động được nâng cao trong những ngành sản xuất ra các hàng hóa tham dự vào qui trình tái sản xuất sức lao động. Song đây là điều kiện cần chớ chưa đủ. Muốn cho gia tăng năng suất lao động trong xã hội trở thành giá trị thặng dư, còn phải có một tương quan lực lượng giữa các giai cấp cho phép các nhà tư bản chiếm hữu nó. Nói cách khác : không cho phép tiền lương thực tế (tức sức mua của những người lao động làm thuê) cùng tăng theo ; chính xác hơn là không cho phép một mức gia tăng lương thực tế tương đương với mức gia tăng năng suất lao động xã hội. Bởi vì, khi năng suất lao động trong xã hội được nâng cao, mức độ bóc lột của giai cấp tư sản có thể tăng đồng thời với mức lương thực tế của giai cấp lao động (**Bản thảo 1861-1863**, nxb Editions Sociales, trang 255, 260). Sản xuất giá trị thặng dư tương đối chỉ đòi hỏi mức tăng tiền lương thực tế phải thấp hơn mức tăng năng suất lao động. Tỷ lệ chuyển hóa gia tăng năng suất lao động thành giá trị thặng dư tuỳ thuộc ở tương quan lực lượng giữa hai giai cấp (**Tư bản**, I, 2, trang 279).

Ở điểm này, Mác có thêm hai nhận định đáng chú ý :

1. Khi sức sản xuất phát triển, giai cấp lao động làm thuê đòi hỏi được chiếm hữu một phần của những gia tăng năng suất lao động trong xã hội (**Bản thảo 1861-1863**, trang 361).

2. Sức sản xuất càng phát triển thì càng đòi hỏi phạm vi tiêu dùng phải được mở rộng song song với quy mô sản xuất (**Bản thảo 1867-1868**, tập 1, nxb Editions Sociales, trang 347).

Nâng cao tiền lương thực tế, do đó, trở thành điều kiện để tăng giá trị thặng dư tương đối. Chỉ khi đó, sự sản xuất giá trị thặng dư tương đối mới không có giới hạn, và trở thành – như Mác nói – cơ sở phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Nói gọn lại, sức lao động trị giá bằng những phương tiện sinh hoạt cần thiết cho người lao động tái sản xuất sức lao động ; những phương tiện sinh hoạt này bao gồm sản phẩm có tính hàng hóa (tương ứng với lương trực tiếp) hay không hàng hóa như giáo dục, y tế, bảo hiểm xã hội (tương đương với lương gián tiếp). Tầm mức những nhu cầu được xem là cần thiết cũng như phương thức thỏa mãn những nhu cầu ấy – tức lượng và loại sản phẩm tham dự vào qui trình tái sản xuất sức lao động – tạo thành một quy phạm xã hội có tính lịch sử :

1. Tại một nước, vào một thời điểm nhất định, quy phạm xã hội về tái sản xuất sức lao động tùy thuộc ở mức phát triển sức sản xuất của xã hội ; năng suất lao động càng cao, định mức đó càng bao gồm nhiều sản phẩm.

2. Ở một mức phát triển nhất định về sức sản xuất, quy phạm xã hội về tái sản xuất sức lao động do tương quan lực lượng giữa các nhà tư bản và những người lao động làm thuê ấn định ; việc duy trì hay mở rộng định mức này tuỳ thuộc ở cuộc đấu tranh giai cấp.

Ưu điểm của học thuyết Mác là đã phân tích ra điều đó.

### Quy phạm xã hội về sử dụng và tái sản xuất sức lao động

3. Song không thể không nêu, ở đây, một nghịch lý : Mác được biết đến như là nhà lý luận của đấu tranh giai cấp trong chế độ tư bản ; trong khi đó lý luận về tiền công của ông – chí ít trong những bản văn thường được trích dẫn (“Mua và bán sức lao động”, “Tiền công”) – hình như không dành một vai trò quyết định nào cho đấu tranh giai cấp. Theo quan điểm chính thống, những cuộc đấu tranh của người lao động làm thuê chỉ có tác dụng kháng cự lại xu hướng hạ thấp tiền lương dưới mức giá trị của sức lao động. Các sách giáo khoa Mác-Lênin còn khẳng định rằng : giảm sút tiền lương thực tế là xu hướng có tính quy luật của sự vận động tiền lương dưới chế độ tư bản. Nếu quả thật tiền lương thực tế không những không tăng mà còn giảm thì chủ nghĩa tư bản đã không thể tồn tại, huống hồ là phát triển : bởi vì nếu không có tiêu dùng đại trà thì cũng không có sản xuất đại trà, năng suất lao động không thể phát triển và giá trị thặng dư tương đối không thể xuất hiện.

Mặt khác, khi phân tích giá trị thặng dư tuyệt đối – tức giá trị thặng dư xuất phát từ sự tăng thời gian hay cường độ của ngày lao động – Mác xác định :

1. Quan hệ lao động làm thuê đối lập hai quyền ngang nhau, quyền người mua và quyền người bán sức lao động, cho nên sức mạnh – tức tương quan lực lượng giữa các giai cấp – ở đây có tính quyết định (**Tư bản**, I, 1, trang 319).

2. Các nhà tư bản có ưu thế trong đấu tranh thuần túy kinh tế, cho nên giai cấp lao động làm thuê không thể dừng ở đấu tranh công đoàn mà phải tiến hành đấu tranh chính trị. Ngày lao động tiêu chuẩn không phải là kết quả của những thỏa thuận tư nhân giữa những người lao động làm thuê và những nhà tư bản, mà là kết quả của hoạt động chính trị của phong trào công nhân trên bình diện nhà nước và các thiết chế (**Tiền công, giá cả và lợi nhuận**, nxb Editions Sociales, trang 108).

Những khảo cứu của Mác về sự sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối cũng như tương đối xác nhận rằng, trong quan hệ mua bán sức lao động, điều mà người lao động làm thuê bán ra không phải là một hàng hóa, mà là sự phục tùng nhà tư bản trong qui trình lao động ; và điều mà nhà tư bản mua cũng không phải là một hàng hóa, mà là quyền chỉ huy người lao động làm thuê trong qui trình lao động.

Trên cơ sở đó, có thể đưa ra luận điểm : Chế độ lao động làm thuê là một chế độ tranh chấp không ngừng và sự phục tùng của người lao động làm thuê chỉ được thực hiện thông qua những thỏa hiệp xã hội tạm thời, thừa nhận tương quan lực lượng giữa hai giai cấp ở một thời điểm nhất định.

1) Những thỏa hiệp này liên quan đến những quy phạm xã hội về sử dụng sức lao động (thời gian và cường độ ngày lao động) và về tái sản xuất sức lao động (giá trị trao đổi của sức lao động).

2) Những thỏa hiệp đó được nhà nước thể chế hóa trong luật lao động hoặc trong các thỏa ước lao động tập thể.

Tuy nhiên, một điều nghịch lý khác lại xuất hiện ở đây : Nhà nước, mà theo Mác là nơi kết tinh các mâu thuẫn của xã

hội, hình như vắng mặt ở những phân tích quan hệ đấu tranh giai cấp của bộ **Tư bản** (ngoại trừ bản văn phân tích ngày lao động, đã nêu ở trên). Điều này không ảnh hưởng gì về mặt lý luận nếu đúng là Mác đồng nhất hóa nhà nước tư bản chủ nghĩa với giai cấp tư sản, theo quan điểm cho rằng nhà nước chỉ là công cụ của giai cấp thống trị.

Thật ra, đó là một nhận thức giản đơn về khái niệm nhà nước giai cấp. Theo cách đặt vấn đề của Mác, trong một xã hội giai cấp, nhà nước nhất thiết mang tính giai cấp, theo nghĩa nó là một quan hệ xã hội của phương thức bóc lột, qua đó giai cấp thống trị chiếm hữu sản phẩm thặng dư. Cụ thể hơn, nhà nước là quan hệ biểu hiện tính thống nhất của một xã hội phân chia thành giai cấp, do đó là một hình thái xã hội tập trung, vừa là tiền đề, vừa đối lập với các giai cấp có quyền lợi riêng. (**Hệ tư tưởng Đức**, nxb Editions Sociales, trang 31). Nói khác đi, không thể quan niệm một xã hội phân hóa giai cấp mà không có nhà nước : nếu chỉ có giai cấp, sự đổi đầu về quyền lợi dẫn đến xung đột không ngừng, xã hội tự hủy hoại ; một nhà nước, tỏ ra đúng trên các giai cấp, là quan hệ xã hội cần thiết để thể chế hóa những đấu tranh và thỏa hiệp, giữ cho sự tranh chấp giai cấp nằm trong giới hạn của sự ổn định trật tự xã hội (F. Anghen, **Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước**, nxb Editions Sociales, trang 178).

### Quan hệ vi mô hay vĩ mô ?

Theo Mác, dằng sau quan hệ trao đổi sức lao động với tiền tệ là một quan hệ bóc lột, được đo lường qua tỷ suất giá trị thặng dư, là tỷ lệ phân chia giá trị do lao động tạo ra giữa giai cấp lao động làm thuê và giai cấp các nhà tư bản, tức là giữa giá trị trao đổi sức lao động và giá trị thặng dư ; nói cách khác, đó là tỷ lệ phân chia giá trị tăng thêm giữa tiền công và lợi nhuận.

Tỷ suất bóc lột này tùy thuộc vào hai nhân tố : 1. Thời gian và cường độ ngày lao động, tức quy phạm sử dụng sức lao động. 2. Giá trị trao đổi sức lao động, tức quy phạm tái sản xuất sức lao động. Cuộc đấu tranh giữa giai cấp lao động làm thuê và giai cấp các nhà tư bản xoay quanh những quy phạm đó. Trong một nước, ở một thời điểm nhất định, những quy phạm xã hội về sử dụng và tái sản xuất sức lao động thể hiện tương quan lực lượng giữa hai giai cấp. Cần nói thêm rằng tỷ suất thặng dư : 1) là một tỷ suất chung mà tính thống nhất biểu hiện quan hệ giai cấp ; 2) là một tỷ suất quốc gia mà tính thể chế hóa biểu hiện những thỏa hiệp tạm thời trong đấu tranh giữa hai giai cấp.

Giai cấp tư sản có hai phương thức sản xuất giá trị thặng dư : 1. Tăng thời gian hoặc cường độ ngày lao động, tức là giá trị thặng dư tuyệt đối. 2. Giảm giá trị trao đổi của sức lao động bằng cách tăng năng suất lao động, tức là giá trị thặng dư tương đối. Song dù là tuyệt đối hay tương đối, phạm trù giá trị thặng dư chỉ có thể phân tích ở mức độ vĩ mô của quan hệ giai cấp. Không thể nắm bắt được giá trị

### Đấu tranh giai cấp và nhà nước pháp quyền

4. Cách đọc Mác trình bày ở trên đây, nếu có cơ sở, cho phép kết luận rằng, trong chế độ lao động làm thuê, giai cấp và nhà nước là hai mặt của một thể thống nhất : không thể có quan hệ mua bán sức lao động ngoài sự hiện diện của nhà nước là quan hệ xã hội thể chế hóa các quy phạm sử dụng và tái sản xuất sức lao động. Với tính cách là quan hệ sản xuất, tư bản không chỉ là tổng thể những quan hệ giữa hai giai cấp bóc lột - bị bóc lột mà còn bao gồm nhà nước là quan hệ tập quyền điều tiết những quan hệ đấu tranh giữa hai giai cấp.

Kết luận này có hai hệ luận :

1. Do những khiếm khuyết trong lý luận về sức lao động và tiền công, Mác đã không triển khai vai trò quyết định của đấu tranh giai cấp và chỗ đứng trung tâm của nhà nước trong chế độ lao động làm thuê. Điều đó có thể giải thích quan điểm duy kinh tế của chủ nghĩa Mác - Lenin khi bàn về tiền công như là giá cả của một hàng hóa. Một cái nhìn, xét cho cùng, không khác quan điểm tiền công là giá cả của lao động trong kinh tế học cổ điển và tân cổ điển thuần túy. Có thể nói hơn thế nữa : xử lý sức lao động như là một hàng hóa – là khách thể – chính là ý muốn của nhà tư bản ; giản lược sức lao động vào một hàng hóa là một xu thế của chủ nghĩa tư bản. Nhưng cũng phải đồng thời nói rằng : đó chỉ là ý muốn, là một xu thế

thặng dư ở mức độ vi mô của quan hệ cá thể giữa chủ nhân và người làm thuê trong một doanh nghiệp.

Khi một nhà tư bản cá biệt cải tiến kỹ thuật sản xuất, sự gia tăng năng suất lao động trong doanh nghiệp không làm cho giá trị trao đổi của sức lao động trong xã hội hạ xuống, mà chỉ có tác dụng làm giảm chi phí sản xuất cá biệt của nhà tư bản đó, làm tăng tỷ suất lợi nhuận cá biệt so với tỷ suất lợi nhuận của các nhà tư bản khác : kết quả không phải là giá trị thặng dư tương đối mà là lợi nhuận chênh lệch, siêu ngạch.

Nhưng khi, dưới sức ép của cạnh tranh, các nhà tư bản khác trong ngành tiến hành những cải tiến kỹ thuật tương tự, năng suất lao động trong toàn ngành được nâng cao, giá trị trao đổi của sức lao động trong xã hội giảm : kết quả là giá trị thặng dư tương đối xuất hiện và lợi nhuận chênh lệch biến đi. Cho nên, sản xuất giá trị thặng dư, dù là tương đối hay tuyệt đối, không thể là mục đích theo đuổi của nhà tư bản cá thể. Thúc đẩy các nhà tư bản nâng cao thời gian, cường độ hay năng suất ngày lao động là việc theo đuổi lợi nhuận siêu ngạch trong mục đích cạnh tranh với các nhà tư bản khác.

Dù không có ý định giảm giá trị trao đổi của sức lao động, nhà tư bản cá thể góp phần một cách vô ý thức vào kết quả đó : việc mỗi nhà tư bản cá thể theo đuổi lợi nhuận siêu ngạch dẫn đến giá trị thặng dư tương đối cho toàn thể giai cấp các nhà tư bản. Cũng chính vì lẽ đó, ở mức độ vĩ mô, quan hệ bóc lột giai cấp lao động làm thuê bị che lấp dằng sau quan hệ cạnh tranh giữa các nhà tư bản.

chó sự giản lược hóa, khách thể hóa đó không bao giờ có thể thực hiện đến đích. Bởi vì nó vẫn phải, và không thể không vẫn phải, sự kháng cự của người lao động. Và bởi vì trong đấu tranh thuần túy kinh tế các nhà tư bản có ưu thế, phải qua đấu tranh chính trị – tức trên bình diện nhà nước và các thiết chế – giai cấp lao động làm thuê mới có thể buộc giai cấp tư sản nhượng bộ và thỏa hiệp trên các quy phạm sử dụng và tái sản xuất sức lao động.

2. Vấn đề quá độ sang nền kinh tế thị trường không chỉ là xây dựng thị trường lao động tự do, hay – như Quỹ tiền tệ quốc tế và Ngân hàng thế giới thường khuyến cáo – “linh hoạt hóa” các quy định trong bộ luật lao động, trong thoả ước lao động tập thể, trong chế độ bảo hiểm xã hội... Vấn đề còn là xây dựng nhà nước pháp quyền và xác lập các quyền con người và công dân (trong đó có tự do lập hội, công đoàn, tổ chức chính trị, tự do ngôn luận, báo chí, tự do đình công ...). Bởi vì ở ngoài pháp luật và những thiết chế dân chủ, người lao động làm thuê không thể dành một thế bình đẳng, dù là hình thức, trong cuộc đo sức với giai cấp tư sản.

### Mác và học thuyết tự do kinh tế

5. Qua hai phạm trù tiền tệ và sức lao động, bài viết trên đây đã thử khảo sát một số giới hạn của học thuyết mác xít và tạm kết trên những nhận định sau :

1. Những điểm mạnh của học thuyết Mác về chủ nghĩa tư bản – là lý luận về tiền tệ và lý luận về sức lao động – cũng là những giới hạn của nó.

2. Những điểm hạn chế đó của học thuyết mác xít – vai trò của đấu tranh giai cấp và chỗ đứng của nhà nước – cũng là những hạn chế của kinh tế học tự do chủ nghĩa cổ điển và tân cổ điển.

3. Nhận thức lại một cách phê phán lý luận về chủ nghĩa tư bản của Mác, do đó, cũng là phê phán nhận thức về kinh tế thị trường của chủ nghĩa tự do kinh tế.

Nói một cách khác :

– phê phán “kinh tế chính trị Mác - Lenin” trở thành điều kiện tiên quyết để học thuyết Mác tiếp tục khẳng định tính chất “phê phán kinh tế chính trị học” của nó;

– thay thế các lý luận về tiền tệ và về sức lao động của Mác bởi những lý luận của học thuyết tự do kinh tế không mang đến một sự tiến bộ trong nhận thức về nền kinh tế thị trường.

Trần Hải Hạc \*

\* Tác giả **Introduction à l'Economie de Marx** (viết chung với Pierre Salama), nxb La Découverte, Paris 1992

Tìm đọc

### Muông cầm trại (Animal Farm)

Truyện cổ tích của George Orwell, tác giả tiểu thuyết giả tưởng nổi tiếng 1984. Hà Minh Thọ dịch từ nguyên bản tiếng Anh, **Diễn Đàn Magazine** (Praha, Tiệp) xuất bản.

### Dòng họ Lý ở Hàn Quốc

Năm 1226, khi nhà Lý mất ngôi về nhà Trần, một con vua Lý Anh Tông, hoàng tử Lý Long Tường đã vượt biển sang Cao Ly sinh sống... Ngày 24.11.1994 trong một buổi lễ được tổ chức tại Hà Nội, ông Lý Xương Căn (Lee Chang Can), hậu duệ của Hoàng tử Lý Long Tường đã trao cho phía Việt Nam bộ tộc già phả của dòng họ Lý tại Hàn Quốc. Nhân dịp này, báo **Lao Động** ngày 1.12 đã đăng bài phỏng vấn giáo sư Phan Huy Lê về chủ đề lý thú này. Dưới đây, chúng tôi xin trích đăng một số đoạn trong bài.

Năm 1959, giáo sư Trần Văn Giáp sau chuyến thăm Bình Nhưỡng đã cho tôi biết một số tư liệu về sự tích Lý Long Tường... Tôi bắt đầu quan tâm đến vấn đề này từ đấy. Tháng 5 năm nay tôi được tiếp ông Lý Xương Căn là cháu đời thứ 31 tính từ Lý Thái Tổ của dòng họ Lý ở Hàn Quốc, lần đầu tiên thay mặt cho con cháu họ Lý về thăm lại quê cha đất tổ. Ngày 18.10 năm nay Hiệp hội Văn hoá Kinh tế Hàn - Việt cùng với con cháu họ Lý tổ chức “Hội thảo khoa học về Hoàng tử Lý Long Tường và hậu duệ họ Lý ở Hàn Quốc” (tại Seoul)...

Qua các tư liệu đáng tin cậy, năm 1226 Lý Long Tường vượt biển sang Cao Ly, trú ở Trấn Sơn, huyện Bồn Tân, tự xưng là Vi Tử Động. Năm 1253 quân Mông Cổ xâm lược Cao Ly, đánh chiếm kinh đô rồi tấn công vào Bồn Tân. Lý Long Tường đã huy động và tổ chức quân dân cả vùng chiến đấu dũng cảm chống quân giặc, buộc tướng giặc phải đầu hàng. Vua Cao Ly khen ngợi cho đời Trấn Sơn thành Hoa Sơn (theo một tên núi ở Việt Nam), phong Lý Long Tường thành Hoa Sơn Quân, cắt 30 dặm vuông đất và nhân khẩu của 20 hộ tặng cho ông làm thái ấp. Lại cho lập Thụ Hàng Môn để biểu dương công trạng của ông. Hoa Sơn Lý thị tộc phổ ghi lại 32 đời kể cả 7 đời ở Việt Nam từ đời Lý Công Uẩn cho đến đời Lý Long Tường và 26 đời ở Hàn Quốc, từ đời Lý Long Tường đến nay. Ở Hàn Quốc có nhiều họ Lý và người ta thường gọi họ Lý gốc Việt Nam này là Lý Hoa Sơn. Con cháu họ Lý hiện nay ở Hàn Quốc có khoảng 200 hộ với khoảng hơn 600 người, chưa kể số con cháu ở Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên...

Dòng họ Lý ở Hàn Quốc còn lưu giữ được một số tư liệu và di tích quý về Lý Long Tường. Về tư liệu chữ viết đáng lưu ý nhất là bài văn bia **Thụ Hàng Môn kỷ tích** bi do “Chánh tam phẩm Thông phán đại phu hành Hải Châu quận thủ Doãn Trụ Vinh” soạn năm 1903, tập **Hoa Sơn Quân báu truyện và Hoa Sơn Lý thị tộc phổ**. Về di tích còn bảo tồn được tấm bia và nhà bia về sự tích Thụ Hàng Môn đã nêu trên, khu mộ của Thuỷ tổ Lý Long Tường và ngọn núi cao ở Hoa Sơn gọi là Hoa Sơn Vọng quốc Đàn (tương truyền nơi hoàng tử họ Lý ngóng trông về cố quốc). Chính nhờ những tư liệu này mà có thể xác định được Lý Long Tường là hoàng tử con thứ vua Lý Anh Tông, em vua Lý Cao Tông và chú vua Lý Huệ Tông, trong lúc chính sử của ta không ghi chép. Tất nhiên về phương diện khoa học cũng còn những vấn đề cần được nghiên cứu và xác minh rõ hơn, ví như vài nhân vật liên quan đến Lý Long Tường, hay vì sao Lý Long Tường vượt biển lên Cao Ly chứ không phải nước khác. Do thuyền bị trôi giật một cách tình cờ hay có chủ đích...

## Đông Nam Á 1833 dưới mắt Phan Huy Chú

Đọc : Phan Huy Chú, *Hải trình chí lược*, “ Récit sommaire d'un voyage en mer ”, Phan Huy Lê, Claudine Salmon, Tạ Trọng Hiệp dịch và chú giải, song ngữ Pháp Việt. Cahier Archipel số 25, Paris 1994, VIII + 228 trang, giá 120 francs cho tới tháng 1.1995, sau đó 168 francs (chưa tính cước phí). Bán tại : Association Archipel, Bureau 731, EHESS, 54 Bld Raspail, 75 270 Paris Cedex 06, D.T. (1) 49 54 25 64.

Khi các chuyên gia Việt và Pháp gộp chung kiến thức lại với nhau, có đem lại thêm gì chẳng ? Công trình cộng tác nghiên cứu một bản ký sự thăm Batavia của Phan Huy Chú giải đáp câu hỏi một cách lý thú.

Tác phẩm có tên ghi trong các thư mục Hán Nôm, Cadière và Pelliot đã giới thiệu từ năm 1904. Với lời bình “ các điều ghi chép chẳng có gì đáng kể ” (tr.110)...

Khảo cho một tư liệu cô đọng theo lối viết ngày xưa – “ chẳng có gì đáng kể ” dưới con mắt Pelliot – bật ra một số thông tin về những câu hỏi mà chúng ta ngày nay nôn nóng muốn được giải đáp : các nhà nổi tiếng học rộng biết nhiều đương thời, các Phan Huy Chú, Lý Văn Phúc, Cao Bá Quát vượt biển đi sứ vùng mà xưa kia ta gọi là Hạ Châu với ý đồ gì ? Nhà Nho thời đất nước còn chủ quyền nhận định tình hình vùng Đông Nam Á đã bị thực dân xâm nhập như thế nào ? Họ nghĩ ra sao về văn minh, về thái độ các nước Tây phương ? Muốn giải đáp các câu hỏi nói trên thì kết hợp những hiểu biết phức tạp về sử học, về văn bản học, về đời sống ở Batavia đầu thế kỷ 19, quả chẳng phải là thừa.

Nhưng con đường đưa đến thoả mãn tò mò của chúng ta còn nhiều ngoắt ngoéo. Sau khi được Cadière và Pelliot giới thiệu, mà có lẽ chính vì lời chê bai của hai nhà học giả này nên Trương Viễn đông bác cổ không lưu ý đúng mức, vẫn bắn mất tăm trong vài chục năm. Phải đợi Trần Văn Giáp “ tái phát hiện ” tác phẩm chùm lặn trong một tập sao sách Bản quốc hải trình hợp thái.

Từ đó tới nay, một số vấn đề được chín mùi. Nhờ vậy tiểu sử Phan Huy Chú chúng ta cầm trên tay có nhiều điểm mới. Về gia thế, theo giả phả dòng họ Phan Huy gốc ở Thạch Hà, Hà Tĩnh, con gái trong họ có nhan sắc, giỏi ca hát. Suốt mấy đời chúa nối tiếp nhau, từ Tây Đô vương Trịnh Tạc kế di (1657 - 1682) có đến 5 người được tuyển làm cung tần chúa Trịnh. Họ Phan Huy nhiều đời theo nghề “ xướng ca vô loại ”, theo luật nhà Lê con em không được thi. Nhờ thế lực các cung tần phủ chúa, họ Phan Huy thoát được nạn cấm thi. Vị tổ khai khoa tiến sĩ cho dòng họ là Phan Huy Cận (1722 - 1789) từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong triều Lê-Trịnh. Năm 1787, nghỉ hưu ông về cư trú ở làng Thuy Khê, họ Phan Huy có chi ở Sài sơn từ đó.

Phan Huy Chú (1782 - 1840) cháu nội của ông, lận đận đường khoa cử. Nổi tiếng học giỏi nhưng chỉ hai lần đỗ tú tài. Và lao đao trên đường hoạn lộ : 12 năm làm quan (1821 - 1833) một lần bị quở trách, một lần bị phạt, một lần bị bãi chức, một lần bị cách chức. Lý do quở trách và cách chức là

những chi tiết mới tìm ra : Năm 1826 kinh thành bị lụt, Phan Huy Chú lúc ấy là phủ thừa phủ Thừa Thiên phát chẩn ít bị Minh Mệnh quở trách. Năm 1827, bốn phường trong kinh bị cháy, phủ thừa Phan Huy Chú và đề đốc Nguyễn Văn Phương bị phạt. Năm 1829, Phan Huy Chú khi đó làm Thự hiệp trấn Quảng Nam, tự đặt thêm chức coi đầm bị ghép tội phạm qui chế nhà nước, phải bãi chức (tr.119). Năm 1830, được khôi phục làm Hàn lâm viện biên tu, rồi thăng thị giảng, sung phó sứ sang sứ nhà Thanh. Sứ bộ không mua được sách như Minh Mệnh dặn, cũng chẳng tìm hiểu được tình hình nhà Thanh như ý triều đình, trong lúc đó lại mua sắm hàng riêng nhiều gấp đôi của công, bắt phu vận chuyển tốn kém. Năm 1832 chánh sứ Hoàng Văn Đản bị phạt 100 trượng, đày khổ sai ở Trần Hải Đài, hai phó sứ Trương Hảo Hợp và Phan Huy Chú bị cách chức. Cuối 1832, Phan Huy Chú, Hoàng Văn Đản, Trương Hảo Hợp được cử đi công cán ở Giang Lưu Ba (Batavia) “ hiệu lực ” thuộc tội. Nhờ đó mà chúng ta có bản ký sự chuyến đi từ Quảng Nam qua Singapore đến Batavia.

Nhưng phải có kiến thức nhà chuyên khảo về Indonêxia và văn hoá Trung Hoa hải ngoại mới khởi cho Batavia đầu thế kỷ 19 sống lại như dưới mắt Phan Huy Chú. Sách bác học mà lý thú chẳng khác một cuộc viễn du trong thời gian và không gian. Nhận xét ngắn gọn, chân thành của Phan Huy Chú được minh họa bằng chú giải và nhất là bằng hình ảnh chọn lựa rất “ đắt ”. Ngay trang bìa ta đã được nhập vào không khí Đông Nam Á, bắt ngay thích thú thấy phố cổ Batavia sao mà gần gũi với Hà Nội, với Hội An xưa của ta đến thế ! Cứ như chúng ta theo chân sứ giả Phan Huy Chú quan sát chi tiết cụ thể về đời sống, về thể chế, về phong cảnh và con người. Sứ giả kín đáo nhưng cũng hé cho hiểu rằng ông có nhiệm vụ điều tra cơ sở của người Tây phương trong vùng, mưu toan và mục tiêu của họ. Sự cạnh tranh giữa Anh và Hà Lan không lọt khỏi mắt ông : “ Việc người Man đánh nhau còn chưa xong, nguyên do của giao tranh là vì lợi ích vậy ” (tr. 159 - 160).

Chớ tưởng rằng nhà Nho Phan Huy Chú không để lộ tình ý. Tác giả Lịch triều hiến chương loại chí vốn dùng chữ theo phong cách viết sú, những lời bình về hệ thống quân sự “ Quân luật, quân dung xem ra rất nghiêm túc ” (tr. 161), về luật pháp “ Lập pháp không có thiên lệch, nên xử đoán công bằng, do đó để chế ngự dân chúng ” (tr.162) về tiền tệ “ Việc làm thông biến, hợp với lòng dân như thế, có lẽ là một thể chế có tính sáng tạo chẳng ? ” (tr.164), v.v... thố lộ lòng ông trân trọng đối với thể chế Hà Lan tại Batavia tới mức nào. Đến câu chử “ Nước chảy thì gỗ bị xé, thực là doạt được cái khéo của tạo hóa, mà giàm được sự khó khăn vất vả cho nhân công vận chuyển. Kẻ đầu tiên làm ra máy này là thuộc bậc Thánh trí chẳng ? ” (tr. 164) thì quả là ông đã dùng từ ngữ tốt cùng của một nhà Nho khen tặng người phương Tây sáng tạo ra máy cưa gỗ.

Sách hay, in đẹp. Tiếc cho sách chưa toàn bích : phần sách dẫn chữ Hán viết tay, mặc dù phần chữ Pháp dùng phương tiện máy tính viết chữ Hán rất trang nhã. Và cũng trong sách dẫn này khi thấy bốn tên chữ Hán trong phả hệ Phan Huy bỏ trống mặc dù gia phả Phan Huy có tại Paris lẫn Hà Nội, ta không khỏi tự hỏi các nhà nghiên cứu Hán Nôm Pháp cũng như Việt vẫn bo bo cái phong cách các cụ nhà Nho xưa trong thời đại viễn thông tốc độ ngày nay chẳng ?

Nguyễn Thắng (12.94)

# Một vài vấn đề về văn hóa và trí thức

Nguyễn Xuân Lộc \*

Tham luận đọc tại “ Hội thảo khoa học : Đề Cương Văn Hoá Việt Nam Trong Giai Đoạn Mới ”, Hà Nội ngày 10.12.1993.

## Lời nói đầu

Nền văn hoá gọi là “ mới ” của chúng ta được khai sinh vào những năm 1943 - 45 nhằm đáp ứng sự tái sinh của một nước Việt Nam vừa thu hồi được chủ quyền và độc lập sau gần một thế kỷ thuộc địa.

Khỏi phải nhắc lại vào thời điểm đó cái khung văn hoá cách mạng vô sản với các tiêu chí mới mẻ như “ dân tộc, khoa học và đại chúng ” đã thu hút và làm say mê thế hệ trí thức Việt Nam đương thời như thế nào, một thế hệ không còn phương hướng vì một mặt nền văn hoá nho giáo cổ truyền vay mượn Trung Nguyên qua hàng ngàn năm đồng hoá đã phá sản và mặt khác nền văn hoá latin thay thế, đáng tiếc thay, lại được tiếp thu từ một nền giáo dục thực dân nhiều hạn chế.

Tuy nhiên bất cứ một mô hình văn hoá dân tộc nào, dù cách mạng, khoa học và lãng mạn đến đâu – nếu được thử nghiệm – cũng phải kinh qua lịch sử để xác nhận những giá trị bảo đảm sự tồn tại của nó và như thế đương nhiên không thể tránh tránh sự thử thách có ý hướng và chọn lọc của những yếu tố Thời Đại, Thế Giới và Nhân Loại mà dân tộc đó đang bị chi phối.

Duy vật sử quan đã phát hiện ra từ lâu rồi tính năng động (dynamique) của những yếu tố nói trên và thế giới trong nửa thế kỷ vừa qua (1945 - 1995) đã được mô tả như thời đại của những công cuộc cách mạng khoa học - công nghệ cũng như cải cách kinh tế - xã hội vĩ đại chưa từng thấy trong lịch sử tiến hoá của loài người, với cái giá phải trả của biết bao máu và nước mắt người dân vô tội, của môi trường thiên nhiên bị phá huỷ không thương tiếc và của hàng loạt những vấn đề khủng hoảng văn hoá - văn minh, bệnh tật tại các nước công nghiệp tiên tiến chưa được giải quyết.

Chúng ta bắt đầu mở cửa lại với Tây phương, cố gắng xây dựng một nền kinh tế thị trường hiện đại với hy vọng tăng tốc đuổi kịp trình độ phát triển các nước trong khu vực và sau cùng tiến tới hoà nhập với một nhân loại hoà bình, thịnh vượng và văn minh trước ngưỡng cửa thế kỷ 21. Hy vọng có hoà bình vì quân bị đã được giải trừ, có thịnh vượng vì nền kinh tế thị trường đã được xác lập, có văn minh vì thế giới thứ ba đã bớt nghèo đói.

\* Giáo sư tiến sĩ, ủy viên ban chấp hành Hội toán học Việt Nam

Trong giai đoạn chuyển biến sống còn này của đất nước người trí thức Việt Nam trong và ngoài nước, hơn bao giờ hết, cần hợp lực lại tổng kết - đánh giá một cách can đảm và khách quan quá trình áp dụng mô hình “ văn hoá xã hội chủ nghĩa ” trong giai đoạn vừa qua, đem toàn bộ tri thức và trí tuệ trong - ngoài kết nang lại để “ ôn cố tri tân biết người biết ta ” thì mới có hy vọng vạch ra được những tư tưởng chủ đạo cho những hướng đi mới của nền văn hoá dân tộc, trong xu thế vừa phải gìn giữ vừa phải tiếp thu trước tình hình phức tạp hiện nay của một thế giới vừa phồn thịnh vừa khủng hoảng.

## Thế giới Tây phương với các vấn đề của họ

Năm 1945 khi đất nước Việt Nam, độc lập sau gần một thế kỷ thuộc địa, về mặt xã hội và kinh tế còn chưa thoát khỏi thời đại phong kiến - nông nghiệp lạc hậu thì hai trái bom nguyên tử đầu tiên nổ trên đất Nhật báo hiệu một cách bi thảm là nhân loại đã bước vào thời đại của năng lượng hạt nhân. Một chi tiết lý thú ít được biết đến là những tính toán khổng lồ tại sa mạc Alamo để thử nghiệm hai trái bom này đã được thực hiện trên chiếc máy tính điện tử đầu tiên của thế giới xây dựng bởi nhà toán học Mỹ gốc Hung Von Neumann.

Vào thời điểm này không một nhà khoa học hay tương lai học nào hình dung nổi thú vò khí giết người khủng khiếp kia, hay chiếc máy tính với đèn hai cực cổ lỗ nổ sẽ khởi ngòi cho các cuộc cách mạng năng lượng và tin học trong những thập niên sau này như thế nào khiến cho bộ mặt xã hội Tây phương đã thay đổi như vũ bão sau khi hàng loạt những nhà máy nhiệt điện hạt nhân mọc lên cùng với việc từng bước tự động hoá sản xuất và quản lý xã hội.

Chúng tôi còn nhớ vào những năm 60 trong khi hãng IBM đã cho ra đời những chiếc máy tính thế hệ thứ ba đầu tiên thì trong các đại học Âu châu danh từ “ tin học ” còn chưa ra đời, và trong các trung tâm nghiên cứu công việc tính toán trên máy thường là chuyện “ bẩn tay ” của một số các nhà vật lý lý thuyết làm việc với các lò gia tốc cao hơn là chuyện lý thuyết nghiêm túc của các nhà toán học thuần túy.

Xã hội công nghiệp hiện đại với tính tự động hoá cao đã và đang tồn tại nhờ bảo đảm được tính trí tuệ của những người điều khiển phần quản lý - kỹ thuật cũng như tính tự giác cao của những người công dân bình thường sống trong đó. Chỉ cần tưởng tượng một người tâm thần hay say rượu nào đó vô tình làm đứt một chùm cáp quang hay làm nổ một trạm biến thế ở trung tâm Tokyo chúng ta khó có thể lường trước được mọi hậu quả về kinh tế, tài chính và xã hội gây ra bởi hành động vô trách nhiệm giản đơn này.

Thực ra trong quá trình tiến hoá nhân loại chưa bao giờ đạt được một hình thái kinh tế - xã hội với những tiềm năng thoả mãn nhu cầu vật chất của con người cao như vậy, ngược lại con người đã phải trả giá do lòng tham lam và sự ấu trĩ ban đầu cho biết bao nhiêu tàn phá môi trường và thiên nhiên do những lợi nhuận kinh tế quá nhanh gây ra và càng ngày càng ý thức rõ rằng mình đang đương đầu thường trực với các hệ điều khiển vi điện tử cũng như các quy trình sinh thái cực kỳ mong manh mà sự tổn thương sẽ gây ra cho cả trái đất những hậu quả khủng khiếp chưa từng thấy.

Vụ nổ lò hạt nhân Chernobil tại Ukraine là thí dụ thứ nhất. Vấn đề ô nhiễm tại hạ lưu sông Volga và vùng Biển Đen cho thấy lợi bất cập hại của kế hoạch xây dựng ồ ạt các nhà máy thủy điện mà không quan tâm đến dự báo môi trường trước đây.

Hiện nay Nhật Bản đang phải bỏ ra nhiều tỷ đôla để rửa sạch những ô nhiễm thềm lục địa và bờ biển do các chất thải công nghiệp vào những năm phát triển nhanh của thập kỷ 50 - 60 gây ra.

Thái Lan đang gánh tai họa của hàng trăm ngàn trường hợp sida hậu quả của việc tìm kiếm lợi nhuận nhanh và cao trong công nghiệp khai thác dịch vụ mại dâm kết hợp với du lịch quần chúng.

Bây giờ tại nước ta thì ai cũng rõ là quá muộn để hối hận rằng những lũ lụt triền miên tại miền Nam, Trung Bộ là hậu quả của những kế hoạch phá rừng “ canh tác ” bừa bãi trên Tây nguyên.

Trong một thời đại với xu thế phát triển như vậy giai tầng trí thức – hiểu theo nghĩa cộng đồng những người lao động nắm đầy đủ tri thức trí tuệ và đạo đức để quản lý xã hội hiện đại cũng như giải quyết những sự cố và những phức tạp mang tính xã hội hay kỹ thuật của nó – ngày càng được khẳng định như là một bộ phận quan trọng, nếu không phải là quan trọng nhất, của **lực lượng sản xuất**.

Song hành với các tiến bộ xã hội do các cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật và cải cách xã hội nói trên tạo ra, các nhà tư bản đã phải thay đổi quan điểm sử dụng lao động trí thức trong các nước công nghiệp phát triển : từ vị trí bán lao động trí thức của một người làm thuê, nhiều kỹ sư giỏi của những tập đoàn công nghiệp lớn đã trở thành những thành viên có quyền quyết định trong các hội đồng quản trị, cũng như nhiều giáo sư đại học đã kiêm nhiệm địa vị chủ nhân của những hãng công nghệ cao cấp.

Trong lúc đó tại các nước xã hội chủ nghĩa một mặt người ta lớn tiếng phê phán những tiến bộ nói trên là “ kỹ trị ” (technocratie), mặt khác để phủ nhận vai trò điều khiển lực lượng sản xuất của giai tầng trí thức người ta tiếp tục chấn dắt họ bằng các biện pháp cổ điển kiểu tội tổ tông - thành phần giai cấp, kiểu hành chính - lý lịch, kiểu giáo dục - tác phong công nông..., phải chăng đây là một trong những lý do chính dẫn đến sự cách biệt ngày càng lớn về trình độ công nghệ trong sản xuất và trong ứng dụng khoa học kỹ thuật vào đời sống giữa một bên là các nước Âu Mỹ với bên kia là các nước xã hội chủ nghĩa, kéo theo sự sụp đổ không thể tránh khỏi của Liên Xô và các nước Đông Âu ?

Khủng hoảng của xã hội công nghiệp phát triển cao – được báo động bằng các biến cố bạo loạn xảy ra vào mùa xuân 1968 tại hầu hết các đại học Tây Âu – mang tính văn hoá mà H. Marcuse, nhà triết học chủ soái của phong trào sinh viên trí thức lúc bấy giờ, đã định nghĩa nó như là khủng hoảng của “ con người xã hội một chiều ” (l'homme unidimensionnel, chú thích của người đánh máy), nghĩa là, con người sống trong thế giới mà không gian chỉ còn là “ lao động và tiêu thụ ”. Con người trong xã hội một chiều, dưới tác động của nền kinh tế thị trường phồn vinh, đã tạo ra những giá trị

văn hoá - đạo đức mới thay cho những giá trị cổ truyền, người ta thay cái “ chân ” trùu tượng trong tri thức bằng tính “ hiệu quả ” của nó, cái tính “ bản thiện ” trong hành động bằng chỉ số “ lợi nhuận ”, cũng như chỉ có những cái “ mĩ ” thoả mãn được những yêu cầu vui chơi giải trí trước mắt của xã hội tiêu thụ thì mới có khả năng tồn tại.

Thật ra để giải toả dấu ấn của nền khoa cử từ chương kéo dài suốt hàng nghìn năm phong kiến cũng như ảnh hưởng thiên về khái quát của tri thức xã hội chủ nghĩa, việc nhấn mạnh đến tính hiệu quả của phần chân lý trong tri thức cũng như tính lợi nhuận của hành động con người không phải không cần thiết và mang tính tích cực trong quá trình xây dựng nền văn hoá và con người Việt Nam trong giai đoạn mới, nhưng chúng ta phải hết sức cảnh giác trước sự manh nha hình thành một lối suy nghĩ và sống theo chủ nghĩa cơ hội - thực dụng, nghèo nàn tinh thần và thô bạo trong giới trí thức trẻ Việt Nam. Chúng ta cũng nên tránh đi từ cực đoan kế hoạch hoá “ yêu cầu về mĩ ” cho toàn thể xã hội bằng cùng một loại sản phẩm văn học nghệ thuật đặt hàng sang đến cực đoan “ thị trường hoá ” tuốt tuồn tuột để cho các sản phẩm văn hoá thị hiếu rẻ tiền nội - ngoại tràn lan khắp nơi.

### Các vấn đề của chúng ta

Trong khi hàng loạt vấn đề văn hoá - văn minh do cuộc khủng hoảng xã hội tiêu thụ đặt ra cho nhân loại từ hơn hai thập kỷ qua mà vẫn chưa tìm được những giải đáp thỏa đáng thì nền văn hoá xã hội chủ nghĩa của chúng ta đã và sẽ phát triển như nó vẫn phát triển chừng nào mà chúng ta vẫn tự cho là còn được trang bị với chủ nghĩa Mác - Lênin vô địch, được bảo vệ bởi hàng rào quân sự quốc tế cộng sản hùng mạnh đứng đầu bởi một Liên Xô siêu cường, và vẫn tự tin là trong những điều kiện khách quan như vậy giới trí thức chúng ta sẽ tiếp tục lành mạnh và lớn mạnh vì chúng ta một mặt không hề bị bao vây bởi một môi trường kỹ trị kiểu tư bản, mặt khác phương pháp lý lịch và sự lãnh đạo giai cấp sẽ cho phép chúng ta thường trực gạn lọc và giáo dục tư tưởng thành phần trí thức tiêu tư sản.

Nhưng nếu chấp nhận rằng những điều kiện khách quan nói trên đã thay đổi hay không còn nữa thì hàng loạt những vấn đề nghiêm trọng về lý luận và thực tiễn trên mặt trận Văn Hoá - Văn Minh sẽ được đặt ra, chẳng hạn :

1) Chúng ta chọn cái gì như là cội nguồn và bản sắc của nền văn hoá dân tộc cổ truyền để làm cơ sở gìn giữ vốn cũ và tiếp thu cái mới ? Nên văn hoá Văn Lang (việt - muòng) và thời đại đồ đồng cực thịnh hay là đĩa xà-lát văn hoá “ Trung - Pháp - Mỹ - Liên Xô ” (và có lẽ trong tương lai cả Nhật nữa) mà một số người đang đề cao sẽ là chìa khoá mở cửa cho sự hoà nhập vào thế kỷ 21 của chúng ta ?

2) Có cái gì liên hệ từ cội nguồn giữa giấc mơ “ huyền thoại xã hội Nghiêu Thuấn đại đồng ” nẩy sinh từ nền văn hoá siêu làng của văn minh lúa nước với giấc mơ xây dựng xã hội “ xã hội chủ nghĩa không kinh qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa ” sau này ?

(xem tiếp trang 24)

# Khoa học, Kỹ thuật và Văn Hoá

## 1. Sự hình thành Khoa học - Kỹ thuật

Hàn Thuỷ

### 1. Chi tiết nhỏ của một vấn đề lớn

Nguyễn Văn Trung, trong bài *Việt Nam đang đi vào khúc ngoặt lịch sử những năm cuối thế kỷ, hãy cảnh giác*, đăng trong DiỄn Đàn số 31, tháng 6.94 đã đặt ra vấn đề kết hợp phát triển khoa học kỹ thuật với sự phát triển và bảo vệ văn hoá, trong đó có tôn giáo. Rõ ràng đây là một chủ đề rất cơ bản và bao quát, từng được nhiều học giả tha thiết, như một Trần Quốc Vượng <sup>(1)</sup>, một Lê Thành Khôi <sup>(2)</sup>. Ngày nay, khi mà ảo tưởng về một hệ tư tưởng chính thống và siêu việt, có khả năng trả lời mọi câu hỏi, đã sụp đổ, chủ đề càng cần được đào sâu trong thảo luận tự do và rộng rãi. Nguồn gốc tâm lý của ảo tưởng này phải chăng là sự kết hợp giữa cái huyền thoại về một xã hội đại đồng muôn thuở của người nông dân Á Đông <sup>(3)</sup> và sự lười biếng độc lập suy nghĩ của đại bộ phận trí thức, cũng lại Á Đông, trong thời nho mạt, chỉ quen nhại lại những “Tử viết”, và khi cái bút lông không chơi lại được bút sắt thì cũng chỉ biết đi tìm những “Tử viết” khác ? Tuy nhiên, đả phá thì dễ mà xây dựng rất khó khăn.

Bài này chỉ có tham vọng xới lên một số câu hỏi chung quanh cái quan hệ giữa khoa học - kỹ thuật và văn hoá.

### 2. Chữ, nghĩa và ám ảnh

Câu “*khoa học kỹ thuật xuất phát từ Thiên chúa giáo...*” có lẽ làm nhiều người đọc bị sững sờ, vì đã từ lâu, và theo nhiều tác giả khác, khuynh hướng chung cho rằng thuỷ tổ của khoa học là người cổ Hy Lạp. Đọc kỹ, thấy Nguyễn Văn Trung dùng chữ “*khoa học kỹ thuật*” có chua thêm tiếng Pháp “*techno-science*”, chỉ đáng tiếc chữ “*khoa học kỹ thuật*” trong cách hiểu phổ biến và thông thường chỉ là “*science et technique*”, khoa học và kỹ thuật nói chung, để phân biệt trong bài này “*techno-science*” sẽ viết với ba gạch nối : “*Khoa-học-kỹ-thuật*”. “*Khoa-học-kỹ-thuật / techno-science*” như vậy hiện nay được dùng (thường có hậu ý phê phán : đây không phải là thứ khoa học cao đẹp và vô tư) để chỉ một bộ phận khoa học gắn rất chặt với kỹ thuật, vừa hướng về sự phục vụ phát triển kỹ thuật vừa cần đến những

công cụ kỹ thuật hiện đại nhất cho chính bản thân nghiên cứu khoa học.

Lịch sử tiến triển của kỹ thuật có thể miến cưỡng chia làm ba giai đoạn, biểu thị bằng ba khái niệm và thuật ngữ khác nhau đại diện cho tính cách chủ đạo của mỗi giai đoạn : Một là, cho đến mãi gần đây người ta còn dùng cụm từ “*arts et industries*” hay “*art et métiers*” (thủ công và kỹ nghệ), còn giữ lại chữ “*art*” (nghĩa cổ) chứng tỏ cái nguồn gốc thủ công, tự phát của kỹ thuật ; Hai là hiện nay phổ biến chữ “*technologie*” mà ta gọi là “*công nghệ*”, “*technologie*” là “*kỹ thuật nói một cách tổng quát*” (theo từ điển Littré, 1872), tức là kỹ thuật có cơ sở khoa học, không phải tự phát, “*công nghệ*” theo nghĩa đó chỉ có từ thế kỷ 17 ; Cuối cùng, tới đại khái sau chiến tranh thứ hai, bắt đầu *Khoa-học-kỹ-thuật* như đã nói trên, nhưng hiện tượng này chỉ có tên gọi từ khoảng hai chục năm trở lại đây, khi người ta ý thức được rõ ràng tầm quan trọng (và sự nguy hiểm tiềm tàng) của nó. Như vậy, có lẽ trong câu “*khoa học kỹ thuật xuất phát từ Thiên chúa giáo...*” Nguyễn Văn Trung muốn nói đến cái nguồn gốc văn hoá sâu xa cho phép hình thành thể thống nhất *techno-science* hiện đại, vì hiển nhiên khoa học thuần túy (tạm định nghĩa như sự tìm hiểu cơ sở lý thuyết, có thực nghiệm và có hệ thống những hiện tượng tự nhiên) không xuất phát từ nền văn minh thiên chúa giáo và còn kỹ thuật tự phát thì mức độ này, khác ở đâu cũng có.

Sự chê một chữ làm tư hiện nay không có ích gì tại môi trường các nước đã phát triển, vì chẳng còn công nghệ hay kỹ thuật hiện đại nào có thể tự phát, độc lập với một nền tảng khoa học dày mẩy trăm năm. Trong các nước tiên tiến thì những chữ công nghệ, kỹ thuật, hay khoa học ứng dụng vào kỹ thuật thực ra chỉ là nhiều cách nói về cái thể thống nhất *techno-science*. Nhưng tại châu Âu ngày xưa thì không như vậy, và vì đúng về mặt tâm lý xã hội nước ta còn nhiều khía cạnh “*tiền khoa học*”, tìm hiểu về sự hình thành của khoa học, kỹ thuật và công nghệ tại Âu châu, từ *art et métiers* (tương đối độc lập với khoa học), qua đến *technologie* (áp dụng có hệ thống những hiểu biết khoa học), tới *techno-science* (*khoa-học-kỹ-thuật*), chắc cũng hứng thú và bổ ích.

Theo sử gia khoa học A. Koyré <sup>(4)</sup> thì biểu hiện đầu tiên của “*technologie*” chính là cái đồng hồ quả lắc, vật thể đầu tiên được thiết kế bằng phương trình trước khi hiện hữu, vừa phát xuất từ một lý thuyết khoa học tổng quát vừa biểu hiện cho nó. Người phát minh ra đồng hồ quả lắc không ai khác hơn là Galilei, một cái đầu “rất có vấn đề” với giáo hội (năm 1600, Galilei đã xuất nguyên lý thực hiện đồng hồ quả lắc, nhưng ông không thực hiện, và lý giải cũng chưa hoàn chỉnh, phải đợi tới năm 1657 Huyghens mới sửa lại về lý thuyết và thực hiện cụ thể, vì vậy nhiều sử gia khác coi phát minh này là do Huyghens). Có vụ án Galilei, nhưng Galilei, cũng như Descartes, Newton... những nhà khai sáng của khoa học đương đại, đều là những người thiên chúa giáo. Và cũng có sự hiển nhiên là các nước tiên tiến nhất về khoa học kỹ thuật hiện nay đều nằm trong vùng văn hoá Thiên chúa giáo, hay đúng hơn là Do thái Thiên chúa giáo (Judéo - chrétien). Nguyên nhân, hậu quả hay tình cờ lịch sử ? thế còn chủ nghĩa tư bản, nó có vai trò gì không trong sự phát triển khoa-

học-kỹ-thuật ? Hoang mang và ám ảnh.

Đó cũng không phải là hoang mang và ám ảnh độc nhất của người viết bài này, tiện đây khui ra thêm : một số người mác xít khẳng định chủ nghĩa Mác là *khoa học*, như Lê Quang Vịnh : “ *Chủ nghĩa Mác-Lênin là khoa học ...* ” (5) hay Nguyễn Khắc Viện “ ... *Sự khác biệt cơ bản giữa nho giáo với chủ nghĩa Mác là ở tính chất khoa học...* ” (6) với hậu ý coi như *đã khoa học là tốt*, nhưng không thấy nói rõ thế nào là khoa học ? Phải chăng đây là điều quá hiển nhiên không cần bàn, vì chính Marx và Engels đều đã coi lý thuyết của hai ông là khoa học. Engels là tác giả cuốn *Chủ nghĩa xã hội không tưởng và chủ nghĩa xã hội khoa học*, còn Marx đã viết (về *Tuyên ngôn cộng sản*) : “ ... chỉ có sự nghiên cứu khoa học những cơ cấu kinh tế của xã hội tư bản mới đem lại được (cho tuyên ngôn) một cơ sở lý thuyết vững chắc... ” Trích theo Raymond Huard, phần giới thiệu *Tuyên ngôn cộng sản*, Editions sociales, Paris, tr. 24.

Thế nhưng, hiện nay tại Âu Mỹ có khuynh hướng cho rằng chủ nghĩa Mác (và chủ nghĩa phân tâm học của Freud) là *không khoa học*, trên cơ sở lý thuyết của Karl Popper (7,8) định ranh giới cho một thuyết khoa học là phải có tiềm năng bị phản nghiệm (phản chứng bằng thực nghiệm, tạm dịch từ chữ “ falsifiable ”, hay “ réfutable ”, có nghĩa là có thể đề ra những tình huống thực nghiệm, trong đó lý thuyết khoa học tiên đoán rõ ràng kết quả, để có thể kiểm nghiệm tiên đoán là đúng hay sai) ; ngoài ra là siêu hình. Nhà sinh vật học Pháp Jacques Monod, giải thưởng Nobel là một trong những người tán thành Popper (9).

### 3. Cổ đại và Trung cổ

Hãy thử giở vài giáo trình lịch sử thế giới (10) để trích ra một số mốc thời gian, làm minh họa cho đề bàn luận, mặc dù như thế rất giản lược và sơ sài :

– Từ thế kỷ thứ 8 đến thế kỷ thứ 3 trước công nguyên là thời kỳ cực thịnh của văn minh Hy Lạp, một nền văn hoá đa thần, chiếm hữu nô lệ. Tuy thời ấy triết học và khoa học chưa tách rời, nhưng ngày nay nhìn lại về mặt khoa học không thể quên Pythagore (-525, với định lý tam giác vuông), Hippocrate de Cos (-425, với lời thề của người thầy thuốc...), Démocrite (-410, với thuyết nguyên tử...), Aristote (-384, với khoa kiến thức quảng bá, đồ sộ và mạch lạc, “ Không tử ” của châu Âu suốt nửa sau thời Trung cổ), Euclide (-300, hình học, các định đê), Archimède (-287, Eurêka !), vân vân. Chưa kể về nhận thức luận, những tư tưởng của Heraclite (-500), Parménide (-480), Platon (-428)... hiện vẫn còn là những mốc quy chiếu.

– Từ thế kỷ -3 đến thế kỷ thứ năm : nền văn minh La Mã ; về triết học và khoa học không có gì đáng kể nhưng về luật pháp, tổ chức nhà nước, kiến trúc, xây dựng cơ bản, tổ chức quân đội và kỹ thuật chiến tranh đều tiến vượt bậc.

– Trong khoảng thời gian ấy, chúa Jesus sinh năm -4, và Thiên chúa giáo phát triển dần trong đế quốc La Mã, từ tình cảnh những tín đồ bị tàn sát đẫm máu cho tới khi hoàng đế Théodore cấm tất cả các tôn giáo khác, Thiên chúa giáo trở thành tôn giáo độc nhất trong đế quốc La Mã (khoảng năm

380) và tiếp tục là một nền tảng văn hoá quan trọng của châu Âu cho đến ngày nay.

– Thiên chúa giáo không phải là tôn giáo đầu tiên độc thần (monothéisme). Do Thái giáo, phát triển tại vùng Trung Đông từ thế kỷ thứ tám trước thiên chúa giữa những người nô lệ tại Ai cập, có lẽ là tôn giáo cổ nhất tồn thọ một dัng sáng thế duy nhất và có một hệ thống giáo lý chặt chẽ (Cựu ước – ancien testament – vẫn được coi là thánh kinh của cả Do Thái giáo lẫn Thiên chúa giáo, chương đầu tiên của Cựu ước là chương Sáng thế – Genèse). Sau khi Jérusalem bị đế quốc La Mã tàn phá khoảng năm 70 thì người Do Thái phân tán khắp nơi và không bao giờ có được một quê hương cho đến sau chiến tranh thứ hai. Vai trò của những người Do Thái lang thang khắp châu Âu và ven Địa trung hải là không nhỏ trong lịch sử truyền bá khoa học và kỹ thuật tại châu Âu.

– Từ thế kỷ thứ sáu, khi đế quốc La Mã tàn lụi, cho đến khoảng giữa thế kỷ 15, khi châu Âu khởi đầu thời Phục hưng, là thời người ta thường gọi là Trung cổ, và gán cho nó một tình trạng văn hoá khoa học đen tối. Không còn chính quyền trung ương, không còn luật pháp, chữ viết bị bỏ quên và khắp nơi các sứ quân dựa trên bạo lực để trở thành những lãnh chúa nhỏ nhặt, với những vùng ảnh hưởng rất hẹp, một tòa lâu dài và ruộng đất chung quanh ; và họ đánh nhau liên miên để giành đất và dân. Tuy thế, thời kỳ thực sự đổ nát và đen tối chỉ kéo dài đến thế kỷ 11, và năm 800 khi hoàng đế Charlemagne đăng quang, có thể coi như tín hiệu đầu tiên đánh dấu một trật tự xã hội mới đang mạnh nha, các vương quốc tại châu Âu bắt đầu đi tìm diện mục của mình. Nhưng thăng trầm cũng còn trải qua hai ba thế kỷ nữa, đến 1041 khi hội đồng các giám mục tại Arles tuyên bố “ huu chiến vì Thượng Đế ” (trêve de Dieu), giảm việc binh đao giữa các lãnh chúa, thì có thể coi như một trật tự phong kiến dựa trên sức mạnh tinh thần của giáo hội đã định hình. Chính Charlemagne đã ra lệnh cho các tu viện mở trường học dạy dạy chữ, nhạc, toán số... vì thời ấy các tu viện là những nơi duy nhất còn giữ lại được chữ viết, toàn bộ dân chúng, kể cả các lãnh chúa và phần lớn tu sĩ đều mù chữ. Truyền thống giảng dạy và nghiên cứu (mọi vấn đề, chứ không phải chỉ giáo lý) trong các tu viện bắt đầu từ đó, đến cuối thế kỷ 11 đầu thế kỷ 12 thì thành lập các “ Universités ”, Đại học ở Bologne, Paris và Oxford... Do các tu sĩ của các đại học là những người thông thái nhất Âu châu thời ấy, họ đã giành được quyền tự trị rất cao, nhiều khi không tuân lệnh giáo hội, và về mặt tư tưởng cũng không đồng nhất với nhau. Quyền tự trị đại học (trật tự trong các đại học do chính nhân viên của đại học đảm nhiệm, lãnh thổ bất khả xâm phạm bằng vũ lực) là truyền thống còn kéo dài tới nay, chứng tỏ ý thức rất cao về sự cần thiết của tự do tư tưởng mà không bị áp lực vật chất nào khống chế.

– Cũng trong thời gian đó, Hồi giáo, coi như khởi đầu từ lúc giáo chủ Mahomet rời La Mecque năm 622, bắt đầu một thời đại huy hoàng tại vùng Trung Cận Đông, thừa hưởng và phát triển khoa học kỹ thuật Hy Lạp để rồi lan truyền trở lại châu Âu, các học giả đầu tiên dịch các tác phẩm Hy Lạp sang tiếng La tinh, qua tiếng Ả rập, phần đông là những người Do Thái. Cuộc giao lưu văn hoá giữa Islam và châu Âu thiê

chúa giáo này bắt đầu từ nửa sau của thế kỷ thứ tám và trở thành động lực bằng những cuộc thánh chiến cuối thế kỷ 11 (năm 1095 giáo hoàng Urbain II kêu gọi thánh chiến, và năm sau thì cuộc thập tự chinh lần thứ nhất bắt đầu). Các cuộc thánh chiến kéo dài suốt trong hai thế kỷ, rồi sau đó ảnh hưởng Hồi giáo lui dần tại châu Âu. Văn minh Hồi giáo tàn lụi sau khi Mông Cổ tàn phá thành Bagdad năm 1258, và từ đó tới nay vẫn chưa phục hồi. Cũng thời gian các thế kỷ 12 và 13 này các tác phẩm Hy Lạp được khám phá trở lại qua tiếng Ả Rập và được dịch ra tiếng La tinh, được học hỏi với sự thán phục không bù bến trong các Đại học - tu viện.

#### 4. Trước thế kỷ ánh sáng

– Sự hội tụ giữa tư tưởng Thiên chúa giáo và tư tưởng Aristote vào thế kỷ thứ 13 được nhiều học giả coi là một hiện tượng quan trọng bậc nhất trong lịch sử châu Âu. (Hiện tượng thứ hai nữa được nêu lên<sup>(11)</sup> là sự tương tác giữa đạo Tin lành và sự hình thành chủ nghĩa Tu bản, song song với cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đầu tiên hồi thế kỷ 17 tại Anh quốc). Đây là một giai đoạn lịch sử kỳ lạ và đầy nghịch lý. Thực vậy, nếu tư tưởng của Platon về một Ý niệm tuyệt đối (Idée) siêu hình mà trí tuệ con người chỉ nắm bắt được một cách mờ nhạt thực là thích hợp với niềm tin vào một Thượng đế trừu tượng, và do đó những nhà thần học đầu tiên như Plotin (203 - 270), thánh Augustin (354 - 430) đều xuất thân từ trường phái Platon ; thì Aristote, tuy chính là đệ tử trực tiếp của Platon, lại tin rằng chỉ có sự nghiên cứu một thực tại vật chất cảm nhận được bằng giác quan mới đạt đến sự hiểu biết về những thể lý tưởng (formes) ; nghĩa là Aristote đảo ngược lại quan điểm của Platon trong cái quan hệ giữa ý niệm và vật chất. Thế thì câu hỏi đặt ra là tại sao Thiên chúa giáo, trong cái thuở ban đầu đã bỏ qua Aristote, lại khám phá ra ông để rồi chấp nhận như khuôn vàng thước ngọc, một nghìn năm sau ?

– Thực ra thì vào cuối thế kỷ 12 đầu thế kỷ 13, khi Aristote bắt đầu được dịch sang tiếng La tinh, giáo hội đã có lệnh cấm đọc và dạy Aristote. Nhưng không ngăn cản được các đại học - tu viện phổ biến những kiến thức khoa học, luận lý học của bậc thầy vĩ đại này<sup>(12)</sup>. Vấn đề của các nhà thần học khi đó là làm sao cứu vãn được khoa học của Aristote trong khuôn khổ của niềm tin Thiên chúa giáo. Thánh Thomas d'Aquin là người đã “nửa tội” được cho ông bằng lý luận : Chúa sáng tạo ra thế gian, vậy thì nghiên cứu thế giới tự nhiên để từ đó tới gần Chúa không có gì trái đạo lý. Chúa là toàn thiện toàn mĩ cho nên nghiên cứu những gì chúa sáng tạo cũng tiến gần được tới toàn thiện toàn mĩ, không có gì mâu thuẫn giữa niềm tin và khoa học (luận điểm này chỉ gặp khó khăn cơ bản với thuyết tiến hóa của Lamarck và Darwin). Kể từ đó những người làm khoa học thiên chúa giáo có chỗ dựa giáo lý vững chắc, tuy phải nói rằng những mâu thuẫn với giáo hội luôn luôn xảy ra, vì vấn đề là giải thích kinh điển. Thế rồi ngay cả những thuyết sai của ... Aristote hay Ptolémé sau này cũng trở thành kinh điển, bất khả xâm phạm theo một số giáo sĩ.

– Trong giai đoạn sau của thời Trung cổ và bắt sang thời Phục hưng của hai thế kỷ 15, 16 (cái mốc giữa trung cổ và

Phục hưng này có lẽ chỉ có ý nghĩa trong lãnh vực nghệ thuật, thời Phục hưng bắt đầu giai đoạn huy hoàng của nghệ thuật Ý), kỹ thuật xây dựng, kỹ thuật chiến tranh, kỹ thuật giao thông, khai thác năng lượng súc vật, sức gió, canh nông, thương mại, kinh tế, tiền tệ... đều liên tục tiến triển. Nhưng hầu như vẫn không có tiến bộ khoa học nào đáng kể. Người ta chỉ khai thác những hiểu biết được khám phá trở lại từ những tác phẩm Hy Lạp, có những phát minh kỹ thuật, nhưng do các nghệ nhân mày mò tìm ra chứ chưa cần đến lý thuyết khoa học. Các giáo trình khoa học của Aristote vẫn là khuôn vàng thước ngọc, kể cả những luận điểm hoàn toàn sai lầm về nguyên tử, về thiên thể và về chuyển động. Nhưng thực tế hoạt động kỹ thuật, hàng hải, thiên văn, thực tế nghiên cứu đạn đạo trong chiến tranh... bắt đầu đưa tới những rạn nứt trong niềm tin mù quáng vào Aristote.

– Sự phân rẽ trong Thiên chúa giáo thành đạo Cơ đốc và đạo Tin lành xảy ra đầu thế kỷ 16 với Luther và Calvin, trong khung cảnh châu Âu bắt đầu giàu có và thịnh vượng, trong khi đó thì giáo hội đã quá bảo thủ và có thể nói thối nát. Cuộc đấu tranh tư tưởng có lúc đi tới tàn sát này dĩ nhiên cũng sẽ làm thay đổi cả giáo hội, thế nhưng điều quan trọng hơn là nó còn nằm trong khung cảnh các vương quốc Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Hà Lan dung độ với nhau liên miên, thêm nữa cũng giai đoạn này giới quý tộc các nơi đều muốn xác định quyền uy cá vật chất lẫn tinh thần của mình, tranh giành ảnh hưởng tinh thần với giáo hội. Về kinh tế thì tư bản thương nghiệp bắt đầu hình thành...

– Để có vài ý niệm về sự tiến triển kỹ thuật và văn minh tại châu Âu từ thế kỷ 12 đến Galilei, có thể nêu ra những cái mốc sau đây<sup>(13,14)</sup> :

– thế kỷ 12 : thuyền buồm có cần lái, cối xay gió, khung cửi dùng chân đạp, kiến trúc gothic, cách làm gạch, nước cường toan.

– thế kỷ 13 : nhập từ Trung quốc là bàn và thuốc súng ; xe đẩy (brouette). Cuối thế kỷ 13 thì biết làm giấy, làm đồng hồ chạy bằng sức nặng.

– thế kỷ 14 : khám phá ra cách làm gang (người Trung quốc đã biết từ 2 thế kỷ trước công nguyên), từ đó bắt đầu ngành luyện kim và đúc súng, sử dụng con ròng rọc (poulie) trong xây dựng. Tín dụng xuất hiện tại Florence và Venise.

– thế kỷ 15 : nghề in với chữ đúc rời của Gutenberg, xưởng cưa, lượng giác học và cách vẽ bản đồ chính xác, xuất hiện các “kỹ sư” chuyên nghiệp trong thiết kế dân dụng và quân sự, tiêu biểu là Leonardo da Vinci (1472 - 1519). Xe ngựa có lò xo để giảm sóc, thuyền buồm lớn (caravelle). Sự gia tốc trong khám phá kỹ thuật và thay đổi cục diện đời sống rõ nét. Các đường hàng hải toàn cầu được khai phá vào cuối thế kỷ, Christophe Colomb (1451 - 1506) khám phá châu Mỹ năm 1492.

– thế kỷ 16 : Kỹ thuật phát triển muôn vẻ. Khai thác mỏ và luyện kim trên quy mô lớn với đường sắt và máy bơm. Máy dệt tự động, máy cán sắt, máy ảnh, bút chì v.v... đồng hồ đã có mặt tại các tu viện. Sự chinh phục toàn cầu của châu Âu và chế độ thuộc địa bắt đầu.

Chính trong bối cảnh vô cùng phức tạp, nhiều màu sắc

và nhiều thay đổi đó đã xuất hiện nền khoa học hiện đại, với Galilei, một biểu tượng đáng ghi nhớ, nhưng rõ ràng Galilei không phải là một hiện tượng đơn lẻ. Từ khi có ý thức về công nghệ (technologie) tức là sự kết hợp nhuần nhuyễn lý thuyết và thực nghiệm, khoa học và kỹ thuật, thì nền văn minh Tây phương vượt trội hẳn lên, có thể nói là bùng nổ, về sức mạnh vật chất, và không phải chỉ về sức mạnh vật chất cho đến ngày nay. Bao nhiêu trang báo cũng không đủ, dù chỉ tóm tắt, để ghi lại những tiến bộ trong lịch sử khoa học, kỹ thuật và văn hóa châu Âu kể từ thế kỷ 17.

Hàn Thuý

### Kỳ sau tiếp : 2. Bản sắc văn hóa và khoa học kỹ thuật

(1) Trần Quốc Vượng : *Xây dựng một nền văn hóa Việt Nam nhân bản - dân tộc - dân chủ - khoa học* trong cuốn Trong cõi nxb Trăm Hoa , CA, USA, 1993. Đã giới thiệu trong D. Đ. số 17.

(2) Lê Thành Khôi : *Culture, créativité et développement*, nxb l'Harmattan, Paris 1992. xem giới thiệu trong D. Đ. số 9.

(3) Nguyễn Thu : *Sự chấm dứt của huyền thoại xã hội đại đồng*; D. Đ số 28 và số 29.

(4) Alexandre Koryé : *Du monde de l'à-peu-près à l'univers de la précision*, trong *Etudes d'histoire de la pensée philosophique*; Galimard, collection TEL, Paris 1990.

(5) Lê Quang Vinh : *Những ngộ nhận về dân chủ và chủ nghĩa xã hội*, xem D. Đ. số 26, 1.94.

(6) Nguyễn Khắc Viện : *Bàn về đạo nho*, nxb Thế giới, Hà Nội 1993.

(7) K. Popper : *Le réalisme et la science*, nxb Herman 1990, bản dịch từ tiếng Anh.

(8) K. Popper : *The open society and its enemies*, vol 2 : *Hegel and Marx*, đúng ra thì Popper phân biệt “ lý thuyết Marx của Marx ” và “ chủ nghĩa Marx thông tục ” ; đánh giá “ không khoa học ” của ông dành cho chủ nghĩa Marx thông tục ; còn lý thuyết Marx theo ông là một lý thuyết là một khoa học thực sự (vì có tiên tri, vì thế có thể được phản nghiệm), và đã bị thực tế lịch sử phản nghiệm. Đánh giá chủ quan của người viết bài này là thuyết “ phản nghiệm ” của Popper tuy đúng về hình thức, nhưng còn phiến diện ở chỗ không phải vì một lý thuyết bị phản nghiệm ở mặt này hay mặt khác mà có thể bị bác bỏ toàn bộ. Nhưng nếu bàn đến thì quá dài dòng.

(9) Jacques Monod : *Le hasard et la nécessité*, nxb Seuil, col. Points Sciences, 1970.

(10) chẳng hạn như : *La civilisation occidentale*, của A. Brunet, nxb Hachette 1990.

(11) Max Weber : *The protestant Ethic and the spirit of Capitalism*, Londres 1930. Luận điểm của Weber được nhiều tác giả trích dẫn, nhưng người viết bài này chưa đọc tận gốc.

(12) Alexandre Koryé : *Aristotélisme et Platonisme dans la philosophie du moyen âge*; trong : *Etudes d'histoire de la pensée scientifique*; nxb Galimard, col. TEL, 1992 ; bản in đầu tiên năm 1973.

(13) E. Klemm : *Histoire des techniques*, nxb Payot, 1966 ; bản dịch từ tiếng Đức.

(14) Lewis Mumford : *Technique et civilisation*, nxb Seuil, 1950 ; bản dịch từ tiếng Mỹ.

### Một vài vấn đề về văn hóa và trí thức (tiếp theo trang 20)

Cái gì còn lại cái gì đã mất trong giai đoạn mới hay chỉ cần đơn thuần gắn mác “ kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa ”, “ văn hóa tự do xã hội chủ nghĩa ” là đủ ?

Và ai có hỏi “ xã hội chủ nghĩa là gì ? ” thì chỉ cần xin thưa đó là thứ “ mang màu sắc dân tộc ”.

Nếu hiểu Văn Hóa là toàn bộ những giá trị tinh thần và vật chất mà Nhân Loại nói chung hay một Dân Tộc nói riêng giữ lại sau một Thời Đại phát triển nhất định (Văn Minh), là những Giá Trị cần thiết cho Ý Thức con người trong quá trình biến đổi thế giới tự nhiên thành một thế giới đáng sống hơn, xứng đáng với các ý hướng “ Chân, Thiện, Mỹ ” muôn thuở của con người hơn, thì chúng tôi hoàn toàn nhất trí với cách đặt vấn đề cũng như những luận điểm bước đầu về một “ Đề Cương Văn Hóa Việt Nam Trong Giai Đoạn Mới ” do ban tổ chức Hội thảo nêu lên.

Chúng tôi đặt vấn đề cần một nỗ lực trí tuệ kết nồng (synergique) của các thành phần trí thức Việt Nam trong và ngoài nước để tìm ra những tư tưởng chủ đạo cũng như những giải pháp thực tiễn cho từng bước đi của nền văn hóa dân tộc trong giai đoạn mới, một giai đoạn phát triển của đất nước mà dân tộc ta sẽ phải chịu áp lực, cùng một lúc, của sự chà sát với những khủng hoảng của văn minh - văn hóa Tây phương hiện đại cộng thêm các yếu tố chậm phát triển.

Xin nhấn mạnh rằng chúng ta đã bước sang thời đại mà tính “ chân ” của tri thức cần được phải chứng minh bằng tính “ hiệu quả ” của nó và trong thế giới thực tiễn ngày nay điều này cần những đầu tư không nhỏ về tài chính cho khâu tổ chức, cũng như khâu xây dựng cơ sở làm việc cho những nhà trí thức Việt Nam.

Đối với trí thức trong nước vấn đề cải thiện đời sống, tạo điều kiện khách quan và công bằng để các tài năng khoa học và công nghệ phát triển muôn mầu muôn vẻ phải được đưa lên hàng quốc sách.

Đối với các trí thức Việt kiều, trừ khi những cơ sở làm việc tiên tiến tối thiểu đã được bảo đảm, nếu không chúng ta sẽ rơi vào tình trạng bần viền binh trên giấy và khó có hy vọng khai thác được những tri thức và trí tuệ mà họ đã dày công gây dựng được ở nước ngoài.

Để chuẩn bị các tư liệu cho một vấn đề khoa học, thí dụ như đề tài “ Sử dụng DTT tại Trung Quốc ” và những cái lợi hại do nó gây ra trong môi trường sống, một nhà nghiên cứu Tây Âu qua hệ thống cơ sở dữ liệu trên máy điện toán về nông học chỉ cần bỏ ra hai mươi đôla và trong vòng mươi phút đã có ngay trên màn hình trước mắt khoảng 5 000 tài liệu (với tóm tắt) nằm rải rác trong các thư viện trên thế giới.

Trên đây là một thí dụ lý thú cần sự cộng tác chặt chẽ của những trí thức Việt kiều còn quan tâm đến tiền đồ của nền văn hóa dân tộc, cùng cộng tác với các đồng nghiệp trong nước cài đặt và tổ chức ngay một cơ sở dữ liệu đạt tiêu chuẩn quốc tế về tư liệu khoa học xã hội của nước ta, ngoài giá trị một phương tiện không thể thiếu trong nghiên cứu khoa học ngày nay chúng ta còn có khả năng sử dụng “ kho tàng ” vô giá đã mã hoá này để trao đổi và hoà nhập (ít nhất qua ăngten vệ tinh) với các ngân hàng dữ liệu và các thư viện trên thế giới.

Nguyễn Xuân Lộc (Hà Nội 7.12.93)

## Phỏng vấn Nguyễn Quang Đỗ Thống

$$\mathbf{X}^n + \mathbf{Y}^n = \mathbf{Z}^n$$

Trung tuần tháng 10.1994, báo chí lại xì xào : định lý Fermat phen này đã được chứng minh ! Mọi người còn nhớ : đầu hè năm 1993, các báo đã đưa tin này lên trang nhất rồi (Diễn đàn số 22, tháng 9-1993). Để đáp ứng sự tò mò chính đáng của bạn đọc (có bạn đã viết thư hỏi chúng tôi), Diễn đàn xin phỏng vấn chuyên gia của bản báo về lãnh vực này, nhà toán học Nguyễn Quang Đỗ Thống, giáo sư Trường đại học Besançon.

Hỏi : Rốt cuộc Andrew Wiles đã chứng minh được định lý Fermat hay chưa ?

NQĐT : Trước hết, xin nói cho chính xác : đối tượng chính của công trình của Wiles không phải là định lý Fermat (mặc dù đó chắc chắn là động cơ khởi đầu), mà là ức đoán Taniyama-Weil. Ức đoán (*conjecture*) này có thể tóm tắt đại khái là “ mọi đường cong elliptic đều có tính modula ”, và lạ một điều : định lý Fermat là một hệ quả (*corollaire*) của nó, nghĩa là nếu chứng minh được nó, thì định lý Fermat cũng được chứng minh theo (xem Diễn đàn số 22).

Tháng 9.93, Wiles thông báo sẽ đưa công bố một bài chứng minh, không phải toàn bộ ức đoán T.-W., mà một phần quan trọng của ức đoán này, đủ để kéo theo định lý Fermat. Bài chứng minh này dài (120 trang đánh máy) và phức tạp (huy động hầu như toàn bộ các kỹ thuật của lý thuyết số và các lãnh vực phụ cận) đến mức dư luận giới toán học đã gọi nó là “ chứng minh thế kỷ ” ! Vì vậy, bản thảo đã được chia cho ba, bốn báo cáo viên để kiểm tra theo đúng thông lệ.

Hỏi : Thế rồi sao ?

NQĐT : Trong khối thép ròng của A. Wiles, có một... cọng rơm. Cuối năm 1993, tin đồn đã loan truyền như vây, nhưng phải đợi đến đầu năm 1994, Wiles mới thừa nhận, trong một bức thư điện tử (E-mail) phổ biến trên mạng lưới Internet.

Phải nói trong vụ này, mọi sự diễn ra một cách không bình thường, tôi muốn nói : không phù hợp thông lệ khoa học. Áp lực báo chí, áp lực media, lời đồn đại, thêm vào đó là việc Wiles từ chối không chịu công bố bản thảo, trái nghịch với thông lệ không thành văn của giới khoa học, là : thông thường, trong khi bản thảo đang được kiểm tra thì tác giả vẫn phổ biến trong cộng đồng toán học.

Hỏi : Không đi vào chi tiết, anh có thể cho biết cái cọng rơm ấy là gì ?

NQĐT : Không đi vào chi tiết ?... Tôi buộc phải mạn phép dùng một vài từ ngữ dao to búa lớn của nghề, cũng như các đệ tử của Marx và Lacan đã từng làm trong lãnh vực của họ. Then chốt trong bài chứng minh của Wiles là đồng nhất hoá giữa một số “vành biến dạng phổ biến” (*anneaux de déformations universelles*) mang tên “vành Mazur” và một số “vành tự đồng cấu các đường cong modula” (*anneaux d'endomorphismes de courbes modulaires*) mang tên “vành Hecke”. Bản thảo có 4 chương, thì Wiles đã bỏ ra 2 chương để luận chứng rằng có thể đồng nhất hoá hai loại vòng kẽ trên bằng

cách tính một “công thức lớp” (*formule des classes*). Đây là mảnh đất quen thuộc của Wiles vì trong bài chứng minh ức đoán chủ yếu về các hàm  $L$   $p$ -adic (conjecture principale des fonctions L p-adiques, xem Diễn đàn số 22), ông đã hoàn chỉnh một phương pháp lý thuyết có thể dùng để tính các công thức ấy. Đại để phương pháp này là chứng minh rằng một số hàm xuất phát từ một số “vật thể hình học” (gọi tên là *modul Iwasawa*) trùng hợp với một số hàm giải tích (tức là các hàm L  $p$ -adic nói trên). Khoé một nỗi, các hàm liên quan tới khâu này lại là những hàm nhiễu biến, nghĩa là phức tạp hơn nhiều, và chính ở chỗ này mà Wiles đã (vô thức?) dốt gai đoạn trong bản thảo về Taniyama-Weil và Fermat.

Hỏi : Sai lầm này có thể sửa được không ?

NQĐT : Không hề có sai lầm ! Chỉ có một khẳng định không được chứng minh. Và mọi người, bắt đầu từ Wiles, đều tin chắc rằng sớm muộn (và nếu được, thì muộn lắm là năm 2 000 — vẫn đề danh dự mà) cũng sẽ lấp được lỗ trống, bởi vì mức độ khó khăn không còn nan giải như lúc đầu. Có lẽ vì thế mà Wiles đã không chịu phổ biến bản thảo (dù dưới dạng chưa hoàn tất), với hy vọng ông sẽ là người đầu tiên chứng minh được khâu còn sót.

Hỏi : Thế Wiles có phải là người đầu tiên không ? Hay là đã thất bại ?

NQĐT : Hình như ông ta đã thành công. Nhưng không làm được theo cách mà ông đã dự trù. Cho đến tháng 3, Wiles vẫn tưởng chỉ cần cải biến cách chứng minh “ ức đoán chủ yếu ” là xong (xem trên). Hóa ra làm theo cách này quá khó, thành ra ông hầu như đã phải từ bỏ ý này. Dúng lúc đó, một đồng nghiệp của ông, là Henri Darmon, sau nhiều lần bắt Wiles giảng di giảng lại điểm then chốt nói ở trên, đã thuyết phục Wiles thử dùng lại một cách tiếp cận “ công thức lớp ” mà Wiles đã có sẵn trong ngăn kéo, nhưng có phần nào hổn hển với nó. Cộng tác với một đồng nghiệp khác (dúng hơn, một học trò cũ), Richard Taylor, để triển khai phương pháp bị lãng quên ấy, cuối cùng Wiles đã “ lấp được lỗ trống ”. Tất nhiên, còn phải đợi sự kiểm chứng của những báo cáo viên có thẩm quyền (phần bổ sung này “ chỉ ” dài 15 trang thôi), nhưng có nhiều người, trong đó có những tay cự phách, đã làm rồi. Có thể kể tên Gerd Faltings (người đã chứng minh “ ức đoán của Mordell ”, mà trước khi có công trình của Wiles, người ta đã gọi là “ chứng minh thế kỷ ”). Faltings đã thông báo là ông sẽ giảng một loạt bài về định lý Fermat tại viện Max Planck (ở Bonn). Wiles cũng tỏ ra tự tin, bằng chứng là ông ta đã chịu phổ biến bản thảo. Fermat có thể au nghỉ dưới tuyenn dài.

Hỏi : Cứ như một cuốn tiểu thuyết phiêu lưu kỵ...

NQĐT : Chứ sao ! Vả lại, có cuốn tiểu thuyết hay nào mà chẳng phải là một cuộc kiểm tìm ? Cố nhiên ở đây không có đầu rơi máu chảy, không có sexe. Ngoài ra chẳng thiếu gì : hồi hộp, đảo ngược tình huống, tham vọng, ganh đua... Làm tôi nhớ tới một cuốn tiểu sử Michel-Ange, mà tựa đề đã tóm tắt tài tình cái tinh túy của hành động sáng tạo : *L'agonie et l'extase* (Thống khổ và Ngất ngây). Ta hãy hình dung cuộc hành trình của Wiles : ba năm lao động đơn độc, ảo giác thắng lợi, rồi ảo tưởng đại bại, và cuối cùng toàn thắng, giải quyết một bí ẩn kéo dài 300 năm trời. Andrew Wiles không phải là nhà phiêu lưu hay sao ? Vả lại, trong một thời đại mà các nhà địa lý và các vệ tinh đã thông thuộc từng tấc đất trên mặt đất địa cầu, còn đâu những cuộc thám hiểm trên những đại dương bao la, tối những đỉnh núi hoang vu ? Ngày nay, phiêu lưu, phiêu lưu thực sự, là cất bước trên những nẻo đường của tri thức.

# Người vợ

Nguyễn Khải

**R**a Hà Nội lần này tôi đã định bụng thế nào cũng tới thăm anh Trần Dần. Anh tuổi Dần, hơn tôi bốn tuổi, năm nay đã 69, nghe nói lại đau yếu nhiều. Lần cuối tôi lại thăm anh vào cuối năm 87, đi cùng với Nguyễn Minh Châu. Lúc này Châu còn khoẻ, chưa biết mình có bệnh. Chúng tôi ngồi nói chuyện với nhau cũng lâu. Chỉ có tôi hỏi, ông Dần nói, còn Châu không bắt chuyện mấy, chỉ ừ ào có ý không thích. Vì ông Dần có tính hay dạy dòi, nói chủ thuyết này trường phái nọ. Thế là Châu không thích. Nhưng tôi thì chịu được. Tôi vốn không thích văn anh, không thích từ ngày đọc *Người Người Lớp Lớp*. Còn thơ anh nhiều người cho là rất hay nhưng lại không thuộc cái tặng của tôi. Nhưng tôi luôn luôn nể anh, trọng anh vì cái số sao mà vất vả. Cũng là vất vả vì nghề. Tôi cũng còn thích cả cái tính của anh nữa. Anh luôn xem tôi là thằng đàn em, hệt như hồi chúng tôi mới biết nhau, cách đây đã 38 năm. Sau này tôi muốn làm gì ở Hội cũng mặc, anh không cần biết, với anh tôi chỉ là thằng K., à, thằng K. nó viết cũng được. Có một lần tôi đạp xe đến Hội, qua hồ Thiền Quang, nghe một tiếng gọi: "K!" Tôi dừng xe nhìn ngạc nhiên, ông Dần đã ngồi ở một hàng nước đưa tay vẫy. Tôi quay xe lại, ngồi xuống cạnh anh. Anh hỏi: "Cậu có tiền không?" – "Có" – "Gọi cho mình chén rượu." Tôi uống nước trà còn anh uống rượu nhắm với lạc rang. Được hai chén, đã hơi ngà ngà, anh nhìn tôi rồi bảo: "Này cậu cố gắng lên, bọn mình hy vọng rồi ra cậu sẽ thành một tác giả." Tôi nóng mặt vì sung sướng. Được Trần Dần khen có dễ đâu. Về anh Trần Dần tôi nghĩ thế cũng là xong, là đã hoàn tất một sự nghiệp, có ưu có khuyết, có

thành có bại như mọi kiếp người. Anh chả còn gì để tôi phải thắc mắc. Nhưng vợ anh vẫn làm tôi thắc mắc vì đã nhiều chục năm tôi được nghe nói về chị, và mỗi lần được nghe chuyện về chị tôi lại muốn úa nước mắt vì thương cảm. Vì cái ông Trần Dần vẫn thường kêu rên rằng Nhà nước làm khó ông nhưng ông còn làm khó cho vợ gấp trăm lần. Nhiều người nói ông hay chửi vợ. Con em họ tôi được mắt thấy, tai nghe ông đập bàn, chỉ tay vào mặt vợ mà quát: "Con ác phụ!". Lê Đạt kể chuyện có đạo Trần Dần bị liệt, chạy chữa mãi mới tập tễnh đi lại được, nhưng lười, không chịu tập đi hàng ngày, chỉ thích ngồi ro ró một chỗ hút thuốc lào. Lê Đạt bảo vợ Trần Dần: "Bà phải bắt ông ấy tập đi chứ!". Chị cười nói vui: "Ông ấy là cương hào ác bá, Đảng và Chính phủ còn chả bắt buộc được huống là tôi."

Tôi đến thăm anh chị Trần Dần vào một buổi sáng. Tôi gõ cửa phải đợi đến mươi phút mới thấy chị Khuê, vợ anh Dần ra mở. Hình như chị vừa lau rửa cho anh, thấy ông một tay ôm quần, cúi lom khom bước ra chỗ ngồi quen thuộc. Cách nhau năm, sáu năm cũng là một thời gian dài với người đã lớn tuổi, râu tóc xù lênh láng như bông, thoát nhìn không nhận được ra nhưng đôi mắt thì vẫn như cũ, con mắt hiếp đáp thiên hạ. Chị Khuê đứng cạnh chồng, trỏ tay vào tôi nói rất to, chả lẽ ông này cũng đã nặng tai:

– Ông còn nhớ ông này là ai không?

Chán mờ đời, đến thăm ông anh nhưng ông ta lại không nhận ra mình, buồn quá! Đúng là không nhận ra thật. Con mắt nhìn tôi một thoáng, không hiểu lộ ngạc nhiên hay vui mừng, con mắt vô hồn: "Ồ, ồ...". Vợ anh lại hé

lên: "Ồ ồ cái gì, là ai thì ông nói đi!" Lại liếc nhìn một lần nữa rồi anh lê người ngồi vào ghế, đầu vẫn cúi, loay hoay cầm cái diếu cày. Tôi đưa bao thuốc mời anh, anh rút một điếu, cũng chả nói chả rằng, vừa hút thuốc vừa cúi mặt đọc một tờ tạp chí gì đó. Đã lâu tôi có hỏi anh Lê Đạt: "Đạo này ông Trần Dần có viết gì không?" Lê Đạt cười: "Viết cái con khỉ. Có còn biết mình là ai mà viết". Thôi, một đời viết được như thế cũng là nhiều. Nghỉ cũng được... Giả thử bây giờ có còn viết thì duyên sắc chắc cũng không được như xưa, một thời đã qua rồi, những tài năng của một thời cũng qua rồi. Suốt buổi anh vừa hút thuốc, vừa đọc báo, coi như không có tôi, coi như không có cả chính mình. Còn tôi thì ngồi nói chuyện với chị Khuê. Chị đã già nhiều, mập ra nhưng vẫn còn cái đẹp của ngày xưa. Chị bảo: "Cái nhà này cả ngày chỉ có tôi với ông ấy thôi. Đi đâu thì khoá cửa, nhưng cũng chỉ dám đi một chốc một lát, không dám ở ngoài lâu. Như nuôi con mọn, con mọn còn gửi được nhà trẻ, chồng già lại bệnh thì biết gửi ai được!". Tôi hỏi: "Mấy năm nay nhà mình đã dẽ chịu chưa?" Chị cười: "Bây giờ tôi ngủ được cả đêm. Chả phải lo gì cả. Nhất là không phải lo tiền". Bây giờ thằng Trần Trọng Vũ, thằng con út của anh chị đang học vẽ ở Pháp do Nhà nước cử đi. Nó đã có tranh triển lãm được bạn bè khen, lại vẽ thêm quảng cáo nên cũng có tiền gửi về mua thuốc cho bố. Chỉ tiếc tôi ngày dư đủ, mọi sự cởi mở, dễ dãi để ông Dần yên tâm ngồi viết thì ông ấy lại ra thế kia. Thời gian ít có chuyện gì hoàn toàn được anh nhỉ? Được cái này thì mất cái nọ. Nhưng vẫn là có được. Chứ như mấy chục năm qua... Mấy chục năm qua với chị có bao nhiêu là chuyện hãi hùng. Nhưng chị sợ nhất, bây giờ nghĩ lại vẫn còn sợ, là vào một buổi tối, thằng con trai lớn của chị đang học lớp trung cấp giấy ảnh Bình Minh, đột ngột chạy về, mặt mũi lợt lạt, kéo mệ ra một góc vắng, hỏi như khóc: "Mẹ, bố làm phản động hả mẹ?" Chị lạnh hết cả người, tay chân bỗng dung run lẩy bẩy nhưng chị cố trấn tĩnh, hỏi lại: "Ai bảo với con thế?" – "Thầy hiệu trưởng". Chị nắm lấy hai bàn tay con giảng giải điểm đậm, rằng bố nó vẫn là người của Cách

mạng, chỉ bị kỷ luật thôi. Bị kỷ luật từ năm nay nó còn chưa dể kia. Đã lâu lắm rồi. Nó lại hỏi vì sao bố không đi làm như mọi người. À, bố đã yếu lắm rồi nên nhận việc về nhà làm, con không thấy bố vẫn dịch sách đó sao ? Chuyện hiển nhiên, nếu bố là phản động, làm sao cả ba con đều được đi học, phải không nào ? Rồi chị thề với nó chị không hề nói dối nó, lớn lên rồi nó sẽ biết hết. Bố nó vẫn xứng đáng với các con, với gia đình. Còn nó phải cố học cho thật giỏi. Nhà nghèo phải học giỏi thì mới thoát khỏi cảnh nghèo. Chị vốn là cô giáo nên rất biết cái tuổi nguy hiểm, cái tuổi khủng hoảng của lứa tuổi con chị. Căm thù bố mẹ sẽ thành đứa con hư. Căm thù xã hội sẽ thành kẻ đồi nghịch. Đằng nào cũng là mất con. Ngày ấy chị đã nghĩ, kỷ luật của anh Dần rồi cũng có ngày được trên xem xét lại, còn mất đứa con là mất vĩnh viễn. Chẳng những mất nó mà còn liên lụy đến cha mẹ, ảnh hưởng xấu đến hai em.

Trong nhà này suốt mấy chục năm không ai cất lời nói xấu chính phủ, nói xấu xã hội hoặc nói xấu bạn bè của bố. Ông Dần muốn nói gì thì nói, nhưng mà nói ở nơi khác, còn về nhà là phải theo luật của nhà. Chẳng phải sợ ai, chỉ sợ các con hư. Chị có thể nhân nhượng, nín nhịn chồng đủ mọi chuyện nhưng dạy con là quyền của chị, chị là nhà độc tài trong lãnh vực này. Người mẹ nhận xét, thằng lớn tuy là đứa con ngoan nhưng chỉ ngoan với mẹ còn vẫn ghét bố. Nó nhẫn nại vươn lên với lòng oán hận, oán bố, hận bố. Vì nó chỉ là đứa trẻ tầm thường với cách nghĩ tầm thường, không thể có sự cảm thông với những tai ách khó tránh của người sáng tạo. Nhưng em trai nó thì khác. Nó là một nghệ sĩ bẩm sinh. Nó thương bố và trọng bố. Giữ được sự ổn định về tinh thần trong một gia đình gặp tai nạn là khó lắm, người mẹ phải tinh táo, nhẫn nại từng giờ. Buổi sáng đứa trẻ nghĩ khác, tối đến có thể nó lại nghĩ khác. Trẻ con mà. Lại còn phải giữ cả sự ổn định trong cuộc sống vật chất hàng ngày nữa. Khi chồng bị mất việc, chị lập tức xin đi dạy mẫu giáo ngay, do ban đại diện khu phố bảo lãnh. Rồi làm hiệu phó, rồi dạy cấp I. Được mấy năm chị phải nghỉ vì một bên phổi đã nám đen. Chị bán hết phiếu vải của một

năm được 600 đồng mua dép nhựa bày trên met cắp đi bán. Mỗi ra hàng còn ngú ngó, ngày nào cũng bị bắt phạt, ngồi tại chỗ xin xỏ cũng bị phạt. Có người bắt phạt, lại có người che chở. Có một anh công an trẻ thỉnh thoảng đạp xe qua, lúc thì bảo : " Cô giáo cứ ngồi bán, không phải chạy ". Có lúc anh kêu từ xa : " Cô giáo chạy đi, họ đến đấy ! ". Nước mắt dài nước mắt ngắn, mếu máo suốt ngày. Về đến nhà vẫn phải tưới tinh, vẫn phải nói với các con : " Hôm nay mẹ bán được ". Dẫu thiếu cơm, nhưng mỗi bữa vẫn phải dành lại một bát để bữa sau ghép. Cơm nguội ghép một bát nở ra thành mấy bát. Những mèo vặt của người nội trợ một gia đình luôn luôn đòi. Thùa cân gạo nào lại bán đi mua mắm, muối, rau và mồ rán. Bữa nào có cá và đậu kho mặn là bữa ăn sang. Ba đứa con đi học, suốt năm học chỉ mặc có một bộ quần áo. Về học là cởi ra ngay để mặc quần áo rách làm việc nhà. Quần áo của chị cũng không còn được mấy cái lành vì phiếu vải đã bán lấy tiền đóng gạo rồi. Chị sống lầm lũi, nhẫn nại với một niềm tin dai dẳng : " Sông có khúc, người có lúc, không ai sướng được mãi, cũng không ai phải khổ mãi ". Điều an ủi đối với chị là các con đều học rất giỏi. Thằng lớn lẽ ra được đi Đức để học tiếp nghề ảnh nhưng bố nó như thế nên phải ở lại. Đứa con gái đậu ba lần thi học sinh giỏi toàn miền Bắc, lần nào cũng chỉ thiếu có nửa điểm. Nó hỏi mẹ : " Tại sao thế hả, mẹ ? ". Bà mẹ nuốt nước mắt, an ủi con : " Tức là con còn phải học giỏi hơn nữa ". Thằng Vũ là út, có nhiều khiếu vẽ từ nhỏ, mười ba tuổi xin vào trường trung cấp mỹ thuật, học năm năm. Nhưng nó phải khai thêm hai tuổi, tăng thêm chiều cao và thêm cả cân. Mười lăm tuổi mà nhỏ quá, gầy quá, như đứa trẻ lên mười. Vũ học năm năm trung cấp, tốt nghiệp thủ khoa, đã có tranh triển lãm được huy chương đồng. Thi tiếp vào đại học mỹ thuật. Lại học thêm năm năm. Lúc thi ra trường cũng đỗ đầu. Bài luận văn của Vũ về Chagall rất xuất sắc. Ban giám khảo ngờ rằng nó được bố già vì nó đâu đọc được sách Pháp viết về Chagall. Lúc ấy thằng Vũ mới thưa, là nó nói, đọc và viết được tiếng Pháp. Nó học tiếng Pháp đã trên mười năm, dạy là ông Nguyễn Mạnh Tường. Dạy

không công vì quý mến một đứa trẻ có chí và có tài chứ tiền ăn còn chả đủ lấy tiền đâu ra học ông Tường. Lúc ấy nhà trường đang giảm biên chế nhưng vẫn giữ Vũ lại làm trợ giáo. Một tổ chức từ thiện của Pháp cho trường mỹ thuật một suất học tại Pháp. Hiệu trưởng dành luôn suất học đó cho Vũ rồi mới báo lên Bộ. Chị Khuê thở một hơi dài, nước mắt râm rĩ : " Ở đời có bao nhiêu là người tốt, đến đâu cũng có những người tốt, không có họ thì chúng tôi sống sao nổi, hả anh ? ". Đến cái độn đi Pháp của Vũ cũng có bao nhiêu là rắc rối. Bốn giờ sáng hôm sau lên máy bay, bay giờ tối hôm trước lại có tin thắng bé chưa đi được. Bà mẹ lại chạy, đến khắp những nơi phải đến để van xỉ, xin cầu. Chị không nghĩ đến đồng tiền nó sẽ kiếm được nay mai mà chỉ nghĩ đến một cái tài đã được ấp ủ từ nhỏ sẽ có cơ hội bung nở. Bị ngắt cụt nó sẽ trở thành người khác, có khi còn thành tội nhân vì thất vọng, vì tuyệt vọng. Một người thường thất vọng thì sẽ lui tàn dần, chết dần, họ tự tiêu huỷ bằng cái mòn dần. Nhưng một người tài năng thất vọng thì rất nguy hiểm, nó sẽ tự đốt trong một bùng cháy. Một tháng con chờ đợi, người mẹ hầu như không ăn không ngủ, chỉ đi thôi, chỉ nói thôi, vì đây là cả đời của một đứa con, chị đã hy sinh tất cả để có nó như hôm nay.

Tôi vẫn nghe chị nói chuyện, thỉnh thoảng lại liếc mắt nhìn sang một ông già, trước kia là Trần Dần, ngồi bất động bên cạnh. Anh vẫn cầm cúi đọc tờ tạp chí nhưng đọc gì mà không thấy giờ trang. Hay lại ngủ rồi ? Chợt chị dừng nói, nhìn xuống chân chồng, chỗ mặt đá bông loang loáng như có nước. Đấy, ông ấy lại tiểu tiện ướt đẫm ra rồi kia. Cả ngày thay quần, cả ngày giặt giũ, phải những ngày trời mưa hay nồm quần phơi gi้าง khắp nhà. Vẫn cười mà nói thế, mặt vẫn tươi mà nói thế, chẳng thấy khổ một tí nào. Chị đã quen với nhọc nhằn đến thế sao ? Chả rõ vẫn thơ của ông bố, vẽ vời của ông con rồi ra sẽ có ích lợi gì cho đời, chuyện đó còn phải đợi. Nhưng hiển nhiên nếu không có những người vợ, những bà mẹ một đời nhẫn nhục gánh chịu mọi tai họa vì những người thân yêu thì thế giới này sẽ buồn thảm lắm, sẽ lạnh lẽo lắm.

Nguyễn Khải

## Văn Cao

Những ngày buồn không nói được  
Tôi chỉ tìm ra sự sống của tôi

I

Một người cho tôi  
con dao găm  
Không biết dùng làm gì  
đêm nhìn qua cửa sổ  
một khoảng trống đen  
tôi ném vào khoảng trống  
con dao găm ấy  
có phải đấy là sự nghịch ngợm ?  
bỗng nhiên có tiếng người ngã  
ngoài sân  
một người trúng tim đã chết

tôi không hề biết người ấy  
tôi là kẻ không muốn giết người

chỉ biết bóng tối  
mà tôi đã ném dao

II

Tôi đi trên phố  
bỗng nhiên mọi người nhìn tôi  
một ai đó kêu lên : thằng ăn cắp  
tôi chạy  
tôi chạy  
sao tôi lại chạy  
tôi không hiểu tôi  
cả phố đuổi theo tôi  
xe cộ đuổi theo tôi

tôi chạy bạt mạng  
gần hết đời  
tôi chồ chỉ còn gục xuống  
tỉnh dậy mồ hôi chảy  
tôi lại thấy tôi là người chưa  
phạm tội

III

Tôi rơi vào mạng nhện  
mạng nhện cuốn lấy tôi  
không cách gì gỡ được  
tôi như con sâu tằm  
cuộc đời cứ như thế  
muốn phá cái mạng nhện  
tôi không đủ tay

## Hoàng Phủ Ngọc Tường

### *Một chút sương mù trên bàn tay*

Bỏ quên  
đôi cánh trên trời  
Em về mặt đất làm loài phù du  
Tưởng cho ta cả thiên thu  
Hoá ra một chút sương mù  
trên tay

Người đi ta ở phương này  
Phố cao trùi rộng nhô ngày  
lang thang  
Sáng trưng mấy dặm hoa vàng

Ngẩn ngơ màu áo nữ hoàng năm xưa  
Hương thông nồng ấm sau mưa  
Tím đâu màu tóc  
ngày chưa biết người  
Em giờ xa mãi bên trời  
Sao ta nghe vọng tiếng cười  
trong cây

Người còn dấu bóng quanh đây  
Có ven hồ  
giấu gót giày đi qua  
Giấu vai sau ngực thiên nga  
Màu môi thắm giấu trong hoa  
anh đào

Ta về hỏi với non cao  
Trần gian ai về phương nào hoa bay  
Cho ta tìm hái một ngày

Một bông hồng nở  
trên tay một người

Em dù  
khát vọng khôn nguôi  
Đau ta thôi cũng mây trời  
tuyệt mù

Nửa chừng ngẩn lại thiên thu  
Người phù du  
ta phù du  
với người...

Quang Huy

### *Thành phố lang du*

tặng M.S.

Sài Gòn chợ nắng chợ mưa  
Chợ chen chúc chợ chọi thua ngõ buồn  
Bùng bình xe máy lượn tròn  
Tiếng rao hủ tiếu nghe mòn phố đêm  
Sầu riêng làm nặng mùi kem  
Đám ma inh ôi đội kèn hoá vui  
Bạn mời chiếc mật rắn tươi  
Nghe ly rượu cháy vành môi ngại ngùng  
Ta ngồi ở giữa mùa đông  
Chang chang hạ trắng một vùng cô đơn  
Chợt ngày sập xuống hoàng hôn  
Nghe Hà Nội rét từng cơn... giục về.

12-1993

# Trần Vũ

## Giấc Mơ Thổ

*C*húng tôi hãy còn rất trẻ. Tuổi trẻ trông thấy trên gương mặt, trong đôi mắt, và ở những giấc mơ không bao giờ tắt. Suốt bốn ngàn năm, cái chết của con người ở quê tôi hình thành do suy tàn của thể chất. Nhưng xuống tới thế hệ tôi, kỳ quặc, chính chúng tôi đi tìm cái chết : Thể xác vẫn nguyên vẹn.

Chúng tôi đứng ở bờ cõi trông ra cửa biển. Tôi run rẩy vì ý nghĩ mình sắp chết. Một cái chết đã man hung bạo. Nền trời mỗi lúc một xanh, bát ngát. Soi rõ đại dương và Phương Tây ở得很 xa. Tất cả, không ai rời mắt nỗi khoảng trời xanh ngắt ngoài sức tưởng tượng — nền trời của biển Đông và Tây Phương — nơi chúng tôi sẽ chết. Ruột tôi quặn thắt vì sợ hãi lẫn ham muối. Máu thuẫn nhưng kích thích. Tiếng còi tàu rúc của ba chiếc thuyền tảng cập vào bến. Những chiếc thuyền bít bùng giăng sẵn cướm, một thứ tàu nhà đòn mà tôi sẽ phải vào nằm bên trong với một ngàn hai trăm người khác. Ba chiếc tàu chở tử thi. Tay chân tôi lạnh mướt vì sợ. Mẹ tôi đứng ở kề bên. Tôi nghe được tiếng thở của bà. Tiếng thở dứt khúc, dứt đoạn, thăm dẩn tình mẫu tử. Mẹ đi tiễn tôi sang thế giới bên kia. Sợ. Nhưng tôi vẫn không van bà giữ tôi lại. Con khát, giấc mơ, cả hai trộn lẫn, thúc đẩy. Tôi nửa muốn sống, nửa muốn chết. Kỳ lạ, chính mẹ cũng không giữ tôi. Dù tôi đọc rõ đau khổ trên gương mặt bà. Mẹ tôi đau nỗi đau của người đàn bà lúc lâm bồn. Xé thịt, banh da, rách tử cung, xé buồng nhau, mất huyết. Biết đau đớn nhưng vẫn ham sanh. Tánh khổ dâm tôi thừa hưởng từ mẹ, và sấp sống những giây phút khoái lạc đón đau đầu tiên. Bạn bè đứng trước tôi lần lượt tự sát. Được tắm liệm ngay trong lòng tàu. Tôi trông thấy những bà mẹ lạc thần gập người rụng xuống. Tôi trông thấy đôi mắt các bạn tôi mở trừng trừng sau khi chết. Những đôi mắt trẻ phút vĩnh quyết còn cố thủ vào chút hình ảnh chót cùng của quê hương, gia đình. Đến phiên tôi, mẹ tôi gào khóc, vật vã thảm thiết, nhưng bà không làm cùi chỉ bao bọc xoè hai tay kéo tôi vào lòng ; bà không làm cùi chỉ thiêng liêng giữ đưa con của tất cả các bà mẹ trên thế giới. Sau bốn ngàn năm, các bà mẹ ở quê tôi thay đổi, săn sàng chứng kiến con mình chết để đánh đổi những giấc mơ. Họ tổ chức cho con cái những cuộc tự sát tập thể. Mẹ tôi đồng loã và chính tôi cũng đồng loã. Tôi bước xuống tàu. Bàn chân run rẩy sợ sệt, chưa kịp quay lại để nhìn mẹ lần cuối, thì gã thủy thủ đã xộc tôi dùng mă bỗ pháp vào đầu tôi. Lưỡi rựa xắn ngập xuống óc huỷ tức khắc một phần trí nhớ. Máu tôi phun bắn ra sàn tàu. Máu đỏ gắt, tươi rói vô tội dưới ánh sáng mặt trời. Tôi ngã chui trong vũng máu. Tôi bơi trong máu của mình. Của mẹ. Tôi chưa chết, nhưng máu trào ra khắp mặt. Tôi gào mẹ. Lão tài công xông tôi phụ với gã thủy thủ đầu tiên, dùng kéo cắt kẽm, cắt lưỡi không cho tôi gọi mẹ bằng tiếng mẹ đẻ. Tôi quay. Cái chết nào cũng đau đớn. Chủ tàu vừa quát gọi tài công nhỏ neo, vừa lấy đinh chọc tiếp vào hai mắt khiến tôi mù loà không trông

thấy quê nữa. Tôi rú lên. Thịt da tôi tan nát. Nhưng lưỡi đã bị cắt, chỉ phát ra những tiếng la khắc khoải, âm thầm, lảng lặng, kêu vang cho chính mình. Không ai can thiệp. Không ai thương xót. Tất cả đứng dung. Tàu đã tách bến. Không phải con người ở quê tôi không còn tình cảm. Nhưng họ đã chứng kiến quá nhiều, trông thấy cái chết quá nhiều. Giá trị vĩnh hằng là những giấc mơ. Đối với họ, chúng tôi là những tử thi sung sướng.

Đám thuỷ thủ lấy cưa xé xác từng người đã chết ra từng khúc để bán cho hải tặc. Tiếng cưa máy réo inh ỏi man dại như tiếng hú của những con vật ăn thịt. Những khúc ruột xổ ra, bầy hầy, bị vắt xuống biển, trôi theo nước cuồn cuộn về quê. Xương chúng tôi bị ném đi, rơi vào lòng đại dương mênh mông, dày sóng, đầy đồng tố, đá ngầm, san hô và những lỗ đen sâu hoắm mở ra chờ đợi. Từ chi chúng tôi rơi không cưỡng lại được, không thể bám víu, gió phanh phật... Nhưng lúc gã thủy thủ chèo sọ thì tôi vùng dậy. Có ai chết mà muốn hài cốt mình chịu đầy xéo, đừng nói cưa tiện. Tôi vùng vẫy, đầu ngắt qua ngắt lại để tránh lưỡi cưa đương tì xuống. Lưỡi thép rít rè rè kêu xoáy kè màng tang, tôi khóc lóc van xin nài nỉ, vật nài khẩn khoản lạy lục xin tha, căn buồng nóng hơn một lò thiêu, chiếc giường chồng chềnh chao đảo nghiêng ngả nhấp nhô giữa áp suất hầm như ở xứ nhiệt đới. Trần nhà không ngồi xoáy tròn, quay tựa một quả bóng vụ ném vào khoảng không, xoay tít, mồ hôi tôi vỗng vỗng chảy tháo ra ở hai bên nách, ở trung lưng, ở cả bắp đùi nhúp nháp. Mặt đậm đầy nước. Nước m蒐集 m蒐集 lăn rong rêu. Biển tràn vào buồng, tôi bơi giữa biển mồ hôi bám tím sự sống, vẫy vùng tìm lối thoát, co dập díp vào cạnh giường kêu me, lăn lộn tức tưởi tóc mền tóc chăn xé gối. Tôi giật tấp vải màn che cửa sổ, nastic ủa vào như thác nước xối phồng da mặt ném bùng ra khỏi cơn mộng.

Giấc mơ khủng khiếp. Căn phòng ngập hơi. Tôi thở hổn hển. Áp suất ép làm những giọt mồ hôi nhỏ li ti vỡ ràn rụa. Ác mộng hãi hùng còn đeo bám in dấu trên mình tôi tím bầm, đầy dấu tay ấn của Chiến và những nhát búa tạ còn lõi lõm khắp ngực. Tôi nắc dứt quãng. Hoảng sợ. Chết đi sống lại. Giống vừa làm kinh. Máu mũi trong lúc trớ chảy đầy miệng.

Phải lâu lắm tôi mới hồi lại, rời cõi hoang vu để trở về với thực tại. Chung quanh lặng lẽ. Tất cả lặng lẽ. Tôi nhận ra mình đang nằm chính giữa căn buồng nhà Quý. Cánh quạt trần không biết Quý gần từ bao giờ, ban sáng tôi vẫn còn chưa thấy, quay lùi đỡ chậm chạp, không thời được chút gió. Cánh quạt rình soi mói. Tôi sờ tay lên vách tường ẩm rêu. Căn phòng Quý cho tôi ở sát vách núi, chỉ cần mở cửa ra là chạm những khói đá tảng hoang vu xù xì. Tôi nghe được tiếng nước chảy ở đáy hồ Ba Bể, thường nhật sâu lắng, lúc này ầm ào kêu vang. Tiếng nước chỉ làm cho buổi trưa rộng thêm. Tôi không biết mình nằm trong buồng bao lâu, chỉ nghe rất rõ mọi tiếng động. Tiếng những ngọn cổ mọc khắc khoải quanh nhà. Tiếng những cột gỗ tròn trổ vân vẹo ngoài hành lang. Tiếng mỗi một bò trong các ngách gỗ. Thậm chí đến tiếng trứng gà vỡ trong góc chuồng tôi cũng nghe được. Những mảnh trứng vỡ rao rao, non nớt xen kẽ tiếng động thật khẽ, yếu đuối của từng cánh cải cúc nhú mìn cõi vươn lên dưới gầm giường. Gian buồng mọc đầy cải cúc. Nở rộp, tươi tốt. Một vũng ối nhỏ nhúp hôi thối nhầy nhụa trên mặt thảm. Tôi nghe tiếng thát bóp của mạch máu, ở cườm tay, ở ngực, ở gân, ở não, ở dương vật của chính mình. Tiếng động của các tế bào sinh sôi nẩy nở rồi chết đi liên tục, sôi động, hàng hàng lớp lớp, cứ hết mói này đến mói khác, cứ hết lớp này đến lớp khác, tái tạo huỷ diệt, sinh tử đối ngồi cho nhau nhịp nhàng đều đặn theo một thứ chu kỳ bất tận. Những tiếng động mê hoặc miên man không dứt, lấn át cả giấc mơ ban nãy.

Trời mưa lúc nào tôi không rõ. Nắng quái của buổi chiều vụt biến, vụt tan, nhường cho màn sương mù đặc vây quanh nhà. Trận mưa mạnh, những hột mưa to, nặng, chậm, sâu như tiếng cuồng dám thổi dân ven nhà Quý mỗi sáng bổ vào lòng đất. Mưa xối xuối bao lớn phỏng tôi, tưới ướt những chậu quất. Hơi mưa man mát lén vào buồng kêu tí tách. Vách tường ẩm rêu chảy nhòn nước. Khối đá xù xì sát cửa sổ bắt đầu hồi sinh. Tôi nghe rõ chúng cựa mình tắm mưa. Trận mưa bắt ngờ gột sạch những ám ảnh còn sót từ giấc mơ. Tôi trở nên tinh táo lạ lùng. Một thứ khoáng đạt nội tâm bất chợt. Giống trận mưa làm loãng ảnh hưởng của chén trà Thổ lúc nay. Tôi nằm trên giường ngắm cơn đông rải đều rầm rắp xuống dinh cơ của Quý những nắp nước bạc. Tôi thấy cần dàn bà.

Quý hiện ra bất thình lình ở ngưỡng cửa.

– Trốn lên phòng đợi em phải không ?

Quý cười khúc khích, thân mật. Ngồi thụp xuống bên giường, xoáy người cắn vào tai tôi hỏi khẽ:

– Đợi em lâu không ? Lão Quý canh ngọt mãi mới tìm được cơ vào nhà hỏi chuyện con Nữ. Nhớ lắm nhỉ ?

Quý thủ thi. Luồn tay vào ngực áo tôi xoa xoa, những đốt tay Quý dịu mát, lan tỏa như búp hồi toả hương mật, kích thích. Quý đưa tay vuốt tóc, lau vài giọt nước mưa còn bám. Cử chỉ thật dịu dàng, không chanh chua dữ tợn như ở dưới vuông. Nhưng tôi hãy còn chưa dứt khoát, dẫu gì Quý cũng là vợ của Quý. Tôi cố gắng, Quý cười rũ.

– Nhát thế à ?

Quý trườn người nắm tay tôi đặt lên đầu vú, bắt nắn se, mơn mờ, xoa xoa, di di, rồi lại cười rúc rích:

– Thích không ? Lão Quý vừa giới thiệu anh là em thương ngay. Có thèm ngủ với em không ? Sao lúc nay em lận bài không mách ?

– Mách để làm gì ?

Nghé tôi trả lời, Quý cười thành tiếng.

– Ngày thơ nhỉ ? Thảo nào lão Quý chê anh trẻ người non dạ. Nhưng em thương là được.

Quý cởi áo, némi vào góc, ngực vú vun nở, trắng ngà, ưỡn ra quả quyết. Mắt Quý chợt chạm phải vũng ói trên mặt thảm.

– Say thật à ?

Không đợi tôi giải thích, Quý cúi gập người liếm vũng nôn. Dáng điệu mải miết, say mê, Quý nuốt thật sự những thứ tôi vừa nôn ra. Lưỡi thoăn thoắt dọn sạch những mẩu thịt nát lợn cợn. Bãi ói với dần di, cho đến lúc sạch hẳn. Quý mút tay tiếc rẻ. Từ lúc Quý bước vào buồng, nũng nịu, tôi đã kích thích. Nhưng trông thấy một người đàn bà đẹp, quý nuốt những thứ mình vừa nôn ra khiến tôi càng cực ham muốn. Tôi chưa trông thấy hình ảnh nào đậm đặng bằng cảnh Quý uống các chất chua thải từ bao tử mình trôi trên đất. Dương vật tôi săn cứng lại. Tôi muốn ôm chầm lấy Quý, Quý cũng nhận ra, chồm lên, cắn nghiến lấy tôi.

– Em giống con thú không ? Nhai lại thức ăn của anh !

Quý dong đưa ngực vú hòn tôi mê dại. Hai bắp tay nhẽ nhại nỗi những đầu ngón tay xoắn xít. Quý tháo thắt lưng hộ tôi. Tấm đệm còn tắm mồ hôi, tôi với Quý ôm nhau trong nước, bênh bồng lặn ngụp giữa thân xác. Tôi ham muôn kích ngất, muôn vật ngã Quý, ấn đầu Quý, đè ngửa Quý, banh dạng cơ thể Quý, hâm Quý ngay dưới chân giường, nhưng tay chân vẫn bâng hoảng sau giấc mơ, nặng nề không sao cử động được. Quý nhìn tôi thiếu kiên nhẫn. Mấy ngón tay nóng nảy tháo vội cúc.

– Anh còn say lắm để em giúp.

Đôi môi Quý chín rực, tên xuồng, cuồng nhiệt. Quý mút khoẻ. Chắc. Hầm hở. Võ vập. Lớp son mỏng ráy dở rát. Sức vóc của người đàn bà chán việc đồng áng. Toàn thân xác tôi bỗng phủ kiến, những đòn kiến bò khắp châu thân, cắn, tiêm niết vào các thớ gân, cùng lúc người tôi như tách rời ra, bay qua những cách đồng, lướt gió, lơ lửng, mải mê, những đám mây hoang lạ và núi rừng xuyên suốt qua người. Tôi nghe rõ mình kêu thát thanh giữa khoảng trống mênh mông vô tận, tôi bay theo hướng mây cuồn cuộn về phía mặt trời, không còn mưa, không còn bão, đã tắt đồng, đã tắt nắng, nhưng vẫn sáng, thứ ánh sáng của tuổi thơ lấp lánh. Biển bầy ra trước mắt. Xanh thăm, rùng rợn. Phút chốc tôi nhận ra bãi biển của giấc mơ, kinh dị. Tôi thét gọi mẹ, bấu lấy đầu Quý muốn ngừng, nhưng Quý vẫn tiếp tục, ngậm chắc, mải miết, nuốt trọn toàn thân tôi đang rơi trở lại vào đại dương của tuổi thơ tự sát. Tôi sống trở ngược cảm giác hoảng hốt, hoảng sợ, mà cũng cực kích thích, ham muốn tìm cái chết, tự nguyện chịu hành xác. Tôi bay trở ngược chập chùng qua biển lớn. Gió gào mang tai. Thịt da từ từ tươi trẻ, mắt từ từ trong, tuổi trẻ nhập trở lại trong mình tôi đầy tràn sức sống. Tôi thấy lại bến cồn lúp xúp những ghe xuồng chở người ra tàu lớn. Tôi thấy tôi đi trở lại qua lòng chợ. Quý vẫn không buồng, mút lấy mút để, nuốt nhay hối hả, người tôi căng phồng như cánh diều no gió, bay lồng lộn phản phật qua những mái nhà, chùa đình miếu chợ. Tôi thấy lại tất cả. Tôi muốn bước xuống, muốn trở về nhà, muốn ngã vào lòng mẹ, nhưng Quý không cho, muỗi ngón tay vẫn bấu chắc, hối thúc, siết mạnh, đẩy đến cực điểm. Quý như kẻ thả diều bắt tôi lên cao nữa, lên cao mãi, lên cao cho đến lúc nổ tung, cho đến lúc bước chân xuống tàu bị giết. Lưỡi mác chém vào đầu, chém vào vai, xé óc, đổ thịt, tan xương, nát sụ, máu me nhầy nhụa. Tôi sợ. Gào. La. Thát thanh. Tiếng hét vang dội trong buồng, tiếng hét tháo ruột tháo gan trôi tuột tuối thơ, sinh lực bao nhiêu lâu chôn giấu, giữ trong mình, đè nén, kềm hãm, chất chứa, căng thẳng thúc bách giống lần xuất tinh đầu tiên ào ạt mạnh mẽ mãnh liệt bắn phun xối xả tuôn tuối tắm đầm đìa khuôn mặt Quý ướt đẫm.

Tôi thở dốc. Hào hển. Co thắt. Rút giật. Người run bần bật. Mạch máu não chùng đứt. Dương vật là con rắn bị cắt tiết.

Quý giật vải giường lau tóc, lau mặt, chùi những tinh trùng còn ngọ nguậy bám ở môi.

– Tôi em qua buồng nhé.

Quý âu yếm, ranh mãnh. Mặc áo và biến mất. Tôi nhắm nghiền mắt.

Tiếng Quý gọi Quý vọng từ chốn nào xa vắng, xa xôi, xa lánh, vọng vắng vang vang, vắng vắng như ở kiếp nào, thế giới nào trôi ngang qua buồng rồi đi khuất, mất hút.

*Tết Giáp Tuất, chúng tôi hãy còn rất trẻ. Tuổi trẻ không trông thấy trên gương mặt, trong đôi mắt, ở làn da, nhưng hẳn những giấc mơ khắc ghi không bao giờ mất. Tết Giáp Tuất. Bất cứ ngày nào cũng là Tết Giáp Tuất. Chiều nào cũng là chiều hai mươi tám Tết. Sáng nào cũng là sáng mùng Một. Không có thời gian. Không có không gian. Không có khái niệm. Không có chuẩn mực nào để đo cuộc sống chúng tôi. Tôi về với Quý bao lâu, không ai biết. Chính tôi cũng không rõ. Chỉ thấy cơ ngơi Quý mỗi một ngày một quen thuộc. Chúng tôi đã sống nghìn năm dưới lớp mai vỏ cua, với những cột cái, cột quân, con chèn, cỗn. Những cánh*

rừng phía sau nhà Quý rậm thêm, những dải núi mọc lắn dồn ra sát thềm lục địa, chân núi giẫm xuống biển, chổng xuống vực sâu, mặt trời mọc ở hướng Bắc, mặt trăng lặn ở hướng Nam, trái đất có mười lục địa, con người có tuổi thọ một ngàn năm, chúng tôi không cần biết. Quý tiếp tục tiệc rượu ê hè thừa mưa. Chiến tiếp tục với cỗ bài mê hoặc, và tôi xuất tinh lên gương mặt Quý rạng rỡ.

Một đêm sau tiệc rượu, chúng vất vả chai, tôi bắt đầu chéch choáng. Quý bốc máu, rủ:

– Đêm qua có bầy sơn dương trên núi. Thế nào cũng sót lấm chú còn lẩn quẩn. Đi bắn về ăn !

Quý hùng hục lục trong rương đưa tôi một khẩu AK, hai bộc phá, côn anh vác thượng liên 12 ly 7 với B40. Trời quang đãng, ngồi đất chan nắng. Quý vào nhà xe chất đạn. Chiếc Mercedes 500 SEL đời mới của anh bóng loá. Kể từ phút giây này về sau, Quý hoàn toàn im lặng, keo kiết lời nói đến mức ngạt. Chúng tôi như bước qua một thế giới khác. Một thế giới có hiểm nguy rình rập, mà tưởng Quý quen thuộc lắm. Anh phạt lau, nứa, di cẩm mặng hơn chạy, băng băng, chốc chốc mỗi quay lại ra hiệu cho tôi bám sát vượt bãi. Trước mỗi trăng trống Quý đều sợ hãi nhìn trời lo lắng phỏng đoán tai họa có thể đổ ập xuống. Người tôi mệt rã, bao nhiêu gò đất, hố núi vượt qua, con đường mòn cứ hun hút ngoằn ngoèo dưới tán rừng tua tủa Bạch Đàm. Gai góc, giây leo, chằng chịt như nghìn cánh tay mục bám víu. Tôi muốn gọi Quý nghỉ mệt, nhưng anh đã hối:

– Vận động vượt bãi !

Quý lao về phía trước, tung khóm xuống, mặt ngửa nhùn trời, dùi và cả hai tay anh bơi sải cật lực vạch lanh lách. Bốn tay chân Quý quơ quào tựa một con thú hổ hả tìm chỗ trú. Khoảng trăng trống xanh đầm mây trắng trời cuộn cuộn đẹp khác thường. Giống một giòng sông hực nắng hoang dã chảy vắt ngang trời. Chúng tôi đã sang đến bên này bìa rừng mà Quý hãy còn giục :

– Khẩn trương lên giặc lái đến bấy giờ !

Chúng hiện ra ngay khi ấy. Ở ngay lúc Quý vừa dứt lời. Ở chính giữa trăng. Đẹp vô ngăn. Cả tôi và Quý sững sờ. Choáng váng. Không phải vẻ đẹp thông thường mà là nét đẹp huyền sử, truyền thống ; nét đẹp cổ xưa đã có từ nghìn năm. Giống một bức vẽ truyền thần gia bảo. Giống một nét họa dân gian bảo lưu đã mấy ngàn đời. Từ ánh mắt cổ kính long lanh chan chứa, đến vóc dáng thon thoát óng chuốt màu sắc. Bầy rồng trăm con uốn lượn nhịp nhàng tựa trăm cô gái múa lụa. Chúng vừa cổ tích, vừa thật. Trăm con rồng đang quỳ xuống đứng lên uyển chuyển, nhảy múa vòn vòn nô giòn chuyển nhau những trái cầu. Những trái hoả long bay phấp phới, bồng bềnh nhẹ như trứng, mong như những búp hoa được gió nâng, lửa thổi. Đẹp mêảo. Tôi vụt tim thấy lại sự bình yên sâu thẳm bấy lâu đánh mất : *Chúng hãy còn sống. Chúng chưa quên và theo tôi sang tận chốn này.*

Những cơn mưa ở đâu bắt chợt rưới rật rào trời đất. Mưa thác lũ. Đúng rồi những trận mưa cũ, ẩm, nóng. Tôi thấy lại mình chạy vui sướng qua những hẻm ngách. Nước vồn vã thăm hỏi bốn bề. Nước reo hò. Mưa ngập đến gốc. Đất trời là một ao hồ dậy sóng. Những vách tường bong nhẵn rêu loang loáng vôi vàng tắm ướt cười nắc nẻ mở lối đưa tôi đến đứng trước thềm điện. Đền Hùng. Uy nghi. Lãm liệt. Hoành tráng như trong những bài thơ. Và chúng ở đó, đậu trên nóc. Uy vũ mà thân thiện. Tôi quen chúng từ thuở sơ sinh, còn nǚm ẩm ngửa miệ bồng đến xin xăm. Bầy rồng vui vẻ vẫy đuôi gọi. Hoan hỉ đón

mừng. Ở mỗi cột ngách chùa đều có một chú rồng con đợi tôi. ngoe nguẩy cong râu, hơi hích mũi mím cười. Tôi chuyện trò với chúng, thì thầm gọi tên những người bạn thiết : Hoàng ơi Thanh ơi Hoả ơi. Tôi đưa tay chào. Chúng lắc đuôi vẫy. Bao giờ chúng cũng sà xuống và đệm về theo tôi vào những giấc mộng. Có khi tôi vô tình mở cuốn vở lịch sử, chúng đã hiện hình ngay trên trang giấy, nambi cuộn dưới chân. Suốt thời thơ ấu có bao giờ chúng tôi xa nhau. Mưa ướt mặt, tắm mát ký ức, nhưng tôi thấy chúng khóc. Chúng đã hiện ra bằng xương thịt cho tôi trông rõ. Chúng cũng xúc động gặp lại tôi ở chốn này, muôn vàn xa cách. Tôi muốn gọi Quý, kể cho anh nghe mối tình của tôi với chúng chia cách mấy đại dương, nghìn trùng đã bao năm.

Nhưng Quý giờ cao súng. Tôi hãi hùng trông thấy những dây đạn chầm chậm chạy vào nòng thép. Hãi hùng thét gọi. Hối hoảng, thảng thốt. Tôi chạy níu lấy Quý, la, gào, giằng co cản trở, quỳ van vái lạy dưới chân anh, nhưng Quý đẹp tôi ngã, hươi súng bắn xối xả vào bầy rồng tán loạn. Tiếng súng của Quý nổ chát chúa. Xé trăng. Ghim vào bầy rồng lõi chỗ. Tung dây đạn 12 ly 7 toé lửa. Những tiếng rú đau đớn đinh tai. Những tiếng rú thảm khốc. Những tia máu phun đỏ thắm chan hoà chân trời. Những thây rồng lăn lộn ngã quy xuống trăng. Những tiếng kêu rên áo não trong lúc Quý tiếp tục tưới đạn. Tôi gào khóc, đau đớn, vật vã, cẩu xé, lao vào Quý bị đẩy bật ra rồi lại lao vào. Những bầy rồng con ngã sõng soài. Tôi trông rõ một đứa trẻ máu ứa ra ở mũi, ở lỗ tai, ôm chùm ruột cỗ bò lết ra khỏi trăng. Vết máu tràn theo người nó đỏ bầm. Quý xô tôi, ném bộc phá, và bắn B40 kết thúc. Những gấp đạn vãi lên xác đứa bé còn hấp hối, tiện đứt cánh tay nó còn dang cỗ chìa ra phía trước khẩn khoán. Đứa bé chết giữa đồng xanh mây trắng. Máu, xác, chân tay đầu bụng ngổn ngang.

Có thứ tội ác chỉ phạm một lần đủ huỷ diệt con người. Nhưng có thứ tội ác nặng nề hơn nữa : Không biết mình tàn ác. Quý thuộc về tội ác thứ nhì. Còn tôi ? Kẻ chứng kiến, tôi thuộc về tội ác thứ mấy ?

*T*ôi còn đang tìm kiếm tên mình trên bảng phân loại tội ác, thì Quý xắn xổ lấy cưa máy xéo thịt rồng. Con rồng con đỏ hỏn vừa bắn về ban chiều tưới rói, khoe những thớ thịt trẻ thơ bụ bẫm. Ghê sợ. Nhưng tôi cũng không cưỡng lại được niềm phấn kích, hờ hởi, của cảm giác được ăn thịt tươi lòn đầu không đông lạnh. Tôi phụ với Quý luộc thịt, gói bánh tráng, trong lúc Quý bầm sả, thái ớt, xay dứa làm mắm nêm. Chiến lẩy dao phai chặt thịt dùi để nướng chả. Quý nướng bánh da làm thêm mấy món đặc sản, lẩu, lòng, rựa mận, một mâm gói bao tử tiệm với bưởi, một chén thịt dông, ba đĩa thận hắc. Quý còn cắt đầu rồng nấu cháo đậu xanh để dành tôi. Chúng tôi say sưa xông đất ăn nhậu thỏa thích trong xác pháo hồng đỏ rợp thềm năm mới.

Chỉ sáng Mùng Một mọi người mới khám phá ra nỗi buồn hoang vu uất. Thú nỗi buồn héo tim gan, chín thịt xương. Như một thứ mầm độc gieo trong lòng. Thế giới là một khoảng trống không vô nghĩa. Cuộc đời là những tuyệt vọng liên tiếp chờ đợi một hạnh phúc không bao giờ xảy đến. Ban đêm là những giấc ngủ khó khăn khô cằn mộng mị. Ban ngày là những buổi sáng thiểu vắng tương lai. Sống nhưng bị kết án. Tự trong thâm tâm chúng tôi hiểu đã phạm tội tổ tông và chờ đợi một hình phạt. Sự trừng phạt xảy ra buổi chiều con gái Quý đi biểu tình chống kỳ thị trở về.

Nữ đến đứng trước bàn thách thức:

– Je pars avec mon mec.

– Thằng nào ?

Quý gầm. Quý cũng chὸm tới. Nữ chạy giật lùi tránh bàn tay của Quý vươn chụp tóc.

– Il est Turc. C'est un immigré comme vous. Il vit en Allemagne, je veux partager sa vie.

– Mày ở nhà ! Tao cấm mày ngủ với bọn Thổ.

Quý nắm được tóc Nữ, vít lấy đầu và túi tấp. Nữ xổ tóc tai gào khóc dãy dưa, nhưng càng dãy Quý càng đánh.

– Mày chết đi !

– Vous êtes dégueulasses. Vous aussi, vous êtes des immigrés. Des Turcs !

Nữ vùng vẫy, nhưng Quý phụ với Quý lấy dây điện quất vào mặt Nữ không cho cãi. Quý trói lôi con gái sành sạch lên lầu khoá trái. Chiếc vòng ngọc Nữ đeo ở cổ tay nứt rót trên mặt đất, tôi cúi lượm thấy vỡ giữa lòng bàn tay mình một nỗi ham muối mới kỳ dị. Quý chửi đấm trở lại vào trong nỗi buồn tổ tông hiu quạnh, hạnh phúc hoài thai vì thiếu vắng bầy rồng quen thuộc. Chiến lợ đãng với cỗ bài đánh tráo thời gian. Quý thêu mốc áo lót đồ dẩn. Và gia đình Quý gia công sản xuất buôn lậu. Vắng vắng giọng ngâm cổ văn của cụ Cử : *Song mẫn tinh tinh hương nhän hoa...* Tôi đi tìm căn nguyên của nỗi ham mê mới mẻ hình thành trong mình. Không có khám phá nào kích thích bằng khám phá trẻ thơ.

Nữ đợi tôi giữa buồng. Mái tóc con gái vuốt mềm xuống lưng áo dài phin trắng. Nỗi ham mê mới trong tôi đẹp ngây ngất như tuổi mười bốn mười lăm ở gương mặt Nữ trái soan mơ ước. Ánh mắt hồn nhiên, vạt áo lụa nõn khép nép. Nữ đẹp tựa các cô nữ sinh tuổi cài trâm tôi vẫn tình dồn trước cổng trường đạo nào. Đôi môi chum chím, khoé mắt lăng man, sóng mũi bé nhỏ lèn thùng. Cả khung trời hoa mộng dĩ vắng cũ bừng sáng. Tôi xúc động cầm nắm lấy tay Nữ thảng thốt.

– Em là ám ảnh của anh.

– Sao dồn em muộn ?

Nữ ngạc nhiên. Mắt e lệ. Người tôi run lên vì sung sướng. Nữ nói được tiếng quê tôi. Tôi vẫn mong Nữ đừng nói tiếng thổ dân, dội vai Nữ run rẩy lúc tôi kéo ngã vào lòng, hôn đậm dại mê đắm. Thốn thút. Tôi hôn cuồng nhiệt đôi môi nở ngát của người yêu. Nhưng Nữ đẩy tôi ra, thở thê :

– Anh xin bố mẹ cho em sang Đức sống với Mohamed.

Đầu óc tôi băng hoàng. Hoá ra Nữ vẫn yêu thằng đường Thổ. Có tiếng cãi vã dưới vườn. Chiến trách Quý đã bắn con thú đẹp nhất. Quý chửi Chiến rước thủ về dãy mả tổ. Rồi dột ngọt tiếng súng nổ. Tiếng M-16 chen lẫn tiếng AK. Tiếng đại bác 155 ly pháo cùng lúc với sơn pháo 130 ly từ trong núi thúc xuống. Tường vách rung chuyển. Trần vách nền nhà xốc tung lèn dưới mõi tiếng nổ. Ngày hôm nay là ngày 19 tháng 6 Quân Lực VNCH, cũng là ngày 2 tháng 9 Tuyên Ngôn Ba Đình lịch sử. Tôi hoảng hốt. Chiến tranh trở lại. Mùng Một Tết chưa qua, lựu chiến chưa hết, nhưng lửa cháy ngoài hành lang, Nữ kêu cứu. Tôi chạy xuống vườn. Chiến đang túi xăng ném lựu đạn lân lình dốt Thế Miếu. Tôi cản Chiến.

– Anh điên rồi !

– Mày cấm đi. Miếu này là miếu của nhà thằng Quý. Tao dốt nhà nó !

*Trên đầu súng ta di tổ quốc đã vươn mình. Tiếng kèn xuất quân Chiến vút lên cao : Trên lưỡi lê cầm hòn hòn cẩm với xiêng xích. Khu vườn vắng tanh, Quý biến đâu mất tôi không rõ, tôi chạy ra Phật điện tìm Quý, anh đang vót dưới hồ Ba Bể*

một rương hòm chất đầy súng cối, súng không giật, mìn đĩa và chất nổ TNT.

– Hết chiến tranh rồi sao các anh còn bắn nhau ?

– Mày con nít biết gì ! Tao giết nó !

Quý ráp bừng súng cối rót đạn vào chỗ tôi và Chiến vừa đứng lúc nãy. Tiếng “ départ ” của mortier thúc vào dãy nhà trước tháp Bảo Nghiêm cháy phùng phùng. Tôi nhớ Nữ hãy còn bị nhốt trong buồng, dãy lầu đang phát hoả dữ dội. Quý như kẻ động kinh vừa pháo kích vừa phồng mang trọn mắt : *Tiến về Sài Gòn ta quét sạch giặc thù !* Tôi chạy trở lên lầu, người tôi cũng bị kích động dột ngọt. Mái tóc Nữ rõ ràng thay đổi màu sắc, những lọn vàng óng ánh buông thả nhởn nhơ trên áo tee-shirt bó người. Nữ chẳng khác những bé gái thổ dân vừa lớn, ngực vú mồi mọc, tươi mát, kích thích.

Tôi ôm ghì Nữ. Tiếng quân nhạc Chiến đang bắn pháo bông duyệt binh vọng vào buồng rõ mồn một : *Giặc miền Bắc vô đây bàn tay sát hại đồng bào, Bình Long quê hương tôi mồ chôn xác giặc hung tàn, hàng T-54 còn nằm phơi xác quanh đây.* Tôi xé áo Nữ thịt da trẻ thơ máu xương vô tội, tôi nhai nghiên lấy nún ngực Nữ mềm mại đỏ son trắng ngọt. Đêm nay là đêm Mậu Thân chôn sống tập thể. Chiều nay là chiều Mỹ Lai tàn sát không nương tay. Sáng mai là sáng hãi tặc cưỡng hiếp thoả thích. *Chiều đi lên đồi cao hát trên những xác người* tiếng hát Quý lảnh lót. *Trả con cho tao* Quý gào ; Quý đồng ca sau Phật điện : *Diệt hết lũ ác ôn tiêu diệt giặc Mỹ bạo tàn, nhân dân yêu nước đang cùng xuống đường bên bao binh sĩ đêm ngày mong chờ...* Hỏa tiễn 122 ly bay rót vào trường tiểu học Cai Lậy, duỗi lửa bay ngang ô cửa sổ lúc tôi tóc vẩy giật quần lót Nữ. Tôi muốn chiếm đoạt tuổi trẻ phơi phới sung sướng đầy đủ không lo nghĩ tương lai vững chắc của Nữ, muốn xé bằng đại học Nữ sấp có, muốn đập phá ngây thơ trên thân xác Nữ tươi trẻ chưa biết bom đạn. Muốn tuổi thơ Nữ phải khốn khổ như tuổi thơ tôi. Lửa燎 lên. Nữ lấy hai tay che ngực che bụng van lạy, tôi nắm tóc Nữ ấn đầu xuống gối bẻ quặt tay mở cúc quần mình. Thân thể Nữ tròn mịn, như cánh đồng lúa chín căng những hột thóc ; *Vùng lòn nhân dân miền Nam anh hùng* Quý gào sát mang tai, Chiến bắc loa thổi kèn đánh trống : *Máu ta từ thành Văn Lang dồn lại, xương da thịt mẹ cha ông miệt mãi.* Tôi dâm Nữ bằng tất cả sức mạnh, trí tuệ và cơ bắp. Máu chảy ở vết thương, máu đỏ gắt như máu những trẻ nít chết ở Mỹ Lai, như máu học trò chết trong trường tiểu học Cai Lậy, tôi cầm pháp thân thể, luii kiềm sắc nhọn, to, bén, đậm từ từ sâu hút, chém dội thân xác, xuyên suốt thịt da, cắt gân cắt thịt. Nữ oằn người gào. Khóc. Tôi bẻ quặt hai cánh tay Nữ lên tui bả vai, bẻ giật cánh khuỷu. Lửa liếm vào buồng cháy lan nòng màn chăn chiếu. Súng nổ từ bè, tiếng Quý gọi khản cổ *Trả con cho tao*, tiếng Quý bắt nhịp bài ca Kết Đoàn và giọng tenor của Chiến hùng tráng nung nấu. *Cờ bay cờ bay trên thành phố thân yêu vừa chiếm lại đêm qua bằng máu.* Tôi dâm vào nữa. Dâm vào chỗ thịt mềm nhất. Dâm như dâm thú. Giết trâu giết bò giết chó. *Chiều đi lên đồi cao hát trên những xác người.* Tôi muốn sống cuộc chiến đang xảy ra. Muốn tham dự. Phạm tội. Trực diện. Lãnh trách nhiệm. Muốn trông thấy *nhiều hố hầm đang chôn vùi thân xác anh em*, muốn giết người một lầu. Muốn sống cảm giác bắn người là mê suối đời như Chiến và Quý thường nói. Tôi hâm Nữ tàn khốc. Tôi giết tuổi thơ của Nữ. Lặng nhẹ cha mẹ, làm nhẹ tuổi hoa niên của Nữ. Thỏa mãn.

Trần Vũ

(trích tiểu thuyết *Giặc mồ Thổ*)